



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 0866-7322

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 58 - KỲ I - 11/2019



CỘNG ĐỒNG THỐNG KÊ ASEAN ACSS9
TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC THỐNG KÊ KHU VỰC



Nông nghiệp Việt Nam
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI
TRONG XU THẾ XÃ HỘI GIÀ HÓA



GIÁO DỤC THỦ ĐÔ
ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH - TÂY HỒ: TRIỂN KHAI MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC LẤY TRẺ EM LÀM TRUNG TÂM

Trường Mầm non Bình Minh được thành lập từ năm 1974, trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Nhà trường luôn nhận thức vấn đề giáo dục sớm cho trẻ em trong giai đoạn vàng là rất quan trọng nên đã chủ động xây dựng và triển khai môi trường giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm từ rất sớm.

Hiện tại trường có 85 cán bộ, giáo viên và nhân viên tạo nên một tập thể đoàn kết, có ý thức trách nhiệm tốt, tận tâm, tận lực chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho gần 900 trẻ. Hiện nhà trường có 2 cơ sở với tổng diện tích là 3.760m², trong đó diện tích sân vườn là 1.650m²; Tổng số lớp học là 19 phòng; 01 phòng chức năng; 06 phòng khu hiệu bộ; 25 phòng vệ sinh; 02 khu Phát triển vận động cho trẻ, 02 khu Vườn rau của Bé; 02 góc Đọc sách cộng đồng. Các lớp học được trang bị bổ sung đồ dùng, đồ chơi theo hướng đồng bộ, hiện đại, chú trọng thiết kế khung cảnh sư phạm thân thiện, gần gũi với thiên nhiên, sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn để trẻ em luôn có cơ hội trải nghiệm và khám phá. Khu bếp được sắp xếp theo quy trình bếp 1 chiều, trang thiết bị hiện đại

đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng hiệu quả phần mềm nuôi dưỡng, đảm bảo lượng calo và cân đối định lượng các chất trong ngày cho các cháu.

Được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, của địa phương, sự phối hợp ủng hộ, tin tưởng của phụ huynh học sinh trong công tác Chăm sóc - Nuôi dưỡng - Giáo dục trẻ, nhiều năm qua nhà trường đã đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc của Thành phố, vinh dự được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ và được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Với định hướng lấy trẻ em làm trung tâm, trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Trường đã đi đầu trong ứng dụng phương pháp dạy học Montessori nên học sinh của trường luôn phát triển năng lực cá nhân theo hướng toàn diện,

mạnh dạn, tự tin, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tập thể, có thói quen văn minh và hành vi ứng xử phù hợp với môi trường. Năm học 2018-2019 Trường đạt giải Ba cuộc thi thể loại ca, giải Khuyến khích thể loại múa trong cuộc thi “Giai điệu tuổi hồng” cấp Quận.

Những kết quả trên là sự cố gắng, nỗ lực của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo. Trong những năm học tới, trường Mầm non Bình Minh sẽ tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, xây dựng nhà trường theo hướng lấy trẻ em làm trung tâm, phối hợp với các cha mẹ để trẻ em nhận thức và phát huy cao năng lực cá nhân, tạo nền tảng vững chãi, giúp các em tự tin bước vào cấp học đầu đời.../.

P.V



Không gian giáo dục tại Trường Mầm non Bình Minh

CỘNG ĐỒNG THỐNG KÊ ASEAN ACSS9

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC THỐNG KÊ KHU VỰC

Trong 3 ngày, từ ngày 9-11/10/2019 tại Bangkok, Thái Lan, Ban Thư ký ASEAN phối hợp với Văn phòng thống kê quốc gia Thái Lan (TNSO) tổ chức Phiên họp thứ 9 của Ủy ban Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN (ACSS9). Bà Hataichanok Chinauparwat, đại diện Văn phòng Thống kê Quốc gia Thái Lan và ông Phạm Quang Vinh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam đồng Chủ tịch.

Chủ đề chung của Chủ tịch Thái Lan ASEAN năm 2019 là Quan hệ đối tác tiến bộ vì sự phát triển bền vững; và riêng đối với lĩnh vực thống kê là tăng cường hơn nữa hợp tác thống kê khu vực và chủ động đáp ứng các yêu cầu thống kê mới nổi.

Nhiều chủ đề đáng quan tâm được thảo luận tại ACSS9

(i) Phiên họp kín ngày 9/10/2019 của Ủy ban ACSS, tập trung vào một số nội dung chủ yếu như: Trình bày một số kết quả của các Hội nghị toàn thể CoW9 của Ủy ban cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh Bộ trưởng ASEAN liên quan đến chương trình hành động của ACSS; kế hoạch thực hiện xuất bản ấn phẩm về một số chỉ tiêu Phát triển bền vững (SDGs) của ASEAN; các tham luận về thực hiện khung dữ liệu mở, khái niệm về Bigdata... (ii) Phiên toàn thể tổ chức trong 2 ngày 10-11/10/2019 với sự tham dự của 10 nước ASEAN, đại diện một số cơ quan, bộ ngành của nước chủ nhà Thái Lan và đại diện các tổ chức quốc tế.



Tại Hội nghị ACSS9, cơ quan Thống kê Thái Lan đã bàn giao vị trí Chủ tịch ACSS năm 2020 cho cơ quan Thống kê Việt Nam. Dự kiến, Hội nghị Ủy ban hệ thống cộng đồng thống kê (ACSS 10) sẽ được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 10 năm 2020. Hội nghị ACSS 10 sẽ là một trong chuỗi sự kiện quan trọng diễn ra trong năm 2020, khi Việt Nam tiếp nhận vị trí Chủ tịch ASEAN.

Chương trình làm việc ACSS 2019 tập trung vào một số nội dung chủ yếu liên quan đến công tác thống kê thương mại hàng hóa quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, thương mại dịch vụ quốc tế, Mục tiêu phát triển bền vững (SDG), Tài khoản quốc gia và các chỉ số kinh tế và xã hội vĩ mô khác. Các đại biểu dự Phiên họp đã được nghe trình bày và cùng thảo luận nhiều chủ đề đáng chú ý như: Các chỉ tiêu hiệu suất chính của Hệ thống giám sát và đánh giá (M&E)

của Kế hoạch chiến lược ACSS 2016-2025; Triển khai khung Sáng kiến dữ liệu mở ACSS cho thống kê, mô tả chi tiết kế hoạch triển khai Dữ liệu mở ACSS bao gồm: Danh sách các chỉ tiêu chính từ bốn lĩnh vực thống kê quan trọng của Xã hội học, Kinh tế vĩ mô, Thương mại - Đầu tư - Kết nối và Môi trường; Phương pháp đánh giá khung dữ liệu mở với các chỉ tiêu dữ liệu mở được quốc tế công nhận; và một công cụ đánh giá để theo dõi tiến trình Dữ liệu mở của ASEAN cũng như các quốc gia thành viên ASEAN. Nghiên cứu khái niệm, khả năng ứng dụng của nguồn dữ liệu lớn cũng là một trong những chủ đề quan trọng được đưa ra trong phiên hội nghị ACSS9.

Công tác thống kê của các quốc gia ASEAN đạt nhiều thành tựu

Trong thời gian qua, các quốc gia thành viên ASEAN đã luôn nỗ lực trong việc phấn đấu đáp ứng nhu cầu dữ liệu ngày càng tăng và nâng cao chất lượng dữ liệu

ở cấp quốc gia, thông qua việc xây dựng các chỉ tiêu mới, cải thiện các khái niệm và phương pháp thống kê, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt nhất. Đặc biệt, các quốc gia ASEAN đã đẩy mạnh tăng cường năng lực và hợp tác thống kê. Các sáng kiến gần đây bao gồm: Những nỗ lực liên tục của Brunei Darussalam để tăng cường phổ biến số liệu thống kê và tăng cường khả năng tiếp cận dữ liệu với việc ra mắt Thư viện eData trong trang web của Bộ Kế hoạch và Phát triển Kinh tế (cho phép người dùng tải xuống dữ liệu hàng loạt).

Thống kê Campuchia sử dụng công cụ nhập và phổ biến/trao đổi dữ liệu quản trị và thống kê mới bằng Stat Suite (với dữ liệu dựa trên nền tảng CAMInfo kế thừa) bao gồm các chỉ tiêu SDG và tất cả các chỉ tiêu liên quan đến phát triển khác. Indonesia sử dụng Dữ liệu điện thoại di động (MPD) để tính toán số liệu thống kê du lịch trong nước, nước ngoài và du lịch nội địa...

Thống kê Malaysia liên tục phát triển và sản xuất các sản phẩm thống kê mới phù hợp với quốc gia và các chương trình nghị sự toàn cầu, như Thống kê tội phạm Malaysia 2018, Thống kê hôn nhân và ly hôn Malaysia 2018... Thống kê Myanmar ra mắt chuẩn nghèo và điều kiện sống mới nhất của người dân Myanmar; thực hiện Khung chỉ số quốc gia (NIF) bao gồm 41% chỉ số SDGs để giám sát và đánh giá về Kế hoạch phát triển và bền vững của Myanmar (2018-2030).

Thống kê Philippines thực hiện mở rộng quy mô mẫu của Thu nhập Gia đình và Khảo sát chi tiêu (FIES) cho 180.000 hộ gia đình - lớn gấp bốn lần so với FIES trước đây - để đưa ra các ước tính ở cấp độ thấp hơn của các khu vực

Sự phát triển của thống kê khu vực ASEAN thời gian qua có sự đóng góp, đồng hành đáng kể của các đối tác phát triển và các tổ chức quốc tế, như: Chương trình Hỗ trợ hội nhập khu vực ASEAN của EU (ARISE) trong việc cung cấp Hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ ACSS tăng cường khung thể chế và vai trò điều phối của ACSS, cải thiện tính khả dụng và khả năng so sánh để giám sát Hội nhập khu vực ASEAN và thu hẹp khoảng cách về năng lực thống kê giữa các quốc gia thành viên ASEAN. Ủy ban Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc về Châu Á và Thái Bình Dương (UNESCAP) và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) đã có sự tham gia và chia sẻ thông tin về kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất trong việc sử dụng Dữ liệu lớn và Dữ liệu hành chính cho các số liệu thống kê chính thức.

địa lý; thực hiện nội địa hóa Các chỉ tiêu SDG và các chỉ tiêu SDG khu vực cốt lõi.

Singapore có các sáng kiến về sử dụng Dữ liệu lớn trong thống kê chính thức, bao gồm việc sử dụng các nguồn dữ liệu dựa trên web để xác định nền kinh tế internet của Singapore, xác định các xu hướng kinh doanh chính bằng tin tức trực tuyến địa phương với Google Trend và kết hợp dữ liệu giá trực tuyến và giá điện tử được quét trên web từ các siêu thị vào việc tổng hợp Chỉ số giá tiêu dùng.

Thái Lan có các hoạt động tích cực trong việc chuẩn bị Chiến lược thống kê quốc gia về phát triển sử dụng các nguồn dữ liệu mới như dữ liệu hành chính, dữ liệu vệ tinh, dữ liệu di động để tạo ra các số liệu thống kê kinh tế - xã hội hiệu quả và đáng tin cậy.

Thống kê Việt Nam được ghi nhận với việc tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 bằng cách sử dụng thiết bị điện tử thông minh (CAPI), góp phần giúp cho việc công bố dữ liệu nhanh hơn nhiều so với các cuộc điều tra trước đây. Thống kê Việt Nam cũng đã tiến hành xây dựng Khung chất lượng thống kê Việt Nam (VSQF) và đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành vào ngày 5/01/2019. Bên cạnh đó, còn xây dựng một bộ công cụ, phương pháp và quy trình

để đánh giá số liệu thống kê chính thức, cho phép các nhà sản xuất dữ liệu tiến hành tự đánh giá dựa trên VSQF từ năm 2020 trở đi. Ngoài ra, thống kê Việt Nam đã áp dụng một phần Dữ liệu lớn để thống kê chính thức.

Các quốc gia ASEAN có nhiều cách tiếp cận sáng tạo trong phổ biến dữ liệu thống kê

ACSS9 cũng ghi nhận các quốc gia thành viên ASEAN đã thực hiện nhiều cách tiếp cận sáng tạo để thu thập, tổng hợp, phổ biến và truyền thông dữ liệu thống kê. Thống kê Malaysia là một ví dụ điển hình, với việc thông qua Cổng Thông tin chính thức của Cục Thống kê Malaysia (DOSM) tổ chức Đại hội Thống kê Thế giới và nhận được sự tham gia trên toàn thế giới với 2.500 đại biểu và hơn 7.000 vận động viên. Sự độc đáo của cuộc thi chạy là các áp phích đồ họa thông tin (FunSTATStic) dọc theo tuyến đường được thiết kế để tạo ra nhận thức về tầm quan trọng của thống kê. Chiến lược truyền thông sáng tạo của DOSM cũng tập trung vào phương tiện truyền thông xã hội bằng cách sử dụng infographics dễ hiểu hoặc tương tác thông qua các sự kiện khác nhau: Statistics Talk và triển lãm giới thiệu các cơ quan và cấp khác nhau, tức là các khu vực cấp quốc gia, tiểu bang

đến các cấp nhỏ hơn nhiều cũng được thực hiện để tăng cường nhận thức và hiểu biết về thống kê... Hoặc như thống kê Myanmar, hiện đang triển khai nền tảng dữ liệu tích hợp kết nối rộng rãi với tất cả các Bộ dưới dạng một cửa sổ để củng cố việc phổ biến số liệu thống kê và tăng cường dữ liệu bằng cách dễ dàng truy cập. Trang web của Cục Thống kê Singapore hoặc Trang web SingStat đã tiếp tục nâng cao tính thân thiện, thuận tiện cho người dùng truy cập dữ liệu với tính năng sẵn có của giao diện lập trình ứng dụng và tải xuống nhiều bảng. Ngoài ra, trang web SingStat liên tục được làm phong phú với infographics, videographics và bảng điều khiển tương tác thú vị để cải thiện việc truyền thông số liệu thống kê đến người dùng công cộng nói chung. Những cải tiến này đã được công nhận trong bảng xếp hạng Hàng tồn kho dữ liệu mở 2018/19, đặt Trang web SingStat đứng đầu trong số 178 trang web của Cơ quan thống kê quốc gia đánh giá về độ bao phủ và tính mở của số liệu thống kê chính thức được công bố. Còn ở Việt Nam, đã áp dụng mạnh mẽ CAPI trong thu thập dữ liệu cho các cuộc khảo sát như Lực lượng lao động, CPI... trong những năm gần đây. Đặc biệt, trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, phương pháp tiếp cận của CAPI chiếm 99,9%. Do đó, nhiều giai đoạn khác của Tổng điều tra đã được thay đổi theo hướng áp dụng công nghệ thông tin, bao gồm: (i) Lưu trữ và sử dụng bản đồ xã/phường; (ii) Lập danh sách các làng/khu phố và khu vực liệt kê; (iii) Lập và cập nhật danh sách hộ gia đình và mẫu hộ gia đình được chọn; (iv) Nhắn tin và gửi email đến các hộ gia đình đăng ký Webform; (v) Kiểm tra và phê duyệt dữ liệu trực tuyến trên Trang web Điều tra dân số.../.

Mai Phương (tổng hợp)

HỘI THAO KHU VỰC TÂY NAM BỘ LẦN THỨ NHẤT TẠI TP. CẦN THƠ NHÂN KỶ NIỆM NGÀY THỐNG KÊ THẾ GIỚI 20/10

Nhân kỷ niệm Ngày Thống kê thế giới 20/10, ngày 19/10/2019, tại TP. Cần Thơ đã tổ chức Hội thao các Cục Thống kê khu vực Tây Nam Bộ, với sự tham gia tranh tài của các đoàn vận động viên đến từ 11 Cục Thống kê các tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, TP Cần Thơ, với các môn thi đấu cầu lông đôi nam, đôi nam nữ và bóng đá nam (sân 5 người). Hội thao là sân chơi lành mạnh, là dịp để công chức Ngành Thống kê các tỉnh khu vực Tây Nam Bộ giao lưu, rèn luyện sức khỏe, trao đổi kinh nghiệm trong công tác, đồng thời tạo không khí đoàn kết, vui tươi, phấn khởi thi đua sôi nổi trong Ngành Thống kê.



Sau một buổi tranh tài sôi nổi, kết quả thi đấu của các Đoàn vận động viên như sau:

- Giải toàn đoàn: Nhất toàn đoàn thuộc về Đoàn vận động viên Cục Thống kê TP. Cần Thơ; Giải Nhì thuộc về Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang; và giải Ba thuộc về Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp;

- Giải Cầu lông Đôi Nam: Giải Nhất thuộc về đôi Nam của Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp; giải Nhì thuộc về đôi nam của Đoàn vận động viên Cục Thống kê TP. Cần Thơ và giải Ba thuộc về đôi nam của Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang;

- Giải Cầu lông Đôi Nam - Nữ: Giải Nhất thuộc về đôi Nam - Nữ của Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang; giải Nhì thuộc về đôi nam của Đoàn vận động viên Cục Thống kê TP. Cần Thơ và giải Ba thuộc về đôi nam của Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh An Giang;

- Giải Bóng đá: Giải Nhất thuộc về đội bóng của Đoàn vận động viên Cục Thống kê TP Cần Thơ; giải Nhì thuộc về đội bóng của Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang và giải Ba thuộc về đội bóng của Đoàn vận động viên Cục Thống kê tỉnh An Giang.

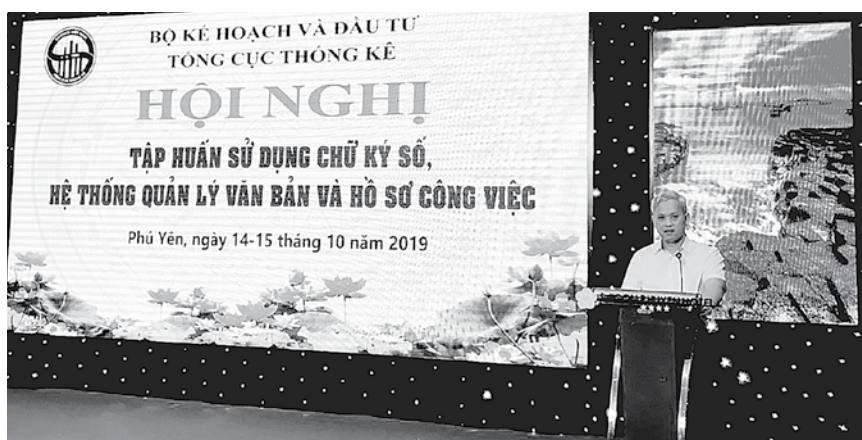
Tại hội thao, ông Lê Ngọc Bảy, Cục trưởng Cục Thống kê TP. Cần Thơ trao cờ đăng cai Hội thao khu vực Tây Nam Bộ lần thứ hai năm 2020 cho Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang.

(Nguồn: Cục Thống kê TP. Cần Thơ)

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VĂN BẢN VÀ HỒ SƠ CÔNG VIỆC CHO CỤC THỐNG KÊ CÁC TỈNH MIỀN TRUNG, TÂY NGUYÊN

Thực hiện kế hoạch tập huấn chữ ký số của ngành Thống kê, trong 2 ngày 14-15/10/2019, tại tỉnh Phú Yên, Tổng cục Thống kê tiếp tục tổ chức Hội nghị Tập huấn sử dụng chữ ký số, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho Cục Thống kê các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Ông Nguyễn Bích Lâm, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (TCTK) tham dự và chủ trì Hội nghị. Tham dự Hội nghị có lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị thuộc Tổng cục; Lãnh đạo, chuyên viên Cục Thống kê các tỉnh, thành phố thuộc miền Trung và Tây Nguyên; đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Bích Lâm nhấn mạnh, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng, tác động đến nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã đặt ra yêu cầu đối với Chính phủ, các Bộ, ngành và cơ quan nhà nước cần nhanh chóng áp dụng công nghệ hiện đại để nâng cao năng lực quản lý điều hành các hoạt động. Cùng với định hướng chung của Chính phủ, Bộ kế hoạch và Đầu tư, TCTK đã xây dựng Đề án áp dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, bên cạnh việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực sản xuất thông tin thống kê, thì việc đẩy mạnh CNTT trong công tác quản lý, điều hành được đặc biệt quan tâm và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, sẽ được triển khai quyết liệt trong thời gian tới.



Hội nghị tập huấn này nhằm giới thiệu và trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng về sử dụng chữ ký số, xử lý văn bản trên môi trường mạng, bảo mật thông tin, thể thức văn bản... Qua đó giúp các Cục Thống kê tìm hiểu, nâng cao hơn nhận thức cũng như xác định rõ hơn tầm quan trọng của việc sử dụng chữ ký số, xử lý văn bản trên môi trường mạng, quản lý hồ sơ công việc, bảo mật thông tin... trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Để khóa Tập huấn đạt hiệu quả cao, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Bích Lâm yêu cầu các học viên học tập nghiêm túc, tích cực trao đổi, thảo luận các vấn đề vướng mắc và đẩy mạnh áp dụng kiến thức vào công việc được giao ngay sau khóa học hoàn thành; phổ biến, chia sẻ với đồng nghiệp để phát huy tối đa kết quả thu được. Ông đồng thời yêu cầu Văn phòng TCTK có báo cáo kết quả khóa học và phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và hoàn thiện các Quy chế về: Chữ ký số; Hệ thống quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Công tác văn thư để đáp ứng

yêu cầu xử lý hồ sơ trên môi trường mạng. Đối với Vụ Phương pháp chế độ và Công nghệ thông tin, Ông yêu cầu: Tiếp tục hướng dẫn sử dụng và cài đặt phần mềm ký số cho các đơn vị trong Ngành, bảo đảm về hạ tầng, an ninh, an toàn cho hệ thống cũng như bảo đảm an toàn dữ liệu của Ngành; Có giải pháp đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin của Ngành để việc gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng được thông suốt.

Khóa tập huấn bao gồm các nội dung sau: Một số vấn đề về ứng dụng CNTT trong công tác văn phòng; Hướng dẫn sử dụng chữ ký số; Tìm hiểu về hệ thống quản lý văn bản; Hướng dẫn nhận và xử lý văn bản đến; Thực hành quy trình nhận và xử lý văn bản đến, văn bản đi; Sử dụng phần mềm trên thiết bị di động.

Sau 2 ngày, Hội nghị tập huấn đã thành công tốt đẹp và đạt những kết quả tích cực. Sau Hội nghị này, TCTK sẽ tổ chức tập huấn chữ ký số cho các Cục Thống kê phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh trong các ngày 24-25/10/2019./.

P.V



HỘI THẢO VỀ XÂY DỰNG THÔNG TƯ QUY ĐỊNH QUY TRÌNH KIỂM TRA VIỆC SỬ DỤNG SỐ LIỆU, THÔNG TIN THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC



Ngày 24/10/2019, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo về xây dựng Thông tư quy định Quy trình kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước. Ông Phạm Quang Vinh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (TCTK) chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị nghiệp vụ liên quan của TCTK.

Phát biểu chỉ đạo Hội thảo, ông Phạm Quang Vinh, Phó Tổng cục trưởng TCTK nêu rõ sự cần thiết ban hành Thông tư quy định Quy trình kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước. Theo ông Phạm Quang Vinh: Việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước trong thời gian qua còn nhiều hạn chế, bất cập. Các đối tượng sử dụng số liệu, thông tin thống kê không trích dẫn hoặc trích dẫn không đầy đủ, thậm chí không đúng nguồn số liệu; Bên cạnh đó, còn có hiện tượng làm sai lệch khi sử dụng các số liệu, thông

tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Do đó, để chấn chỉnh những bất cập trên, TCTK cần khẩn trương xây dựng và ban hành Thông tư quy định Quy trình kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước, qua đó giúp nâng cao trách nhiệm của người sử dụng thông tin thống kê.

Dự thảo Thông tư gồm 03 Chương, 16 Điều, trong đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư là quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp khi tiến hành kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước. Đối tượng áp dụng của Thông tư là các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thuộc TCTK, Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước. Nội dung Quy trình kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước gồm:

Nội dung kiểm tra và các bước của quy trình kiểm tra. Trong đó nội dung kiểm tra bao gồm: Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của số liệu, thông tin thống kê sử dụng so với số liệu, thông tin thống kê đã được công bố; Kiểm tra việc trích dẫn nguồn thông tin khi sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được công bố. Đối với các bước của quy trình kiểm tra gồm có 4 bước: Chuẩn bị kiểm tra; Tiến hành kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra và Tổ chức thực hiện.

Tại Hội thảo các đại biểu đã tập trung thảo luận và đóng góp ý kiến vào Dự thảo Tờ trình Bộ trưởng; Dự thảo Thông tư và nghe ý kiến giải trình tiếp thu của Tổ biên soạn.

Phát biểu kết luận Hội thảo, ông Phạm Quang Vinh đề nghị Tổ biên soạn tiếp thu các ý kiến đóng góp của đại biểu tại Hội thảo để tiếp tục làm rõ và bổ sung thêm một số điểm nhằm hoàn thiện dự thảo Thông tư./.

M.T

HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA GIÁ TIÊU DÙNG VÀ HỘI THẢO QUYỀN SỐ TÍNH CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THỜI KỲ 2020-2025



Sáng ngày 23/10/2019, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị Phổ biến Phương án điều tra giá tiêu dùng và Hội thảo quyền số tính chỉ số giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025. Ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chủ trì Hội nghị. Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc Tổng cục.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, Chỉ số giá tiêu dùng CPI hàng tháng, hàng năm của Tổng cục Thống kê được các cơ quan Đảng, Nhà nước, Chính phủ đánh giá cao và được nhiều tổ chức quốc tế sử dụng. Thực hiện khuyến nghị của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), phương án điều tra chỉ số giá cần được điều chỉnh, cập nhật sau 5-10 năm thực hiện, từ năm 2017, Tổng cục Thống kê đã xây dựng Phương án điều tra giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025. Sau 2 năm xây dựng và hoàn thiện, đến nay Phương án điều tra giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025 chính thức được ban hành theo Quyết định số 1134/QĐ-TCTK ngày 12/7/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Tại Hội nghị, các đại biểu được nghe giới thiệu cụ thể về Phương án điều tra giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025. Theo đó, mục đích của phương án là nhằm: Đảm bảo thông tin phục vụ

các cơ quan nhà nước; Loại trừ yếu tố biến động giá; Làm cơ sở tính chỉ số giá sinh hoạt theo không gian; Thu thập thông tin về mức giá hàng hóa và dịch vụ đại diện theo Chỉ số giá so sánh quốc tế (ICP); Đáp ứng nhu cầu về biến động giá tiêu dùng của các đối tượng dùng tin khác. Mạng lưới điều tra sẽ gồm: Khu vực điều tra là các chợ, trung tâm thương mại, các siêu thị bán lẻ... có hoạt động buôn bán, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ đã được chọn để tiến hành điều tra thu thập giá; Điểm điều tra là các sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng (chuyên bán lẻ), cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở khám chữa bệnh, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng... Một số điểm mới trong Phương án điều tra giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025 là: Thay đổi kỳ điều tra; Cấu trúc chỉ số tăng 34 nhóm cấp 4 và tăng 100 mặt hàng đại diện so với phương án điều tra thời kỳ trước; Sử dụng phiếu điều tra điện tử trong quá trình thu thập thông tin; Lồng ghép điều tra ICP trong phương án điều tra giá tiêu dùng; Dữ liệu điều tra sẽ được tập trung tại trung ương...

Cũng tại Hội nghị, các đại biểu được nghe kết quả sơ bộ quyền số tính chỉ số giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025. Với tinh thần làm việc nghiêm túc và tích cực, Hội nghị đã thành công tốt đẹp./

B.N

Chiều ngày 11/10/2019, tại trụ sở UBND thành phố Hà Nội, Ban Chỉ đạo (BCĐ) Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thành phố Hà Nội đã tổ chức Hội nghị Tổng kết Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (TĐTDS) trên địa bàn Thành phố.

Tham dự Hội nghị có ông Nguyễn Bích Lâm, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Phó trưởng ban Ban chỉ đạo TĐTDS Trung ương; ông Ngô Văn Quý, Phó Chủ tịch UBND TP; đại diện Văn phòng BCĐ Trung ương; các thành viên BCĐ và văn phòng BCĐ Thành phố; Trưởng Ban thi đua khen thưởng Thành phố; Trưởng BCĐ các quận, huyện, thị xã; Chi cục trưởng Chi cục Thống kê; các tập thể và cá nhân được khen thưởng.

Thay mặt BCĐ Thành phố, ông Đậu Ngọc Hùng - Cục trưởng Cục Thống kê, Phó Trưởng ban thường trực BCĐ TĐTDS Thành phố trình bày báo cáo tổng kết TĐTDS. Báo cáo đã nêu các thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện TĐT trên địa bàn, những bài học kinh nghiệm và các giải pháp khắc phục khó khăn.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Nguyễn Bích Lâm, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Phó trưởng ban BCĐ TĐTDS Trung ương đánh giá cao công tác chỉ đạo của BCĐ Thành phố và kết quả thực hiện cuộc TĐT, đảm bảo chính xác, đầy đủ và đạt đúng tiến độ đề ra. Ông cũng biểu dương sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và đánh giá cao những công tác BCĐ Thành phố



THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỔNG KẾT CÔNG TÁC TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019



đã thực hiện như: Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền để các hộ dân cư hiểu được mục đích, ý nghĩa của cuộc TĐTDS, từ đó phối hợp với điều tra viên cung cấp thông tin xác thực; thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo, phối hợp giữa BCĐ các cấp; điều tra viên thống kê được tuyển chọn, đào tạo đảm bảo chất lượng; BCĐ Thành phố đã nhanh nhạy, kịp thời, hiệu quả trong xử lý các tình huống... Ngoài ra, ông Nguyễn Bích Lâm cũng yêu cầu Cục Thống kê Thành phố cần lưu ý hoạt động thu thập thông tin thống kê, đặc biệt ứng dụng CAPI hiệu quả trong điều tra thống kê; tiếp tục biên soạn các báo cáo chuyên đề, chuyên sâu về bức tranh xã hội, tình hình dân số của Thành phố để cung cấp kịp thời cho lãnh đạo Thành phố.

Phát biểu kết luận Hội nghị, ông Ngô Văn Quý, Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBND Thành phố

ghi nhận và biểu dương sự cố gắng, tinh thần trách nhiệm cao của các điều tra viên và tổ trưởng, sự tích cực của BCĐ và Văn phòng BCĐ các cấp, sự đồng thuận hợp tác của người dân trên địa bàn đã góp phần tạo nên thành công của cuộc Tổng điều tra. Đồng thời, giao Cục Thống kê tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các cấp tập trung hoàn chỉnh các sản phẩm của cuộc Tổng điều tra như: Báo cáo kết quả chính thức, sách số liệu TĐT, một số ấn phẩm chuyên khảo phân tích sâu phục vụ cho tư vấn và xây dựng chính sách của Thành phố.

Thay mặt lãnh đạo Cục Thống kê Thành phố Hà Nội, ông Đậu Ngọc Hùng bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc và tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo TCTK, lãnh đạo Thành phố và khẳng định: Trong thời gian tới, Cục Thống kê Hà Nội sẽ chủ trì, phối hợp với các cấp,

các ngành tiếp tục hoàn chỉnh các sản phẩm, dữ liệu TĐT, đẩy mạnh việc khai thác sử dụng thông tin thu thập từ TĐT, biên soạn các ấn phẩm để phục vụ công tác quản lý điều hành, xây dựng kế hoạch chiến lược quy hoạch của Thành phố và của các cấp, các ngành.

Ghi nhận những nỗ lực, cố gắng trong quá trình thực hiện TĐTDS, tại Hội nghị, UBND Thành phố đã tặng Bằng khen cho 42 tập thể và 86 cá nhân có thành tích xuất sắc trong TĐTDS; đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen đối với 01 tập thể và 02 cá nhân, đề nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen đối với 02 tập thể và 8 cá nhân có thành tích xuất sắc trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019./

Nguyễn Tiến Nam

(*Trưởng phòng Thống kê tổng hợp
- Cục Thống kê TP. Hà Nội*)

HỘI NGHỊ TẬP HUẤN SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ, HỆ THỐNG QUẢN LÝ VĂN BẢN VÀ HỒ SƠ CÔNG VIỆC CHO CÁC CỤC THỐNG KÊ PHÍA NAM



Tiếp sau các khóa tập huấn chữ ký số cho các đơn vị thuộc Tổng cục, các Cục Thống kê phía Bắc, khu vực miền Trung và Tây Nguyên, trong 2 ngày 24-25/10/2019, tại thành phố Hồ Chí Minh, Tổng cục Thống kê tiếp tục tổ chức Hội nghị Tập huấn sử dụng chữ ký số, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho Cục Thống kê các tỉnh phía Nam. Ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (TCTK) chủ trì Hội nghị. Tham dự Hội nghị có lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị thuộc Tổng cục; Lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị, Cục Thống kê phía Nam và đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng, cùng với định hướng chung của Chính phủ, Bộ kế hoạch và Đầu tư, TCTK đã xây dựng Đề án áp dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, việc đẩy mạnh công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành cũng được coi là

một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Sau khóa tập huấn này, TCTK sẽ quyết liệt triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của toàn ngành. Theo đó, tất cả các đơn vị, cục thống kê tỉnh, thành phố sẽ sử dụng chữ ký số và xử lý các văn bản đi, đến và quản lý hồ sơ công việc hoàn toàn trên môi trường mạng.

Tại Hội nghị, các đại biểu được nghe một số vấn đề về ứng dụng CNTT trong công tác văn phòng; Hướng dẫn sử dụng chữ ký số; Tìm hiểu về hệ thống quản lý văn bản; Hướng dẫn nhận và xử lý văn bản đến; Thực hành quy trình nhận và xử lý văn bản đến, văn bản đi; Sử dụng phần mềm trên thiết bị di động.

Tinh thần học tập, làm việc nghiêm túc của các đại biểu và những kiến thức thực tế của khóa tập huấn diễn ra tại TP Hồ Chí Minh nói riêng và các khóa tập huấn trước đó nói chung là cơ sở để ngành Thống kê thực hiện đúng kế hoạch đặt ra trong Đề án áp dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và hòa mình vào công cuộc chuyển đổi số quốc gia của Việt Nam./.

P.V

XÂY DỰNG

Mục tiêu của Đề tài là xây dựng được cơ sở dữ liệu đồng bộ về chỉ tiêu, báo cáo thống kê trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với các chức năng chính như sau: (1) Vận hành trực tuyến trên nền tảng internet; (2) Quản lý linh hoạt các biểu mẫu báo cáo cho từng đơn vị liên quan; (3) Quản lý thông tin thời hạn hoàn thành báo cáo của một mẫu biểu báo cáo; (4) Cấu hình mở các thông tin chỉ tiêu của một báo cáo; (5) Cấu hình nội dung thông tin các chỉ tiêu của một báo cáo; (6) Phân quyền quản lý, khai thác, sử dụng cập nhật số liệu báo cáo tới các đơn vị có liên quan; (7) Hỗ trợ, hướng dẫn trực tuyến cách thức, phương pháp nhập số liệu, chỉ tiêu cho từng báo cáo; (8) Thông báo, yêu cầu, đôn đốc các đơn vị gửi số liệu, báo cáo lên hệ thống trực tuyến (online), theo thời gian thực; (9) Tự động tổng hợp, đánh giá kết quả báo cáo của các đơn vị tham gia báo cáo; (10) Kết xuất, in trực tiếp được các nội dung báo cáo ra các định dạng văn bản hiện hành.

CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA PHẦN MỀM THỐNG KÊ TRỰC TUYẾN

Trịnh Xuân Phú

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Thanh hóa

Để nâng cao chất lượng công tác thu thập, xử lý, tính toán thông tin, dữ liệu và tổng hợp các chỉ tiêu, báo cáo thống kê theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa đã chủ động đăng ký và được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Đề tài khoa học “Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa”.

Phần mềm thống kê trực tuyến sau khi hoàn thành sẽ được cài đặt, ứng dụng tại Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa, Chi cục Thống kê các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nhằm thực hiện việc thu thập, xử lý, tổng hợp số liệu báo cáo theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Sau khi CSDL và phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa được triển khai thành công, công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hoàn toàn được thực hiện trực tuyến từ cấp huyện đến cấp tỉnh và những quy trình nghiệp vụ sẽ được tin học hóa bao gồm: Xây dựng danh mục các chỉ tiêu, báo cáo thống kê; Cấu hình nội dung của các chỉ tiêu, báo cáo thống kê; Cập nhật số liệu cho các chỉ tiêu, báo cáo thống kê; Tổng hợp, báo cáo, công khai các chỉ tiêu, báo cáo thống kê.

Đồng thời, khi quy trình nghiệp vụ được tin học hóa, các chỉ tiêu, báo cáo thống kê sẽ được đồng bộ cơ sở dữ liệu trên server. Các đơn vị có nhiệm vụ thống kê chỉ tiêu, báo cáo nào thì chỉ được xem và cập nhật dữ liệu tại các chỉ tiêu, báo cáo thống kê đó. Số liệu sau khi được cập nhật và duyệt (hoặc hết thời hạn báo cáo) thì sẽ không thể thay đổi. Người dùng tại Cục Thống kê Thanh Hóa (đơn vị nhận kết quả báo cáo), sẽ thấy được kết quả số liệu của các đơn vị gửi trên hệ thống. Quy trình này sẽ giúp Cục Thống kê Thanh Hóa cập nhật được tình hình gửi báo cáo của các đơn vị, từ đó có thể đưa ra các thông tin yêu cầu, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt chế độ báo cáo.

Có thể nói, việc xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa mang lại một số kết quả quan trọng đối với Cục Thống kê Thanh Hóa (cơ quan chủ trì nghiên cứu) và Chi cục Thống kê các huyện, thị xã, thành phố; các sở,

ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn Tỉnh (đơn vị ứng dụng); cụ thể như sau:

- Sử dụng CNTT-TT vào việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý hành chính cũng như công tác thống kê, qua đó nâng cao tính kịp thời, chính xác, tiết kiệm kinh phí, rút ngắn thời gian đồng thời giảm phiền hà cho người cung cấp thông tin cũng như người sử dụng thông tin thống kê.

- Việc truyền trực tuyến các dữ liệu từ cơ sở cho phép lập các báo cáo thống kê hoặc tổng hợp các chỉ tiêu thống kê nhanh chóng với các phân tổ chi tiết và tùy biến, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng.

- Cơ sở dữ liệu thống kê được xây dựng sẽ có tác dụng lưu giữ và phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của các đối tượng sử dụng khác nhau. Phần mềm thống kê trực tuyến sẽ nâng cao chất lượng số liệu thống kê thông qua các chương trình kiểm tra logic và sửa lỗi.

Đề tài triển khai thành công sẽ góp phần giảm thiểu thời gian làm việc của cán bộ, công chức ngành Thống kê Thanh Hóa cũng như cán bộ, công chức làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Mặt khác, đề tài được ứng dụng sẽ tiết kiệm thời gian và ngân sách nhà nước. Đồng thời, việc cung cấp thông tin cho các cơ quan, đơn vị khác được dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện hơn.

Dự kiến sau khi Đề tài hoàn thành, Hội đồng Khoa học tỉnh Thanh Hóa nghiệm thu sẽ được triển khai ứng dụng tại các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ tháng 01 năm 2020./.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 10 THÁNG NĂM 2019

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Tính đến trung tuần tháng Mười, cả nước thu hoạch được 888,7 nghìn ha lúa mùa, chiếm 54,8% diện tích gieo cấy và bằng 101,7% cùng kỳ năm trước. Ước tính năng suất lúa mùa năm nay đạt 49,9 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với năm trước. Tuy nhiên, do diện tích gieo trồng giảm (bằng 96,4%, vụ mùa năm trước) nên sản lượng lúa mùa năm nay ước tính đạt 8,09 triệu tấn, giảm 176,6 nghìn tấn so với vụ mùa trước.

Cùng với chăm sóc và thu hoạch lúa mùa, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng 2.009,3 nghìn ha lúa hè thu, giảm 43,7 nghìn ha so với vụ hè thu năm 2018. Tính đến giữa tháng Mười, cả nước đã thu hoạch được 2.004,2 nghìn ha lúa hè thu, bằng 97,6% vụ hè thu năm trước. Năng suất ước tính đạt 54,8 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha nhưng do diện tích gieo cấy giảm nên sản lượng chung toàn vụ đạt 11,01 triệu tấn, giảm 197 nghìn tấn.

Tính đến ngày 22/10/2019, dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 8.296 xã thuộc 660 huyện của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tổng số lợn tiêu hủy gần 5,7 triệu con, tương đương với tổng trọng lượng hơn 327 nghìn tấn, trong đó có 3.681 xã thuộc 412 huyện của 56 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dịch bệnh đã qua 30 ngày.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 10 tháng, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 206,7 nghìn ha, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 67,9 triệu cây, giảm 2,4%; sản lượng gỗ khai thác đạt gần 13 triệu m³, tăng 4,6%; sản lượng củi khai thác đạt 15,6 triệu ste, giảm 1,4%; Diện tích rừng bị thiệt hại là 3,2 nghìn ha,

gấp 3 lần cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 2,7 nghìn ha, gấp gần 5 lần; diện tích rừng bị chặt, phá là 517 ha, tăng 2%.

c) Thủy sản

Tính chung 10 tháng năm 2019, sản lượng thủy sản cả nước ước tính đạt 6.698,7 nghìn tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.541,4 nghìn tấn, tăng 6,2%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 3.157,3 nghìn tấn, tăng 4,4% (sản lượng khai thác biển đạt 2.991,7 nghìn tấn, tăng 4,7%).

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2019 đạt mức tăng khá 9,5% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10,3% của cùng kỳ năm 2018. Trong đó, ngành khai khoáng tăng nhẹ 1,2% (cùng kỳ năm trước giảm 2,3%), đóng góp 0,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,8% (cùng kỳ năm trước tăng 12,5%), đóng góp 8,3 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,9%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,2%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/10/2019 tăng 1,3% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 2% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 1,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,6%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 3,4%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 10 tháng năm 2019, cả nước có 114,4 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký

là 1.434,4 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 1.024,5 nghìn lao động, tăng 4,4% về số doanh nghiệp, tăng 28,5% về vốn đăng ký và tăng 10,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.893,4 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 33,1 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 10 tháng năm 2019 là 3.327,8 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 34,9 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm 2018, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 10 tháng 2019 lên 149,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 8,6% so với cùng kỳ 2018.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong 10 tháng năm nay là 26,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong 10 tháng còn có 34,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 34,8%. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 10 tháng năm 2019 là 13,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 1,3%.

4. Đầu tư

Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2019 vẫn đạt mức thấp so cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2015-2019. Trong khi đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục giữ đà phát triển với số vốn thực hiện cao nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Tính chung 10 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 260,4 nghìn tỷ đồng, bằng 69,2% kế hoạch năm và tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2018 bằng 70,3% và tăng 12,1%), gồm có: Vốn Trung ương quản lý đạt 36,6 nghìn tỷ đồng,

bằng 61,3% kế hoạch năm và giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước; Vốn địa phương quản lý đạt 223,8 nghìn tỷ đồng, bằng 70,6% kế hoạch năm và tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/10/2019 thu hút 3.094 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 12.833,8 triệu USD, tăng 25,9% về số dự án và giảm 14,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018. Bên cạnh đó, có 1.145 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư so với số vốn tăng thêm đạt 5.468,6 triệu USD. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 18.302,4 triệu USD, giảm 15,2% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 10 tháng ước tính đạt 16,2 tỷ USD, tăng 7,4%. Trong 10 tháng còn có 7.509 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 10,8 tỷ USD, tăng 70,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong số 74 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 10 tháng, Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất với 2.752,9 triệu USD, chiếm 21,5% tổng vốn đăng ký cấp mới.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 10 tháng năm nay có 128 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 311,9 triệu USD; có 28 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 100 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 411,9 triệu USD. Trong 10 tháng có 30 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó Ô-xtrây-li-a là nước dẫn đầu với 140,6 triệu USD, chiếm 34,1%.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2019 ước tính đạt

1.133,6 nghìn tỷ đồng, bằng 80,3% dự toán năm, trong đó thu nội địa 908,1 nghìn tỷ đồng, bằng 77,4%; thu từ dầu thô 45 nghìn tỷ đồng, bằng 100,9%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 176,9 nghìn tỷ đồng, bằng 93,5%. Tổng chi ngân sách Nhà nước ước tính đạt 1.093,8 nghìn tỷ đồng, bằng 67% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 774,9 nghìn tỷ đồng, bằng 77,5%; chi đầu tư phát triển 208,6 nghìn tỷ đồng, bằng 48,6%; chi trả nợ lãi 86,9 nghìn tỷ đồng, bằng 69,6%.

6. Thương mại, giá, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Nhờ thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và triển khai kịp thời, đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, kích thích tiêu dùng của người dân, 10 tháng năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.059,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,8%, là mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,4% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8,9%). Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 3.083,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 76% tổng mức và tăng 12,8%; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 483,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,9% tổng mức và tăng 9,6%; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 37,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 11,9%; Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 454,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,2% tổng mức và tăng 7,7%.

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa **Xuất khẩu hàng hóa**

Tính chung 10 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 217,05 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đang dẫn đầu định vị thế

với 66,63 tỷ USD, chiếm 30,7% tổng kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu đạt 16,2%, cao hơn khá nhiều so mức tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 150,42 tỷ USD, tăng 3,9%, chiếm 69,3% (tỷ trọng giảm 2,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước).

Trong 10 tháng có 29 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (5 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 59,4%), trong đó điện thoại và linh kiện có giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 43,5 tỷ USD, chiếm 20% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu 10 tháng năm 2019, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 49,9 tỷ USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu hàng hóa

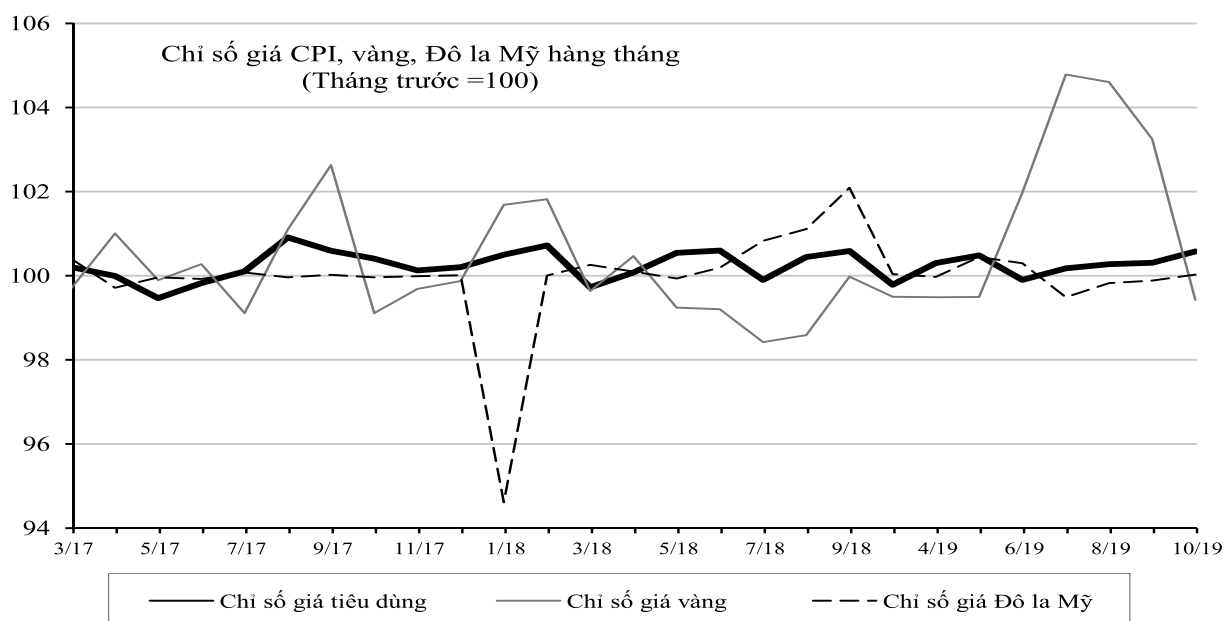
Tính chung 10 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 210 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 87,9 tỷ USD, tăng 13%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 122,1 tỷ USD, tăng 4,4%.

Trong 10 tháng có 32 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 88,6% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong đó có 2 mặt hàng đạt trên 20 tỷ USD, chiếm 34,7% bao gồm: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 43 tỷ USD (chiếm 20,5% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 30 tỷ USD, tăng 11,4%.

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 62 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước.

(Xem tiếp trang 25)

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG 10 NĂM 2019



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 10 NĂM 2019 SO VỚI				Mười tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018
	Kỳ gốc năm 2014	Tháng 10 năm 2018	Tháng 12 năm 2018	Tháng 9 năm 2019	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	113,94	102,24	102,79	100,59	102,48
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	111,25	102,65	102,75	101,04	103,41
1- Lương thực	107,38	100,54	100,10	100,05	100,41
2- Thực phẩm	111,13	103,16	103,49	101,57	104,10
3- Ăn uống ngoài gia đình	113,51	102,44	102,22	100,23	103,18
II. Đồ uống và thuốc lá	109,27	102,11	101,81	100,04	101,94
III. May mặc, mũ nón, giày dép	107,64	101,73	101,03	100,06	101,78
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	113,25	102,94	104,53	100,53	102,76
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	107,89	101,34	101,10	100,09	101,35
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	217,25	108,84	102,91	100,04	103,43
Trong đó: Dịch vụ y tế	269,09	111,27	103,48	100,00	104,12
VII. Giao thông	93,12	96,81	103,65	100,99	98,62
VIII. Bưu chính viễn thông	96,62	99,45	99,48	99,94	99,32
IX. Giáo dục	140,07	104,25	104,19	100,19	105,94
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	145,77	104,28	104,23	100,21	106,49
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	106,89	101,66	101,58	100,12	101,86
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	114,77	103,12	102,73	100,17	102,58
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	124,86	119,01	117,38	99,43	105,81
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	108,39	99,44	99,54	100,03	101,34

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng



NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Minh Hà

Nông nghiệp là một trong những ngành dễ tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu do phụ thuộc nhiều vào khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, địa lý, ... Nhiều năm trở lại đây, biến đổi khí hậu và các hiện tượng thiên tai cực đoan đã gây ra những tác động tiêu cực không nhỏ đến quá trình sản xuất của ngành Nông nghiệp, đe dọa đến an ninh lương thực. Vì vậy, yêu cầu đặt ra cho Ngành là phải có những bước đổi mới quá trình sản xuất nhằm thích ứng linh hoạt với môi trường và giảm thiểu tác hại do biến đổi khí hậu gây ra.



Biến đổi khí hậu gây ra những tác động tiêu cực ngày càng lớn đến nông nghiệp

Hiện nay, ngành Nông nghiệp đang gặp phải thách thức lớn khi Việt Nam là một trong 5 quốc gia trên thế giới bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ các hiện tượng thiên tai cực đoan do biến đổi khí hậu như xâm thực biển, xâm ngập mặn, bão lụt, hạn hán, mất đa dạng sinh học, hệ sinh thái bị phá hủy... Đặc biệt, biến đổi khí hậu đã khiến cho các hiện tượng thiên nhiên diễn biến khó lường, thiên tai ngày càng gia tăng tần suất và mức độ ảnh hưởng ngày càng nghiêm trọng.

Thống kê trong năm 2018, thiên tai đã gây thiệt hại trên 15,7 tỷ đồng, trong đó có hơn 260 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng nặng. Một số tỉnh bị thiệt hại nặng nề phải kể đến: Thanh Hóa thiệt hại 2,8 nghìn tỷ đồng, trong đó 27,7 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; Nghệ An thiệt hại gần 1,8 tỷ đồng với 41 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; Yên Bái thiệt hại 977 tỷ đồng với 3,4 nghìn ha lúa và hoa màu.

Chỉ tính riêng 8 tháng đầu năm 2019, thiên tai đã làm 30 nghìn ha lúa và 6,8 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai xảy ra trong 8 tháng trên cả nước ước tính 2,2 nghìn tỷ đồng. Riêng cơn bão số 3 xảy ra ở khu vực phía Bắc đã gây thiệt hại 1,2 nghìn tỷ đồng, trong đó Thanh Hóa là địa phương chịu thiệt hại nhiều nhất với hơn 1,2 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; 1,7 nghìn con gia súc bị chết; 94 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi; 2,1 nghìn ngôi nhà bị ngập và hư hỏng, thiệt hại về tài sản ước tính 864 tỷ đồng.

Trong khi đó, hạn hán và thiếu nước đang đe dọa nghiêm trọng đến đời sống và sản xuất nông nghiệp của nhân dân tại các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Theo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, từ đầu vụ Hè Thu năm 2019, thời tiết diễn biến bất thường, tình trạng nắng nóng diện rộng xảy ra liên tiếp, kéo dài trong nhiều ngày, nhất là ở khu vực Trung bộ và Tây Nguyên. Ghi nhận của các chuyên gia cho thấy, các đợt nắng nóng

gay gắt xảy ra từ ngày 9 đến 12/6 và từ ngày 20 đến 23/6/2019, có nhiệt độ cao phổ biến từ 37-40°C, một số nơi nhiệt độ đo được cao nhất trong lịch sử. Trong đó, mức nhiệt 43,4 độ đo được tại Hương Khê, Hà Tĩnh; 43,3 độ tại Con Cuông, Nghệ An. Theo đó, tổng lượng mưa từ đầu vụ Hè Thu đến nay thiếu hụt so với trung bình nhiều năm khá lớn. Các hồ chứa thủy lợi khu vực Bắc Bộ chỉ ở mức 65-75% dung tích; khu vực Bắc Trung Bộ ở mức 40-60% dung tích (tăng 10%); khu vực Tây Nguyên ở mức 65-80% dung tích. Theo Tổng cục Thủy lợi, tính đến giữa tháng 9 năm nay, một số khu vực xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp gồm có: Khu vực Bắc Trung Bộ có khoảng 6.121 ha, dự đoán đến cuối vụ, con số bị ảnh hưởng sẽ tăng lên đến 7.125 ha, các tỉnh bị ảnh hưởng nặng là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; khu vực Nam Trung Bộ có 10.291 ha, trong đó có 641 ha diện tích cây trồng bị chết, các tỉnh thiệt hại nặng là Phú Yên, Quảng Ngãi, Bình Định..., dự đoán đến cuối vụ

số diện tích bị ảnh hưởng sẽ tăng lên đến 18.000 ha; khu vực Tây Nguyên có 828 ha diện tích cây trồng thiếu nước thuộc huyện M'Drăk tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Lúa nước 364 ha, ngô 221 ha; mỳ 206,1 ha, đậu đỗ 31 ha, cây khác 5 ha.

Với đường bờ biển và hệ thống sông ngòi dày đặc, nền nông nghiệp Việt Nam nhận được nhiều ưu đãi nhờ lượng phù sa màu mỡ bồi đắp. Tuy nhiên trong nhiều năm trở lại đây, một vấn đề nghiêm trọng do biến đổi khí hậu đã và đang gây ra những thiệt hại lớn đối với ngành Nông nghiệp đó là hiện tượng sạt lở bờ sông, bờ biển và nước biển dâng. Với tốc độ sạt lở và nước biển dâng khiến nguồn nước và đất bị xâm ngập mặn đang diễn ra như hiện nay, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu dự báo, đến năm 2050 khi mực nước biển dâng lên 1 m, khoảng 16,05% diện tích đồng bằng sông Hồng, 1,47% diện tích các tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, 17,84% diện tích TP. Hồ Chí Minh và 39,40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) sẽ bị biển xâm thực. Riêng tại ĐBSCL - vựa lúa phía Nam lớn nhất Việt Nam hiện nay có tổng số 226 điểm sạt lở với chiều dài 422,6 nghìn m. Trong đó, Cà Mau có số điểm sạt lở nhiều nhất đến 80 điểm với chiều dài tương ứng 121,2 nghìn m; Sóc Trăng có 28 điểm, tương ứng 69,7 nghìn m; An Giang có 22 điểm, chiều dài tương ứng 68,3 nghìn m; Bến Tre có 19 điểm, dài tương ứng 24,2 nghìn m...

Thêm vào đó, biến đổi khí hậu đang làm thay đổi điều kiện sinh sống của các loài sinh vật, dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài và ngược lại, xuất hiện nguy cơ gia tăng các loại thiên địch. Trong thời gian nhiều năm trở lại

đây, dịch rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá ở ĐBSCL diễn biến ngày càng phức tạp, ảnh hưởng đến khả năng thâm canh, tăng vụ và làm giảm sản lượng lúa. Biến đổi khí hậu có thể tác động đến thời vụ, làm thay đổi cấu trúc mùa, quy hoạch vùng, kỹ thuật tưới tiêu, sâu bệnh, năng suất, sản lượng; làm suy thoái tài nguyên đất, đa dạng sinh học bị đe dọa, suy giảm về số lượng và chất lượng do ngập nước và do khô hạn, tăng thêm nguy cơ diệt chủng của động, thực vật, làm biến mất các nguồn gen quý hiếm. Từ đó có thể thấy được những ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu đã và đang gây đe dọa nghiêm trọng đến nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp và an ninh lương thực nói riêng.

Đổi mới ngành nông nghiệp theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu

Trước những nguy cơ hiện hữu và hậu quả khó lường do biến đổi khí hậu đã và đang gây ra, ngành nông nghiệp xác định cuộc chiến chống lại biến đổi khí hậu đang rất khẩn trương, liên tục và lâu dài. Trước mắt, để giảm nhẹ thiệt hại đối với ngành thì đổi mới sản xuất để thích nghi với biến đổi khí hậu được coi là hướng đi chiến lược hiện nay.

Chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp theo hướng thích nghi với biến đổi khí hậu

Hiện nay, việc đẩy mạnh tái cơ cấu các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp, nâng cao năng suất, chất lượng đang được coi là biện pháp cấp bách và cần thiết để ngành nông nghiệp có thể đứng vững trước các hình thái biến đổi khí hậu. Ngành Nông nghiệp đã khẩn trương đẩy mạnh ưu tiên nghiên cứu phát triển giống cây trồng mới cho năng suất cao, khả năng



chống chịu tốt, thích ứng với các điều kiện khí hậu khắc nghiệt. Trong đó đặc biệt chú trọng việc nghiên cứu phát triển và chuyển giao các giống cây trồng mới (lúa, ngô, lạc, đậu tương, rau màu, cà-phê, chè...) có năng suất, chất lượng cao thích nghi điều kiện canh tác (chịu mặn, chịu hạn, chịu phèn), chế độ canh tác (ngập lụt, hạn hán) phục vụ sản xuất hàng hóa theo mô hình canh tác nông nghiệp thông minh với khí hậu (CSA).

Ngoài các giống lúa thích ứng với điều kiện thâm canh, nước ta cũng đã có các bộ giống lúa thích ứng với điều kiện úng ngập (bộ giống chịu úng: U17, U20, U21 của Viện Cây lương thực, cây thực phẩm (Viện CLT-CTP), các giống chịu hạn: CH2, CH3, CH5, CH133 (Viện CLT-CTP), các giống thuộc sê-ri LC của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam và Viện Bảo vệ thực vật... Đặc biệt với những vùng bị nước biển xâm nhập, ngành Nông nghiệp đã lai cấy và tạo ra được nhiều giống lúa chịu phèn, chịu mặn như giống lúa Hatri 170, Hatri 190, Hatri 194 (Viện Nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao ĐBSCL).



Cùng với đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đẩy mạnh công tác lựa chọn các loại giống cây trồng khác có khả năng chống hạn cao hơn hoặc nhu cầu cần nước ít hơn cho vùng khô hạn và sa mạc hóa như: Điều, ca cao, ôliu...; các cây nông nghiệp ngắn ngày: Hành tím, khoai lang, mì (sắn), đậu, mía...; các cây ăn quả đan xen: Thanh long, xoài, măng cầu xiêm (na); một vài loại rau, ớt... đều được tuyển chọn đã chịu được hạn.

Cũng như đối với cây trồng, ngành Nông nghiệp đã và đang tiếp tục nghiên cứu và nhập nuôi các giống gia súc, gia cầm có ưu điểm về thời gian nuôi ngắn, phát triển nhanh, có khả năng chống chịu với dịch bệnh và cho hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện từng vùng. Khu vực miền Trung và Tây Nguyên có lợi thế chăn nuôi vật nuôi chịu hạn, ít cần nước như cừu, đà điểu, ong mật, tằm do đó thời gian gần đây đã có sự tăng trưởng đáng kể. Với những diện tích trồng lúa và hoa màu bị nhiễm mặn không thể cải tạo, ngành đã cơ cấu chuyển đổi thành diện tích nuôi tôm nước mặn.

Thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp

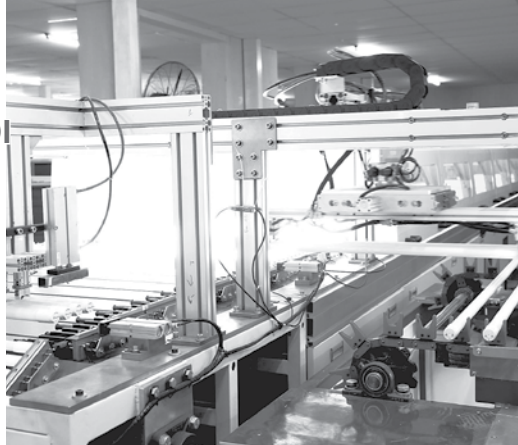
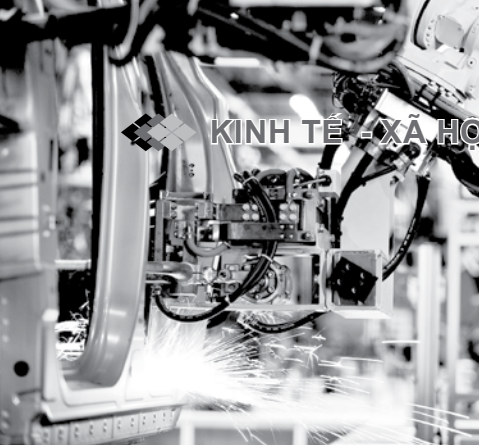
Song song với việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, nông nghiệp Việt Nam còn năng động và linh hoạt trong việc đổi mới phương thức sản xuất truyền thống sang sản xuất công nghệ cao, giúp nâng cao giá trị sản phẩm, tiết kiệm chi phí đầu vào và giảm sự phụ thuộc vào thiên nhiên. Ngành Nông nghiệp đang tiếp tục triển khai nhân rộng các mô hình, biện pháp canh tác tiên tiến như thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), kỹ thuật canh tác 3 giảm 3 tăng (3G3T), kỹ thuật canh tác 1 phải 5 giảm (1P5G), quản lý dịch bệnh tổng hợp (EPM), hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), làm đất tối thiểu, che phủ bằng thảm thực vật... Đồng thời, Viện Môi trường nông nghiệp đã xây dựng 12 quy trình canh tác cho các cây trồng chủ lực tại mỗi vùng, bảo đảm năng suất, bảo vệ đất, có khả năng thích nghi với các điều kiện bất lợi của BĐKH như hạn hán, ngập úng, xâm lấn mặn, rét hại... Nghiên cứu, ứng dụng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, tăng cường sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng thân thiện, bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải khí nhà kính... Ưu tiên hàng đầu là nghiên cứu phát triển các giống mới có năng suất cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu để nâng cao giá trị. Phát triển các mô hình chăn nuôi hỗn hợp như mô hình vườn ao chuồng (VAC), mô hình sản xuất lương thực và năng lượng từ chăn nuôi (IFES), mô hình thích ứng chăn nuôi dựa vào sinh thái (EbA), thực hành chăn nuôi tốt (VietGAP),

nông nghiệp thông minh với khí hậu (CSA), chăn nuôi công nghệ cao và khép kín.

Một số nơi, nông dân đã chủ động tìm ra các phương thức canh tác, gieo trồng mới giúp cây trồng gia tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và tăng năng suất. Điển hình có: Kỹ thuật trồng dưa leo treo thẳng tại vườn của nông dân ở Đà Lạt; Bón phân hữu cơ cho cây trồng trên đất cát hoang hóa ven biển Hà Tĩnh; Áp dụng quy trình tưới nước khép kín để trồng tiêu tại vùng khô hạn miền Trung và Tây Nguyên; Mô hình canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại ĐBSCL...

Với các cây trồng chủ lực như: Lúa, ngô, đậu tương, lạc, mía, Viện Môi trường nông nghiệp đã nghiên cứu và triển khai 24 mô hình trình diễn ứng dụng kỹ thuật canh tác và bảo vệ đất phù hợp để giảm tác động của biến đổi khí hậu tại 3 vùng: Đồng bằng sông Hồng, ĐBSCL, Đồng bằng duyên hải miền Trung. Các mô hình này thành công sẽ tạo hướng đi mới trong canh tác, góp phần bảo vệ đất, ổn định năng suất, tăng thu nhập, hiệu quả kinh tế cho nông dân...

Hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng các chính sách hỗ trợ nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; bảo vệ và phát triển rừng gắn với xóa đói giảm nghèo ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số... theo hướng phát triển nền nông nghiệp gắn với nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu... Để làm được điều đó, không chỉ có các cơ quan bộ, ngành mà cần sự quyết tâm và chung sức của toàn thể nhân dân trong cuộc chiến thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp./



VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Linh An

Trong những năm qua, khoa học và công nghệ (KH&CN) đã đạt thành tựu quan trọng, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Báo cáo Chỉ số hiệu quả đổi mới sáng tạo (ĐMST) năm 2018 cho thấy, Việt Nam đạt kết quả trong tiếp cận kiến thức KH&CN của thế giới và hòa nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, phát triển KH&CN Việt Nam hiện chưa tương xứng với tiềm năng, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra thì vai trò của KH&CN cần được đề cao hơn nữa, đòi hỏi có những giải pháp đồng bộ, toàn diện thúc đẩy phát triển KH&CN, để KH&CN thực sự là động lực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

Khoa học công nghệ đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ tầm quan trọng của KH&CN. Hiến pháp năm 1992 coi phát triển KH&CN “giữ vai trò then chốt, là động lực thúc đẩy phát triển đất nước”. Đến Hiến pháp năm 2013 đã đưa phát triển KH&CN trở thành “quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định nhiệm vụ: “Phát triển mạnh mẽ KH&CN, làm cho KH&CN thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế...”. Sự quan tâm, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về KH&CN của Đảng và Nhà nước thời gian qua đã đưa KH&CN đồng hành và thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực. Mỗi năm, đầu tư cho KH&CN chiếm khoảng 2% tổng chi ngân sách Nhà nước, ngoài ra còn có các nguồn từ doanh nghiệp, đầu tư nước ngoài và các quỹ về KH&CN.

Theo đánh giá của Bộ KH&CN, trong những năm qua, KH&CN đã đóng góp quan trọng trên cả 3 trụ cột cơ bản của phát triển bền vững, gồm: Phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Về phát triển kinh tế, vai trò của KH&CN đã giúp tăng trưởng kinh tế của Việt Nam những năm gần đây giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô và mở rộng tín dụng. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện qua tốc độ tăng năng suất lao động (NSLĐ). Theo Tổng cục Thống kê, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 45,2%, bình quân giai đoạn 2016-2018 đạt 43,9%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn năm 2011-2015; Tốc độ tăng NSLĐ bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,35%/năm, giai đoạn 2016-2018 đã tăng lên 5,77%/năm. Đặc biệt, năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao kỷ lục trong 11 năm qua, đạt 7,08% so với năm 2017. NSLĐ toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2018 ước tính đạt 201,2 triệu đồng/lao động (tương đương 4.521 USD lao động); tính theo giá so sánh,



tăng 6% so với năm 2017. Tính chung giai đoạn 2011-2018, NSLĐ tăng bình quân 4,88%/năm. Nhìn chung, NSLĐ của Việt Nam thời gian qua đã được cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm và là quốc gia có tốc độ tăng NSLĐ cao trong khu vực ASEAN.

Không chỉ đóng vai trò làm thay đổi tăng trưởng kinh tế, KH&CN và ĐMST những năm qua đã hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới công nghệ thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp trong các Chương trình KH&CN quốc gia để nhập khẩu công nghệ, nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp. Theo nghiên cứu của Viện Năng suất Việt Nam, những doanh nghiệp có năng lực công nghệ, thiết bị được đánh giá có mức năng suất lao động cao hơn 1,66-1,83 lần so với mức trung bình của Việt Nam. Thông qua việc ứng dụng và làm chủ công nghệ, trình độ và kỹ năng của người lao động được nâng cao, thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Trong công nghiệp, KH&CN đã đóng góp vào tăng trưởng, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2018 tăng cao với 10,1% so với năm 2017. Trong lĩnh vực xây dựng, nhờ KH&CN, Việt Nam

đã tự lực xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La lớn nhất Đông Nam Á; làm chủ công nghệ thiết kế, công trình ngầm, nhà cao tầng, cầu dây văng, đường cao tốc đạt chuẩn quốc tế; chế tạo thành công thiết bị cơ khí thủy công và nâng hạ siêu trường, siêu trọng...

Trong sản xuất nông nghiệp, KH&CN đóng góp tới 30% vào giá trị gia tăng, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; xuất hiện nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với sự đầu tư mạnh của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp ngày càng được cải thiện. Theo Tổng cục Thống kê, những năm qua, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đây là khu vực có tốc độ tăng NSLĐ bình quân cao nhất với 5,2%/năm giai đoạn 2011-2018. Kết quả nghiên cứu KH&CN ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp đã đưa Việt Nam từ một nước nhập khẩu lương thực trở thành một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về xuất khẩu các mặt hàng như: Lúa gạo, hạt tiêu, hạt điều, cao su, hải sản...

Hiện, nông sản Việt Nam đã có mặt ở 180 quốc gia, vùng lãnh thổ.

KH&CN cũng ngày càng khẳng định vai trò trong phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam. Hiện, thị trường viễn thông Việt Nam được xếp thứ hạng cao về cả quy mô và tốc độ phát triển trên 3 lĩnh vực: Cố định, di động và Internet. KH&CN đã giúp Việt Nam đưa lên quỹ đạo các vệ tinh viễn thông Vinasat1 và Vinasat2, vệ tinh viễn thám VNREDSAT và chế tạo thành công vệ tinh Pico và Micro Dragon.

Về phát triển xã hội, KH&CN đóng vai trò trọng tâm trong các vấn đề: Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta; các vấn đề xã hội khác (như: chính sách về dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội; các chính sách cho các nhóm xã hội yếu thế;...)

Ngoài ra, những nghiên cứu khoa học trong y học cũng đạt nhiều thành tựu quan trọng, Việt Nam dẫn đầu khu vực về phẫu thuật nội soi, giải trình tự gen; làm chủ quy trình phân lập, bảo quản tế bào gốc...; làm chủ công nghệ sản xuất 10 loại vacxin phục vụ cho chương trình tiêm chủng mở rộng. Hiện, Việt Nam là một trong 42 quốc gia có thể sản xuất được vacxin và là một trong 39 quốc gia được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) công nhận quản lý vacxin đạt chuẩn quốc tế.

Trong bảo vệ môi trường, các nghiên cứu KH&CN đã góp phần giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu như: Nhận dạng được tác động của biến đổi khí hậu và sự thay đổi của các hiện tượng khí hậu; đánh giá thực trạng biến đổi khí hậu ở Việt Nam; xây dựng, phát triển hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và giảm nhẹ

phát thải khí nhà kính phù hợp với Việt Nam...

Theo Tổ chức sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) đánh giá, trong những năm gần đây, Việt Nam luôn tăng hạng trong xếp hạng chỉ số ĐMST toàn cầu, dẫn đầu nhóm quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Cụ thể, năm 2017 Việt Nam tăng 12 bậc, năm 2018 tăng tiếp 2 bậc, xếp thứ 45/126 quốc gia, trong đó, nhóm chỉ số về tri thức - công nghệ của Việt Nam có thứ hạng rất cao, thứ 28. Điều đó khẳng định nền kinh tế Việt Nam đã và đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ về mô hình tăng trưởng cùng sự thăng tiến cao hơn về chuỗi giá trị.

Bên cạnh những thành quả đạt được, phát triển KH&CN và ĐMST của Việt Nam thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập: KH&CN chưa thực sự là động lực và nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế và tăng NSLĐ xã hội; trình độ KH&CN quốc gia có khoảng cách so với nhóm đầu khu vực Đông Nam Á; năng lực KH&CN và ĐMST hạn chế, hệ thống ĐMST quốc gia vẫn còn non trẻ, manh mún, ít hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) trong khu vực doanh nghiệp; các trường đại học thiên về đào tạo hơn nghiên cứu, nếu có nghiên cứu thì tính ứng dụng chưa cao; thiếu kết nối hiệu quả giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và khu vực kinh doanh dịch vụ công. Việt Nam chưa có các chính sách, cơ chế tốt để kích thích sự sáng tạo và cống hiến của đông đảo các nhà khoa học và chuyên gia vào phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, tỷ lệ chi cho KH&CN trên GDP chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế của đất nước. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, chi tiêu cho nghiên cứu phát triển cả khu vực Nhà nước và tư nhân của Việt Nam

hiện chỉ khoảng 0,44% GDP, khá thấp so với bình quân của thế giới là 2,23% GDP (Thái Lan 0,78%; Singapore 2,2%; Malaysia 1,3%, Trung Quốc 2,1%).

Giải pháp trong ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển bền vững

Để KH&CN trở thành động lực phát triển kinh tế nhanh, bền vững trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp:

Một là, tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với phát triển KH&CN. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò của KH&CN trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc phát huy và phát triển KH&CN là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền; Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng cấp và coi kế hoạch ứng dụng và phát triển KH&CN là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành và địa phương.

Hai là, ngành KH&CN cần phát huy vai trò điều phối, nâng cao hiệu quả công tác giữa các bộ, ngành và các cấp trong phát triển và ứng dụng kết quả KH&CN vào phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy hợp tác quốc tế về KH&CN và ĐMST; khai thác lợi thế, chia sẻ kinh nghiệm và tận dụng các thành tựu KH&CN tiên tiến cũng như chủ động nắm rõ các xu thế KH&CN trên thế giới để có phương án vận dụng hiệu quả vào Việt Nam.

Ba là, các bộ, ngành, các địa phương cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong chỉ đạo phát triển KH&CN, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế chính sách. Tập trung hoàn thiện hệ thống ĐMST quốc gia với doanh nghiệp

là trung tâm, gắn kết chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm kiến tạo và tích lũy tài sản trí tuệ, tạo ra nguồn lực mới cho tăng trưởng kinh tế nhanh, bao trùm và bền vững.

Bốn là, ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển KH&CN. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ; chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai, coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường KH&CN; quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Năm là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức KH&CN tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án KH&CN của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc. Áp dụng mô hình đối tác công-tư (PPP) nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào các hoạt động ĐMST.

Sáu là, xây dựng khuôn khổ cho việc đo lường và đánh giá hiệu quả của nền kinh tế số, hoạt động của các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ sở có hoạt động KH&CN. Ngành thống kê nghiên cứu phương thức đo lường và thống kê hiệu quả hoạt động KH&CN và các hoạt động ĐMST theo các chuẩn mực quốc tế để có thể so sánh./.



GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Trần Thị Thanh Hương
Học viện Ngân hàng

Thời gian qua, đầu tư công đã đóng góp rất lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đặc biệt là các công trình cơ sở hạ tầng quan trọng. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và đầu tư, trong năm 2019, đầu tư công chiếm 10,7% tổng giá trị GDP cả nước, khoảng 32% tổng mức đầu tư toàn xã hội. Dù chiếm tỷ trọng lớn nhưng tình trạng giải ngân đầu tư công nhiều năm qua còn chậm, gây tác động không nhỏ tới tốc độ tăng trưởng chung của cả nền kinh tế.



Thực trạng đáng báo động

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giải ngân 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 192,1 nghìn tỷ đồng, bằng 45,17% so với kế hoạch Quốc hội giao và bằng 49,14% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giải ngân vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) và ODA đều đạt thấp. Có 07 bộ, ngành và 14 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 70%, trong đó, 04 bộ ngành và 04 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 80%. Nhiều bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân vốn dưới mức bình quân chung; có 31 bộ, cơ quan trung ương và 19 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 50%, trong đó, 17 bộ, cơ quan trung ương và 01 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 30%.

Tỷ lệ giải ngân thấp làm giảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, ảnh hưởng đến các ngành,

lĩnh vực, tăng trưởng kinh tế, việc triển khai các chính sách tài khóa, tiền tệ đến môi trường đầu tư, kinh doanh và các hiệp định đã ký kết. Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về thúc đẩy phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2019, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nhận định, tình trạng chậm giải ngân vốn đầu tư công từ chục năm qua đã tạo ra nút thắt cổ chai đối với nền kinh tế, gây ra rất nhiều hệ lụy, trong đó có bốn hậu quả lớn. Thứ nhất, giải ngân chậm làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế do vốn là một trong những yếu tố quan trọng của tăng trưởng GDP. Thứ hai, vốn đầu tư công là nguồn lực của các dự án lớn, phát triển cơ sở hạ tầng, là nguồn lực quan trọng nên khi bị chậm sẽ kéo lùi các dòng vốn tư nhân, đầu tư nước ngoài, huy động vốn đầu tư toàn xã hội, giảm uy tín quốc gia, niềm tin của các nhà đầu tư. Thứ ba, chậm giải ngân

sẽ gây lãng phí lớn khi tiền nằm ở đó mà Chính phủ phải trả thêm chi phí vốn. Thứ tư, doanh nghiệp, xã hội, chủ đầu tư phải chịu nhiều chi phí đội lên, việc làm giảm đi, nợ nần tăng thêm và uy tín làm ăn giảm sút.

Nhìn chung, tỷ lệ giải ngân có xu hướng thấp trong những tháng đầu năm và tăng mạnh vào cuối năm. Bên cạnh nguyên nhân do tâm lý ngại làm thủ tục thanh quyết toán vốn nhiều lần của cả chủ đầu tư, ban quản lý dự án và nhà thầu nên chủ yếu thực hiện vào thời điểm kết thúc năm, thì xu hướng giải ngân tăng dần vào cuối năm còn do nguyên nhân cơ bản về tính chất đặc thù của chi đầu tư. Chi đầu tư đòi hỏi phải có một quá trình thực hiện và tích lũy giá trị khối lượng hoàn thành mới có thể thực hiện các thủ tục giải ngân vốn tại kho bạc, thậm chí có trường hợp hoàn thành toàn bộ gói thầu mới

thực hiện thanh toán, đặc biệt là dự án mua sắm trang thiết bị. Cụ thể, ước thực hiện 9 tháng vốn đầu tư nguồn NSNN đạt trên 230 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 55% kế hoạch được giao, theo đó, có khoảng 38 nghìn tỷ đồng giá trị khối lượng thực hiện chưa làm thủ tục hoặc đang làm thủ tục giải ngân tại kho bạc. Nếu số vốn này được giải ngân hết, thì tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn 9 tháng sẽ cao hơn cùng kỳ.

Bên cạnh đó, niên độ ngân sách nhà nước là 1 năm, giao kế hoạch vốn đầu năm, quyết toán cuối năm, nên kế hoạch thực hiện, thi công xây dựng các công trình, dự án cũng phụ thuộc vào kế hoạch vốn. Sau khi được giao kế hoạch đầu năm, các cấp, các ngành mất nhiều tháng để triển khai kế hoạch hoạt động, kế hoạch đấu thầu, kế hoạch triển khai thực hiện, thi công để có khối lượng thực hiện tích lũy, kế hoạch đấu thầu được phê duyệt đầu năm thì phải đến giữa năm mới lựa chọn được nhà thầu và ký hợp đồng, việc tạm ứng vốn hợp đồng, hay giải ngân khối lượng thực hiện thường xảy ra vào thời điểm cuối năm.

Tỷ lệ giải ngân vốn TPCP và ODA thấp hơn nhiều so với cùng kỳ, chủ yếu là do năm 2019 phải thực hiện đồng thời với thủ tục điều chỉnh kế hoạch trung hạn, điều chỉnh hiệp định, nhiều dự án chưa kịp điều chỉnh để đi vào thực hiện, nhiều dự án TPCP vào chu kỳ cuối, kết thúc thực hiện và giải ngân, các dự án TPCP quy mô lớn như: Dự án đường Cao tốc Bắc - Nam, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các dự án hạ tầng giao thông... chiếm tới gần 50% tổng số vốn TPCP của kế hoạch năm 2019 nhưng tiến độ giải ngân rất chậm, nên đã ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của cả nước.

Nguyên nhân chậm giải ngân

Trên cơ sở tổng hợp, cập nhật báo cáo của các bộ, ngành và địa phương về thực trạng giải ngân vốn đầu tư công chậm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, phân loại về nguyên nhân của thực trạng trên. Theo đó, các nguyên nhân rất phong phú, đa dạng, có nguyên nhân gián tiếp, nguyên nhân trực tiếp,...

Về các nguyên nhân khách quan: Do một số vướng mắc về thể chế, pháp luật đầu tư công. Những vướng mắc này đã được nhận diện trong quá trình sửa đổi Luật Đầu tư công, nhưng do Luật mới chưa có hiệu lực nên những vướng mắc vẫn còn tồn tại, như: Công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án còn nhiều bất cập, chưa kỹ, chưa tốt dẫn đến dự án và kế hoạch phải điều chỉnh nhiều lần. Bên cạnh đó, thủ tục điều chỉnh chưa được đơn giản hóa, phải được xét duyệt qua nhiều cấp, thủ tục này phải chờ thủ tục kia, mất nhiều thời gian, chưa chủ động, linh hoạt. Một số quy định sau một thời gian thực hiện bộc lộ nhiều hạn chế cần được tháo gỡ như: Quyết định đầu tư phải trước 31/10 năm trước; Tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư, cho phép giải ngân vốn 02 năm; Bãi bỏ quy định Thường trực Hội đồng nhân dân được ủy quyền,...

Bên cạnh đó, việc thực hiện các quy định của Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật đấu thầu, Luật bảo vệ tài nguyên môi trường... còn nhiều lúng túng, mất nhiều thời gian trong công tác giải phóng mặt bằng, còn một số vướng mắc về khiếu kiện đất đai; thủ tục phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, lựa chọn nhà thầu kéo dài; việc thực hiện phân cấp chưa triệt để; sự khác biệt về thủ tục giải ngân, rút vốn giữa Việt Nam và các nhà tài trợ đối với các dự án ODA còn tồn tại...



Về các nguyên nhân chủ quan: Công tác lập kế hoạch chưa sát với thực tế và khả năng giao vốn, khả năng giải ngân vốn dẫn đến không phân bổ được hết số vốn kế hoạch, nhiều dự án được giao kế hoạch vốn lớn hơn khả năng giải ngân, tiên lượng khả năng hoàn thiện thủ tục đầu tư chưa chính xác, kịp thời nên không giao được kế hoạch... Đây là trách nhiệm của cả cơ quan tổng hợp và của các bộ, ngành, địa phương, rà soát không kỹ, nể nang, giữ nguyên đề xuất của bộ, ngành, địa phương mà không tham mưu, kiến nghị điều chỉnh phù hợp.

Thêm vào đó, công tác giao kế hoạch chậm, chưa phù hợp với yêu cầu tiến độ các dự án, bao gồm cả giao kế hoạch từ trung ương cho các bộ, ngành, địa phương và giao kế hoạch vốn của các bộ, ngành, địa phương cho các dự án cụ thể, dẫn tới các chủ đầu tư khó chủ động trong triển khai, thực hiện dự án; chưa quyết liệt trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án, đề xuất phương án phân bổ chưa bám sát nguyên tắc, thứ tự ưu tiên.

Ngoài ra, công tác tổ chức triển khai thực hiện tại các bộ, ngành và địa phương còn nhiều bất cập; các cấp, các ngành chưa thực sự vào cuộc, công tác tuyên truyền đến người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng còn chưa đầy đủ,



thiếu minh bạch, thiếu công bằng; một số chủ đầu tư chưa tích cực thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán; năng lực chuyên môn của một số cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu... còn hạn chế.

Đồng thời, nguyên nhân giải ngân chậm nguồn vốn ODA có nhiều đặc thù, nhiều dự án phải thực hiện điều chỉnh hiệp định vay mặc dù dự án đã có khối lượng hoàn thành nhưng không thể giải ngân; công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án còn tồn tại bất cập, dẫn tới tính sẵn sàng của dự án thấp; một số dự án không được bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời đã ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ, giải ngân vốn nước ngoài; dự án sử dụng vốn hỗn hợp gặp vướng mắc về thủ tục cho vay lại, chậm ký hợp đồng cho vay lại.

Các nhóm giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 như mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, trong những tháng còn lại của năm 2019, cần tập trung vào 04 nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, nhóm giải pháp về thể chế nhằm tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến các quy định thuộc thẩm quyền của

Chính phủ, góp phần đẩy mạnh công tác phân bổ, giao kế hoạch, giải ngân vốn đầu tư công. Trong đó, trình Chính phủ xem xét, cho phép không áp dụng quy định dự án phải có quyết định đầu tư trước 31/10 năm trước, bao gồm cả nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; không áp dụng quy định tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn TPCP; nghiên cứu để trình cấp có thẩm quyền cho phép giao kế hoạch năm 2020 theo hướng đổi mới, phù hợp với Luật Đầu tư công năm 2019, rút kinh nghiệm triệt để tình trạng giao chậm, giao nhiều lần như trước đây.

Thứ hai, nhóm giải pháp về chỉ đạo, điều hành, phối hợp, trong đó xác định các nhiệm vụ cụ thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các bộ, ngành trung ương và địa phương trong toàn bộ các hoạt động liên quan đến phân bổ, giao kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư công của kế hoạch năm 2019, trong đó, đặc biệt là tăng cường trách nhiệm trong công tác phối hợp giữa các cơ quan tổng hợp, cơ quan chuyên môn trong việc đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian góp ý kiến, giải quyết các thủ tục liên quan đến phân bổ, giao kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch, đăng ký thanh toán, xét duyệt hồ sơ thanh toán vốn tại kho bạc... Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức phải có trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; phân công trong đội ngũ lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp đối với một số dự án trọng điểm, có tỷ lệ giải ngân thấp của ngành, đơn vị, địa phương mình; kiên quyết xử lý các trường hợp cán bộ liên quan đến dự án có năng lực chuyên môn yếu, có biểu hiện những nhiều, tiêu cực, lợi ích nhóm

làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án.

Thứ ba, nhóm giải pháp về tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công, trong đó, các cơ quan chuyên môn về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát cần vào cuộc để góp phần phát hiện, xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đối với công tác giải ngân, ngăn chặn những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật, bảo đảm đầu tư công được công khai, minh bạch, hiệu quả; Hội đồng nhân dân và Đoàn Đại biểu quốc hội tại địa phương có trách nhiệm tổ chức các hoạt động giám sát chuyên đề đối với công tác giải ngân vốn đầu tư công ngay tại địa phương mình; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan truyền thông, báo chí trong công tác giám sát giải ngân vốn đầu tư công.

Thứ tư, nhóm giải pháp về chế tài, người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả giải ngân không chỉ cho năm 2019 và còn có trách nhiệm đối với dự kiến kế hoạch năm 2020 của đơn vị mình, trong đó, kiến nghị kiên quyết không bố trí vốn kế hoạch năm 2020 đối với các dự án sử dụng vốn NSNN (vốn trong nước) đến ngày 30/11/2019 giải ngân đạt dưới 50% kế hoạch vốn năm 2019 được giao đầu năm, trừ những dự án mua sắm trang thiết bị.

Hy vọng rằng, với tinh thần quyết tâm và triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trên, tình trạng chậm giải ngân vốn đầu tư công sẽ được khắc phục, đảm bảo nguồn vốn được đầu tư có hiệu quả, góp phần hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch năm 2019 đã đề ra./.

Cảng biển được biết đến là cửa ngõ quan trọng của hàng hóa xuất, nhập khẩu và là đầu mối chuyển đổi các phương thức vận tải từ vận tải biển sang vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa. Hàng năm hệ thống cảng biển Việt Nam thông qua đến 90% lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế đất nước, giúp Việt Nam sớm hiện thực hóa mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

Bức tranh hệ thống cảng biển Việt Nam sau 2 thập kỷ quy hoạch

Quyết định số 202/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010 được xem là quyết định quan trọng tạo bước ngoặt đầu tiên trong phát triển ngành cảng biển Việt Nam. Đây là quy hoạch có quy mô toàn quốc, được thực hiện theo cách thức tổng thể và thống nhất với mục tiêu xây dựng và phát triển những cảng biển quy mô và hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm thông qua toàn bộ lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu bằng đường biển theo yêu cầu tăng trưởng của nền kinh tế đất nước. Đến năm 2009, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2190/QĐ-TTg quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Sau 5 năm, Quy hoạch 2190 đã được điều chỉnh bằng Quyết định số 1037/QĐ-TTg năm 2014 nhằm tiếp tục khẳng định tầm quan trọng và những định hướng phát triển của hệ thống cảng biển Việt Nam trong xu hướng hội nhập.

Theo đánh giá, sau 2 thập kỷ quy hoạch, bức tranh cảng biển Việt Nam đã có sự thay đổi mạnh cả về chất và lượng. Cục Hàng hải Việt Nam cho biết, hiện nay cả nước có 272 bến cảng, tổng chiều dài cầu cảng đạt 92,2 km với tổng công suất trên 550 triệu tấn/năm. Hệ thống cảng biển gắn liền với các trung tâm, các vùng kinh tế lớn của cả nước. Hiện đã hình thành các cảng biển lớn với vai trò là đầu mối phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và tạo động lực phát triển toàn vùng như: Cảng biển Quảng Ninh, Hải Phòng gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; cảng biển Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn gắn với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; cảng biển TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa -



Vũng Tàu, Đồng Nai gắn với vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ; cảng biển Cần Thơ, An Giang gắn với vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long. Một số cảng biển đã và đang được đầu tư với quy mô hiện đại mang tầm vóc quốc tế như cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu, cảng biển Hải Phòng. Các cảng này đã và đang thực hiện vai trò cửa ngõ quốc tế và đảm nhận chức năng trung chuyển.

Có thể khẳng định, sự phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời gian qua đã được nâng lên về nhiều mặt, là động lực quan trọng giúp kinh tế biển ngày một phát triển. Trong đó, về quy mô cảng: So với năm đầu tiên thực hiện quy hoạch (năm 2000), hệ thống cảng biển Việt Nam đã tăng lên 4,4 lần về chiều dài bến cảng. Năng lực bến cảng được quan tâm, nâng cấp cải tạo để tiếp nhận các tàu có trọng tải ngày càng lớn hơn. Hầu hết các cảng tổng hợp, đầu mối khu vực, bao gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghi Sơn, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An đã được đầu tư mới và cải tạo nâng cấp cho phép tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 DWT và lớn hơn phù hợp với xu thế phát triển của đội tàu biển thế giới. Nhiều bến cảng đầu tư mới với quy mô hiện đại cho phép tiếp nhận tàu trọng tải lớn đến hàng trăm nghìn tấn như các bến cảng khu vực Cái Mép - Thị Vải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và bến cảng Lạch Huyện - Hải Phòng. Tháng 2 năm 2017, bến cảng CMIT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tiếp nhận thành công tàu container lớn nhất thế giới hiện nay với trọng tải từ 18.300 TEU (194.000 DWT). Đây là cơ sở quan trọng, khẳng định năng lực cảng biển Việt Nam, tạo tiền đề để các hãng tàu sử dụng cảng biển Việt Nam làm mắt xích trong chuỗi hải trình toàn cầu.

Tại Hòn Gai (Quảng Ninh) và Phú Quốc (Kiên Giang) đã được đầu tư xây dựng bến cảng chuyên dùng hành khách, khi các bến cảng này hoàn thành



TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

Thu Hòa

cho phép tiếp nhận tàu khách quốc tế có trọng tải đến 225.000 GT, bước đầu đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách du lịch quốc tế bằng đường biển.

Mới đây, tháng 5 năm 2019, chuyến tàu đầu tiên thuộc tuyến dịch vụ vận tải container Haiphong China Express của hãng CNC thuộc Tập đoàn CMA CGM - Tập đoàn vận chuyển container lớn thứ 3 thế giới và đứng đầu nước Pháp đã cập cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa. Sự kiện này đánh dấu việc mở ra tuyến dịch vụ vận tải container quốc tế đầu tiên tới khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đồng thời cũng là tuyến vận tải container quốc tế đầu tiên đến khu vực Bắc Miền Trung...

Với những chính sách mở về đầu tư đã giúp cho chất lượng dịch vụ khai thác cảng ngày một nâng cao, thu hút được nhiều nhà đầu tư khai thác cảng chuyên nghiệp, các hãng tàu lớn của thế giới tham gia đầu tư xây dựng và khai thác cảng biển tại Việt Nam như: Tập đoàn DP World - UAE (nhà khai thác cảng số 5 thế giới) tham gia đầu tư, khai thác bến cảng SPCT - TP. Hồ Chí Minh; Tập đoàn SSA Marine - Mỹ

(nhà khai thác cảng thứ 9 thế giới) đầu tư khai thác bến cảng CICT tại tỉnh Quảng Ninh và bến cảng SSIT tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Tập đoàn PSA - Singapore (nhà khai thác cảng số 3 thế giới) đầu tư, khai thác bến cảng SP-PSA tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Tập đoàn APMT - Đan Mạch (nhà khai thác cảng số 2 thế giới) đầu tư khai thác Cảng CMIT tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Tập đoàn Hutchison Port Holding - Hồng Kông (nhà khai thác cảng biển số 1 thế giới) đầu tư bến cảng SITV tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các hãng tàu Mitsui O.S.K line (Nhật Bản), Wanhai Lines (Đài Loan) đầu tư, khai thác bến cảng container quốc tế Tân Cảng - Cái Mép; hãng tàu MOL, NYK đầu tư bến cảng Lạch Huyện (Hải Phòng)... cùng một số nhà khai thác cảng trong nước như Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã mang đến những dịch vụ cảng biển tốt nhất, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và sức cạnh tranh của cảng biển Việt Nam.

Bên cạnh đó, hệ thống cảng biển Việt Nam không ngừng được nâng cao chất lượng dịch vụ, xếp dỡ

tại cảng biển, do đó, sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển ngày một lớn, mức tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2000-2017 là 10,4%, riêng hàng container có mức tăng trưởng bình quân 13,4%/năm. So với năm 2000, sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam năm 2017 đã tăng 6 lần về tổng hàng, từ 73 triệu tấn lên 442 triệu tấn và tăng 12,5 lần về hàng container, từ 1,1 triệu TEU lên 14,4 triệu TEU. Tỷ trọng lượng hàng thông qua hệ thống cảng biển của phương tiện thủy nội địa đã tăng 11,5% trong giai đoạn 2016-2018.

Năm 2018, sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam ước đạt 524,7 triệu tấn (không bao gồm sản lượng hàng hóa quá cảnh không bốc dỡ), tăng 19% so với năm 2017; Hành khách qua cảng đạt 5,8 triệu hành khách, tăng 28,9%.

6 tháng đầu năm 2019, sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam ước đạt 308,8 triệu tấn (không bao gồm sản lượng hàng hóa quá cảnh không bốc dỡ), tăng 13% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, lượng hàng hóa container đạt hơn 9,1 triệu Teus, tăng 3%. Số lượng hành khách qua cảng đạt 3,8 triệu hành khách, tăng 32%. Theo Cục Hàng hải Việt Nam, các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng cao nhất so với cả nước là: Thanh Hóa tăng 86% (chủ yếu là hàng phục vụ Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn), Quảng Nam tăng 78%. Ngoài ra, một số khu vực cảng biển Hà Tĩnh, Bình Thuận cũng đạt mức tăng từ 58-62%.

Những dịch vụ cảng biển ngày càng hoàn thiện, thủ tục hành chính cho tàu biển không ngừng được cải thiện, rút ngắn thời gian

chờ đợi tàu. Lượng hàng hóa thông qua cảng biển tăng trưởng ở mức cao đều qua các năm đã góp phần giảm tải cho đường bộ, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng hải, đồng thời góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Với nhiều khởi sắc về mặt đầu tư và phát triển, song theo đánh giá chung của các chuyên gia, sự phát triển hệ thống cảng biển của Việt Nam hiện chưa thực sự tốt: Hệ thống cảng biển còn phân tán, manh mún; Cơ sở hạ tầng giao thông, các khu công nghiệp chưa phát triển đồng bộ với hệ thống cảng biển; Công nghệ thông tin còn yếu, máy móc còn lạc hậu, chưa tối ưu năng lực xếp dỡ; Chất lượng dịch vụ hải quan còn hạn chế, chi phí thông quan cao...

Cơ cấu cảng biển còn nhiều bất cập, thừa cảng nhỏ, thiếu cảng lớn, đầu tư chưa đúng trọng tâm, trọng điểm. Số liệu thống kê cho thấy, cả nước có 28 tỉnh có bờ biển thì có tới 272 cảng biển lớn nhỏ, tính trung bình mỗi tỉnh có gần 10 cảng, nhưng trong tất cả số cảng biển hiện có thì chỉ có khoảng 10 cảng là có đủ điều kiện tiếp nhận tàu trọng tải cỡ trung bình của thế giới.

Bên cạnh đó, theo thống kê, lượng hàng hóa thông qua cảng biển của Việt Nam trong vòng 10 năm qua tăng từ 10-12%. Tuy nhiên, thị phần hàng hóa phân bổ giữa các cảng quá chênh lệch. Khu vực các cảng phía Bắc chiếm 25-30% khối lượng vận tải nên công suất vẫn còn thừa; các cảng miền Trung chiếm 13% đang ở tình trạng thiếu hàng hóa, chỉ sử dụng một phần công suất; còn các cảng phía Nam chiếm đến 57% - riêng container đến 90%, hiện đang quá tải.

Nguyên nhân được biết đến là do vấn đề kết nối giữa cảng với các vùng kinh tế trọng điểm và việc trung chuyển mang tầm quốc tế tới vùng kinh tế trọng điểm còn hạn chế.

Cùng với đó, do ngành vận tải biển chưa thoát khỏi khó khăn, dẫn tới áp lực giảm giá cước từ các hãng tàu đối với các nhà khai thác cảng; Xu hướng nâng cao tải trọng tàu yêu cầu phát triển cảng nước sâu tại các khu vực, trong khi tiến độ triển khai chậm và hiệu quả chưa cao; Áp lực cạnh tranh giữa các cảng của Việt Nam với nhau và cạnh tranh với các cảng lớn thế giới, đặc biệt là các nước lân cận như Singapore và Trung Quốc... đã khiến sự phát triển của cảng biển Việt Nam còn đang đứng trước nhiều thách thức.

Triển vọng và định hướng phát triển cảng biển

Với những nỗ lực của Chính phủ trong việc mở cửa thương mại khi tham gia các hiệp định thương mại tự do khu vực và quốc tế, sản lượng container thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức hai con số và phù hợp với các hoạt động thương mại. Triển vọng phát triển của hệ thống cảng biển của Việt Nam được kỳ vọng sẽ có nhiều thay đổi tích cực khi triển khai một số FTA quan trọng như Việt Nam - Hàn Quốc, CPTPP và Việt Nam - EU (EVFTA) (có hiệu lực vào năm 2019)...

Bên cạnh đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung có thể giúp Việt Nam tăng khả năng giành thị phần từ Trung Quốc do sở hữu nguồn lao động lớn với mức chi phí thấp hơn, môi trường chính trị ổn định và các chính sách thương mại mở. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam đối với các hàng hóa mà Trung Quốc đã bị đánh thuế

như gỗ, dệt may và giày dép được dự báo sẽ có mức tăng trưởng cao hơn so với những năm trước. Xu hướng này có thể sẽ thúc đẩy nhu cầu vận chuyển quốc tế từ/đến Việt Nam, do các sản phẩm này chủ yếu được vận chuyển qua đường biển.

Đặc biệt, tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đặt mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia biển mạnh. Trong đó, có nhiệm vụ phát triển hệ thống cảng biển. Do đó, để đảm bảo phát triển bền vững hệ thống cảng biển Việt Nam, ngành Hàng hải đã đưa ra định hướng triển khai chiến lược biển theo từng khu vực nhằm đẩy mạnh kết nối hạ tầng, cơ chế chính sách trong phát triển cảng biển:

Cụ thể, tại khu vực phía Bắc, sẽ tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng bến cảng Lạch Huyện, làm cơ sở thu hút đầu tư các bến cảng tiếp theo; Đẩy mạnh kết nối tuyến đường sắt Lạch Huyện - Lào Cai - Côn Minh (Trung Quốc) để thu hút hàng hóa trung chuyển. Tập trung đầu tư một số cảng cạn theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đặc biệt, các cảng cạn gắn liền với các tuyến đường thủy nội địa, đường sắt tại các khu vực: Đông Nam Hà Nội, Bắc Ninh, Lào Cai để hỗ trợ khai thác cảng biển Quảng Ninh, Hải Phòng.

Tại khu vực miền Trung, từng bước nghiên cứu xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế khu vực tại Liên Chiểu (Đà Nẵng), đồng thời, nghiên cứu các giải pháp kết nối hiệu quả theo hành lang kinh tế Đông - Tây với cảng biển Đà Nẵng

nhằm thu hút hàng hóa khu vực Nam Lào, Đông - Bắc Thái Lan.

Ở khu vực miền Nam, các hạ tầng hỗ trợ khai thác cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu, TP HCM bao gồm trung tâm logistics Cái Mép Hạ, các cảng cạn tại Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh sẽ được chú trọng đầu tư. Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối với cảng biển Vũng Tàu, trong đó có đường cao tốc Bến Lức - Long Thành; đường liên cảng, cầu Phước An và tuyến luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải để đáp ứng nhu cầu tiếp nhận tàu container trọng tải 18.000TEU.

Với mục tiêu tiếp tục nghiên cứu quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn - cánh tay nối dài của cảng biển để vừa hỗ trợ các dịch vụ của cảng biển, vừa góp phần tổ chức hiệu quả mạng lưới giao thông, ngành Hàng hải cũng từng bước rà soát, hoàn thiện các quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển theo hướng tiến mạnh ra biển, giảm thiểu những hạn chế về luồng lạch và tiếp cận gần hơn với các tuyến hải trình quốc tế trên biển Đông; Gắn việc đầu tư xây dựng cảng biển với xây dựng mô hình quản lý cảng tiên tiến để tối ưu hóa việc đầu tư khai thác cảng; Đẩy mạnh kết nối hệ thống các cảng biển trong cả nước; Tăng cường chính sách phát triển hệ thống cảng biển phù hợp với xu thế phát triển... Qua đó, tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của hệ thống cảng biển trong phát triển kinh tế đất nước, giúp nước ta trở thành nước mạnh về biển, làm giàu từ biển theo đúng mục tiêu, định hướng mở cửa thương mại và hội nhập hiện nay./.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 11)

Tính chung 10 tháng năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 427,05 tỷ USD, ước tính xuất siêu 7 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21,3 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 28,3 tỷ USD.

d) Vận tải hàng khách và hàng hóa

Tính chung 10 tháng, vận tải hàng hóa đạt 1.387,7 triệu tấn, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước và 265,5 tỷ tấn.km, tăng 7,4%. Xét theo ngành vận tải Đường bộ đạt 1.065,5 triệu tấn, tăng 10,6% và 71,4 tỷ tấn.km, tăng 10,8%; Đường thủy nội địa đạt 250,1 triệu tấn, tăng 5,5% và 52,2 tỷ tấn.km, tăng 6,3%; Đường biển đạt 67,5 triệu tấn, tăng 5,4% và 137,9 tỷ tấn.km, tăng 6,6%; Đường hàng không đạt 365,1 nghìn tấn, tăng 10,5% và 949 triệu tấn.km, tăng 9,8%; Đường sắt đạt 4,2 triệu tấn, giảm 11,7% và hơn 3 tỷ tấn.km, giảm 8,5%.

e) Khách quốc tế đến Việt Nam

Tháng Mười là tháng đầu tiên có lượng khách quốc tế đến nước ta đạt trên 1,6 triệu lượt người, nâng tổng số khách quốc tế đến Việt Nam trong 10 tháng năm 2019 đạt 14,488,8 nghìn lượt người, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khách đến từ châu Á chiếm 79,5% tổng số khách quốc tế, tăng 15,2% (Khách đến từ Trung Quốc tăng 9,4%; Hàn Quốc tăng 22,1%; Nhật Bản tăng 15%; Thái Lan tăng 47,7%... Trung Quốc và Hàn Quốc chiếm gần 56% lượng khách quốc tế đến Việt Nam). Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.762,4 nghìn lượt người, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng ở hầu hết các thị trường. Khách đến từ châu Mỹ ước tính đạt 807,5 nghìn lượt người, tăng 7,1%.

7. Một số tình hình xã hội

a) Thiếu đói trong nông dân

Tính chung 10 tháng năm 2019, cả nước có khoảng 68 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 33,8% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với gần 275,6 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 32,8%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm đến nay, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói hơn 3,9 nghìn tấn gạo.

B) Tai nạn giao thông

Tính chung 10 tháng năm 2019, trên địa bàn cả nước xảy ra 14.251 vụ tai nạn giao thông làm 6.318 người chết, 4.110 người bị thương và 6.763 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 4%; số người chết giảm 5,3%; số người bị thương tăng 0,2% và số người bị thương nhẹ giảm 9,2%. Bình quân 1 ngày trong 10 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 47 vụ tai nạn giao thông làm 21 người chết, 14 người bị thương và 22 người bị thương nhẹ.

d) Thiệt hại do thiên tai

Tính chung 10 tháng, thiên tai làm 125 người chết và mất tích, 170 người bị thương; 1.461 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi; hơn 66,1 nghìn ngôi nhà bị hư hỏng; hơn 65,1 nghìn ha lúa và 19,5 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai xảy ra ước tính hơn 4,7 nghìn tỷ đồng.

(Trích Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2019)

Cùng với sự phát triển ổn định của nền kinh tế, nhu cầu của người dân tăng cao, thị trường ô tô Việt Nam được dự đoán sẽ ngày càng phát triển và sớm bước vào thời kỳ xã hội hóa ô tô. Nhận định trên đang dần được chứng minh khi thị trường tiêu thụ ô tô đạt mức tăng trưởng trung bình 33% trong những tháng nửa đầu năm nay và hứa hẹn sẽ tiếp tục tăng trưởng vào những tháng tiếp theo của nửa cuối năm.



THỊ TRƯỜNG Ô TÔ VIỆT NAM: SÔI ĐỘNG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM

ThS. Trần Thanh Tùng
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Thị trường đa chủng loại với nguồn cung dồi dào

Việt Nam tiếp tục nhập khẩu lượng lớn ô tô nguyên chiếc

Năm 2019 là một năm sôi động với nền kinh tế Việt Nam khi 2 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới quan trọng EVFTA được ký kết và đặc biệt là CPTPP có hiệu lực đã tác động lớn đến thuế xuất, nhập khẩu của nhiều mặt hàng, trong đó có ô tô. Ngoài ra, việc nhập ô tô tại các nước sản xuất trong khối ASEAN cũng có sự gia tăng do được hưởng thuế suất nhập khẩu 0%.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tình hình nhập khẩu ô tô của Việt Nam trong các tháng vừa qua có nhiều chuyển biến sôi động. Các số liệu thống kê của từng tháng cho thấy, cao điểm là tháng 2 và tháng 5/2019, số lượng ô tô nguyên chiếc các loại được nhập vào Việt Nam lên tới hơn 14 nghìn xe. Mặc dù có sự tăng nhẹ trong tháng 7, song nhập khẩu ô tô

lại đang có xu hướng giảm dần trong quý III. Đặc biệt, trong tháng 8, số xe nhập khẩu chỉ còn trên 9,2 nghìn xe, với trị giá 201,2 triệu USD, giảm 18% về lượng và 21% về giá trị so với tháng trước đó. Điều này được các chuyên gia thị trường lý giải là do các doanh nghiệp nhập khẩu đang chuẩn bị cho mùa cao điểm, khi thói quen mua sắm, tiêu dùng của người Việt thường tăng vào dịp cuối năm. Tuy vậy, tổng số ô tô nguyên chiếc nhập khẩu từ đầu năm đến hết tháng 8/2019 đã đạt gần tới 96 nghìn xe, trị giá trên 2,1 tỷ USD. Trong đó, ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống là trên 71 nghìn xe (gấp 4 lần cùng kỳ năm 2018), ô tô tải là trên 21,5 nghìn xe (gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2018), còn lại là các loại ô tô khác. Trong khi đó, cùng thời điểm năm 2018, Việt Nam mới chỉ nhập khẩu 28,8 nghìn xe với trị giá khoảng 681,6 triệu USD. Như vậy, số ô tô nhập khẩu vào Việt Nam đã tăng đáng kể lên 332,9% về lượng và tăng 313,4%

về giá trị so với cùng kỳ năm 2018, đem lại nguồn cung dồi dào cho thị trường.

Theo thống kê, Việt Nam nhập khẩu ô tô từ 12 quốc gia trên thế giới, tuy nhiên, lượng ô tô nguyên chiếc các loại được đăng ký làm thủ tục hải quan nhập khẩu vào Việt Nam chủ yếu có xuất xứ từ 6 thị trường chính là: Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc. Số xe nhập khẩu từ 6 thị trường này đã chiếm tới 96,5% tổng lượng xe nhập khẩu và chiếm 89,5% về giá trị. Trong đó, Thái Lan liên tục là quốc gia xuất khẩu ô tô đứng đầu cả về số lượng và giá trị trong số các quốc gia đăng ký làm thủ tục hải quan nhập khẩu vào Việt Nam với gần 56,8 nghìn xe, trị giá trên 1,14 tỷ USD, chiếm gần 60% tổng lượng xe nhập khẩu của 8 tháng đầu năm. Ngoài Thái Lan, thành viên ASEAN khác cũng là thị trường nhập khẩu ô tô quan trọng hàng đầu của Việt Nam là Indonesia với



tổng số lượng trên 28,1 nghìn xe, tổng kim ngạch đạt trên 393,9 triệu USD. Các hãng xe đến từ Hàn Quốc với mẫu mã đẹp, trang bị nhiều phụ kiện mà giá thành hợp lý cũng đang dần lấy được sự tin nhiệm của người tiêu dùng Việt Nam khi số lượng nhập khẩu ngày càng tăng lên. Ngoài ra, nguồn cung xe ô tô nhập khẩu còn đa dạng và phong phú đến từ ngành công nghiệp sản xuất ô tô của các quốc gia như: Nga, Ấn Độ, Mỹ, Anh, Canada, Pháp.

Sự đóng góp của ô tô sản xuất trong nước

Bên cạnh lượng ô tô nhập khẩu phong phú về chủng loại, mẫu mã đến từ nhiều quốc gia, thị trường ô tô trong nước nửa cuối năm còn tiếp tục tăng trưởng với sự góp mặt của các chủng loại ô tô được lắp ráp và sản xuất trong nước. Trong 3 quý đầu năm, ngành công nghiệp sản xuất ô tô của Việt Nam đã sản xuất được 243,3 nghìn xe, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, quý I sản xuất được 69,4 nghìn xe, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2018; quý II sản xuất được 84,3 nghìn xe, tăng 7,8%; quý III sản xuất được 89,6 nghìn xe, tăng 2,7%. Sản lượng ô tô sản xuất trong nước ở các quý liên tục tăng so với năm trước đã cho thấy tín hiệu tăng trưởng ổn định của nền kinh tế cũng như sự chuyển dịch

tích cực của đầu tư nước ngoài và thương mại sẽ tạo ra những cơ hội tốt cho sự phát triển của thị trường ô tô trong những tháng cuối năm. Nhờ đó, chỉ số sản xuất công nghiệp đối với xe có động cơ của 3 quý đầu năm tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Tại Việt Nam, các thành viên nằm trong Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) cùng một số doanh nghiệp ngoài Hiệp hội đã đóng góp tích cực cho sản xuất ô tô trong nước. Một thành viên của VAMA, Công ty cổ phần ô tô Trường Hải là một trong những doanh nghiệp hàng đầu và có quy mô lớn nhất tại Việt Nam về lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô, với chuỗi giá trị từ nghiên cứu phát triển sản phẩm (R&D), sản xuất linh kiện phụ tùng, lắp ráp ô tô, đến giao nhận vận chuyển và phân phối, bán lẻ. Trường Hải đã có sự hợp tác với các thương hiệu ô tô lớn như Kia Motors, Foton, Hyundai, Mazda, Peugeot để sản xuất các loại: Xe tải, xe bus, xe du lịch, xe chuyên dụng và đầy đủ phân khúc từ trung cấp đến cao cấp và đã xây dựng nhà máy sản xuất ô tô lớn nhất và hiện đại nhất Đông Nam Á tại Quảng Nam trong năm 2018. Đặc biệt trong năm 2019 phải kể đến sự xuất hiện của thương hiệu ô tô "made in Vietnam" đến từ Tổ hợp sản xuất ô tô và xe máy điện Vinfast của tập đoàn Vingroup với 3 mẫu xe được giới thiệu là Fadil, LUX A2.0 và LUX SA2.0. Nhà máy Vinfast đạt quy mô và độ hiện đại hàng đầu thế giới, đáp ứng xu thế 4.0 vừa khánh thành hồi tháng 6/2019 đã góp phần đưa công nghiệp sản xuất ô tô Việt Nam lên tầm cao mới; đánh dấu bước tự chủ sản xuất và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu dưới thương hiệu Việt.

Những tháng vừa qua, thị trường ô tô Việt Nam đã chứng kiến

sự xuất hiện của những chiếc xe thương hiệu Việt lần bán trên đường, và dự kiến tần suất xuất hiện sẽ nhiều hơn ở các tháng cuối năm và những năm về sau. Đây là tín hiệu đáng mừng đối với ngành công nghiệp ô tô Việt Nam và là nhân tố góp phần sinh động cho thị trường tiêu thụ.

Dù không nằm trong VAMA, nhưng Hyundai Thành Công là doanh nghiệp 100% vốn trong nước, đã dựa vào nội lực hình thành nên một hệ thống hoàn chỉnh từ sản xuất, lắp ráp, phân phối, dịch vụ, phụ tùng, logistic... Do vậy, Hyundai Thành Công đã chọn cho mình những bước đi vững chắc, xây dựng cơ sở hạ tầng nền móng, liên doanh với những đối tác lớn để có được những kinh nghiệm, quy trình sản xuất thực tiễn, phù hợp với những chính sách định hướng của Chính phủ với ngành công nghiệp ô tô Việt Nam. Bên cạnh đó, còn có các doanh nghiệp sản xuất quen thuộc như: Ford Việt Nam, Hino Motors Việt Nam, ViSuco, Samco, Veam, Mitsubitshi Việt Nam, Mercedes-Benz Vietnam, Isuzu Vietnam, Honda Việt Nam... đã có những đóng góp lớn vào thị trường ô tô Việt Nam.

Thị trường tiêu thụ cuối năm đầy hứa hẹn

Doanh thu bán hàng tăng cao

Nhìn lại con số trên 71 nghìn xe ô tô dưới 9 chỗ được nhập khẩu vào Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2019, gấp hơn 4 lần năm 2018 có thể thấy xu hướng mua xe cá nhân cũng như năng lực tài chính của người tiêu dùng Việt Nam đã tăng khá cao trong năm vừa qua. Báo cáo bán hàng qua các tháng của VAMA cho thấy, từ đầu năm 2019 đến nay, thị trường tiêu thụ ô tô Việt Nam có nhiều biến động, doanh số bán hàng qua các tháng

không đều nhưng hầu như đều tăng so với cùng kỳ năm 2018.

Theo VAMA, trong tháng 1/2019, doanh số bán hàng của toàn thị trường đạt 33.510 xe, bao gồm: 15.228 xe du lịch, 5.964 xe thương mại và 291 xe chuyên dụng, giảm 2% so với tháng 12/2018 tăng 27% so với tháng 1/2018. Trong tổng số xe tiêu thụ của tháng 1, có 12.594 xe lắp ráp trong nước, giảm 18% so với tháng trước và 8.889 xe nhập khẩu nguyên chiếc, giảm 22% so với tháng trước. Sau khi doanh số tiêu thụ ô tô sụt giảm còn 13.143 xe trong tháng 2, doanh số tháng 3 phục hồi với mức tăng kỷ lục. Số xe ô tô tiêu thụ trên toàn thị trường Việt Nam của tháng 3 đạt 32.308 xe, bao gồm 22.528 xe du lịch, 8.917 xe thương mại và 863 xe chuyên dụng, tăng 160% so với tháng 2/2019 tăng 54% so với tháng 3/2018. Trong đó có: 19.769 xe lắp ráp trong nước, tăng 157% so với tháng trước và 12.539 xe nhập khẩu nguyên chiếc, tăng 164% so với tháng trước. Các tháng về sau, thị trường tiêu thụ ô tô đạt mức trung bình từ 21-27 nghìn xe/tháng. Toyota là thương hiệu có doanh số bán hàng cao nhất, chiếm khoảng 25% tổng doanh số, trong đó Toyota Vios là mẫu xe bán chạy nhất tính đến thời điểm này của năm 2019, tiếp đó là Thaco Mazda với 11,5%, Honda với 11%, Ford với khoảng 10%...

Ngoài báo cáo của VAMA, thị trường tiêu thụ ô tô còn thể hiện sự tăng trưởng của các thương hiệu không nằm trong VAMA như Hyundai Thành Công - TC Motor, Land Rover, Volkswagen, Subaru hoặc là thành viên như Mercedes-Benz, Audi (không công bố doanh số bán hàng). Theo báo cáo bán hàng của TC Motor, chỉ tính đến

tháng 8, công ty này đã có tổng cộng 47.792 xe được bán ra, trong đó Accent là mẫu xe liên tục dẫn đầu với doanh số đạt 11.660 xe, bám sát phía sau là Grand i10 với 11.014 xe.

Tăng cường kích thích chi tiêu cho mua ô tô

Nhìn lại gần 1 năm qua, các chuyên gia đánh giá thị trường ô tô Việt Nam đã trải qua những giai đoạn khó khăn, thách thức và cạnh tranh khốc liệt từ các hãng phân phối do nguồn cung từ nhập khẩu cũng như sản xuất trong nước đang dồi dào. Dự báo trong quý VI, tình hình tiêu thụ ô tô tại thị trường Việt Nam sẽ có nhiều chuyển biến tích cực do vào mùa mua sắm cuối năm. Vì vậy, các hãng xe đã không ngừng nỗ lực mang đến những sản phẩm, dịch vụ chất lượng và ưu đãi lớn hơn cho khách hàng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng có nhiều biện pháp kích cầu để đẩy doanh số lên như giảm giá bán, tặng quà, khuyến mại, hỗ trợ thuế trước bạ cho khách hàng mua xe... Điển hình phải kể đến Peugeot Việt Nam áp dụng nhiều chính sách, bao gồm giá ưu đãi đặc biệt lên đến 50 triệu đồng dành cho hai mẫu xe Peugeot 3008 và Peugeot Traveller. Trong tháng 9, Toyota Việt Nam đã 2 lần công bố điều chỉnh giảm giá một số dòng xe như Altis, Fortuner và Innova được hỗ trợ phí trước bạ hoặc chuyển thành tiền mặt từ 40-60 triệu đồng; một số phiên bản của Hilux sẽ được điều chỉnh giảm giá từ 21 triệu đồng đến 33 triệu đồng so với mức giá hiện tại. Honda Việt Nam chọn chiến lược thu hút khách hàng bằng ưu đãi khi mua xe Honda CR-V hoặc HR-V sẽ được nhận phiếu quà tặng cho mỗi xe, trị giá trên 9,9 triệu đồng. Cùng với đó, đồng loạt

các mẫu xe của thương hiệu Mazda đã có ưu đãi giá, phụ kiện, bảo dưỡng, cao nhất đến 100 triệu đồng cho CX-5 trong tháng 9...

Ngoài ra, Triển lãm Ô tô Việt Nam (Vietnam Motor Show 2019) vừa diễn ra hồi cuối tháng 10 với quy mô 20 nghìn m² trưng bày, gồm khu vực triển lãm trong nhà và khu mở rộng ngoài trời cũng góp phần đẩy mạnh doanh số bán hàng trong dịp cuối năm. Vietnam Motor Show 2019 có sự tham gia của các thương hiệu ô tô Audi, Ford, Honda, Jaguar, Land Rover, Lexus, Mercedes-Benz, Mitsubishi, Nissan, Subaru, Suzuki, Toyota, VinFast, Volkswagen, Volvo và những khu trưng bày công nghiệp phụ trợ, ô tô, xe máy, phụ tùng, linh phụ kiện, đồ chơi công nghệ, các công ty dịch vụ, chăm sóc xe, bảo hiểm, dịch vụ hỗ trợ tài chính. Đây được coi là ngày hội ô tô, quy tụ đa dạng dòng xe ở mọi phân khúc, hội tụ những công nghệ đột phá, cơ hội trải nghiệm thử xe độc đáo và các màn trình diễn lái xe mạo hiểm đã thu hút được sự chú ý đặc biệt của công chúng. Nét mới ở Triển lãm lần này là việc ứng dụng giải pháp công nghệ tương tác nhằm tạo cho khách tham quan một hành trình trải nghiệm số, giúp các hãng thêm thấu hiểu khách hàng để cung cấp nhiều lợi ích thiết thực hơn, đồng thời khách tham quan sẽ có cơ hội tiếp cận trực tiếp thông tin quan trọng từ các thương hiệu, gia tăng sự tương tác với các nhãn hàng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp kinh doanh và ngân hàng cũng bắt tay liên kết với nhau đưa ra những gói dịch vụ tài chính với lãi suất thấp nhằm hỗ trợ khách hàng mua xe dễ dàng hơn, qua đó giúp đẩy mạnh sự tăng trưởng của thị trường ô tô Việt Nam dịp cuối năm nay./.



Cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 nổ ra đã khiến cho thương mại điện tử (TMĐT) của Việt Nam ngày càng phát triển, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới, thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong xã hội. Theo công bố của Amazon tại Diễn đàn Toàn cảnh Thương mại điện tử Việt Nam năm 2019 (VOBF 2019), TMĐT xuyên biên giới sẽ là xu hướng trong 2 năm tới. Từ đây cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết hơn trong công tác quản lý hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hóa thông qua hình thức mua bán trên các trang thương mại điện tử.



THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XUYÊN BIÊN GIỚI

Duy Hưng

Thương mại điện tử xuyên biên giới tại Việt Nam

Trong bối cảnh của Cuộc cách mạng 4.0, TMĐT xuyên biên giới đang nhanh chóng trở thành nhân tố cốt lõi của nền kinh tế toàn cầu và là xu hướng tất yếu mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài cuộc. TMĐT giúp người tiêu dùng thông qua internet để mua sắm tại các thị trường quốc tế và trở thành “người tiêu dùng toàn cầu”. Đồng thời, giúp cho các cá nhân, doanh nghiệp dễ dàng hơn khi giới thiệu và giao sản phẩm của mình đến tay khách hàng quốc tế. Hiện nay, Đông Nam Á đã trở thành một trong những vùng phát triển internet nhanh nhất thế giới, tuy nhiên tại thị trường hơn 600 triệu dân này, doanh thu TMĐT chỉ chiếm chưa tới 4% tổng doanh thu ngành bán lẻ. Với dư địa phát triển còn nhiều như vậy, Đông Nam Á đang là điểm đến

hấp dẫn với các nhà đầu tư, đặc biệt là Việt Nam.

Tại Hội nghị liên Bộ trưởng Ngoại giao - Kinh tế APEC 2017, Khung thuận lợi hóa thương mại điện tử xuyên biên giới trong APEC - một sáng kiến của Bộ Công thương Việt Nam được thông qua đã góp phần tạo động lực tăng trưởng cho TMĐT xuyên biên giới. Với 8 tỷ USD doanh thu từ hoạt động TMĐT trong năm 2018, Việt Nam là một trong những quốc gia có mức tăng trưởng TMĐT nhanh nhất thế giới với tốc độ 35% mỗi năm, thậm chí gấp 2,5 lần so với Nhật Bản. Google và Temasek nhận định, doanh thu TMĐT Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực và dự báo sẽ đạt mức 15 tỷ USD vào năm 2025. Với mức sống ngày một nâng cao, kéo theo hành vi tiêu dùng của người Việt ngày càng hiện đại, hướng đến chất lượng, người tiêu dùng Việt đã hướng thị hiếu

đến các thị trường quốc tế để tìm kiếm các sản phẩm và dịch vụ tốt hơn từ các nhà cung cấp nước ngoài. Theo công bố của Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và kinh tế số, người tiêu dùng Việt đã chi tiêu nhiều hơn khi mua sắm online, ước tính mỗi ngày có tới 1,5 triệu đơn hàng được xử lý. Sách trắng TMĐT Việt Nam năm 2018 của Bộ Công thương cũng chỉ ra rằng, 186 USD (tương đương 4,3 triệu đồng) là số tiền trung bình người tiêu dùng Việt sử dụng cho mua hàng online năm 2017.

Bên cạnh đó, việc tham gia vào hệ thống xuất khẩu trực tuyến đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam giao lưu, cọ sát thực tế để hoàn thiện sản phẩm của mình, nhằm nâng cao giá trị chất lượng hàng hóa xuất xứ Việt Nam, đưa thương hiệu hàng “made in Vietnam” đến tay người tiêu dùng mọi nơi trên thế giới.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến năm 2018, Việt Nam có trên 714,7 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có trên 90% là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, đặc biệt trong số này, doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ chiếm tới hơn một nửa. Các doanh nghiệp này ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong nền kinh tế của Việt Nam và đang có những đóng góp tích cực vào lĩnh vực xuất khẩu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường gặp phải nhiều thách thức về thông tin, dự báo thị trường, năng lực cạnh tranh, tìm kiếm khách hàng. Vì vậy, việc tham gia thương mại điện tử đã đem lại cơ hội lớn cho các doanh nghiệp đưa sản phẩm của mình đến với bạn hàng quốc tế, có thể quảng bá sản phẩm tới hàng trăm triệu tài khoản mua hàng tại hàng trăm quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Đây là mô hình B2B (Business to Business), kinh doanh giao dịch qua internet giúp kết nối các doanh nghiệp với nhau nhiều hơn, chỉ bằng một cú click chuột, các doanh nghiệp dù ở bất cứ nơi đâu cũng có thể chào hàng, tìm kiếm bạn hàng, đặt hàng, ký kết hợp đồng, thanh toán qua hệ thống này...

Đầu năm 2019, Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương đã công bố kế hoạch hợp tác với Amazon Global Selling - chương trình bán hàng toàn cầu của Amazon nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường khả năng xuất khẩu hàng hoá thông qua thương mại điện tử. Theo đó, đại diện Amazon sẽ hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thị trường thế giới, phát triển thương hiệu trên trang Amazon.com. Việc hợp tác với Amazon là thành công bước đầu



của Bộ Công Thương giúp các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận được với hơn 300 triệu khách hàng, trong đó có hơn 100 triệu khách hàng Prime tại nhiều thị trường khác nhau của Amazon, cũng như hàng triệu đại lý mua hàng sỉ tại Mỹ, châu Âu, Nhật Bản... đồng thời, thúc đẩy chương trình đào tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam về thương mại điện tử để xúc tiến thương mại, xuất khẩu hàng hóa và học kỹ năng bán hàng toàn cầu trên trang thương mại điện tử lớn này.

Quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới.

Quản lý TMĐT xuyên biên giới còn nhiều hạn chế

Mặc dù TMĐT xuyên biên giới đã tạo ra hàng tỷ USD cho hoạt động kinh tế của Việt Nam trong những năm qua, tuy nhiên việc tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu mới mẻ này cũng còn gặp nhiều hạn chế, rủi ro, đây trở thành rào cản khiến cả doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt còn dè chừng khi tham gia. Ở cả hai chiều, người mua và người bán đều gặp khó khăn về ngôn ngữ, văn hóa kinh doanh. Trong đó,

người mua thường gặp khó khăn trong khâu thanh toán quốc tế do tỷ lệ sở hữu các thẻ thanh toán quốc tế như Visa, Master của người Việt chưa cao; thêm vào đó là xác suất rủi ro khi đưa ra lựa chọn trước hàng tỷ sản phẩm đa dạng về mẫu mã, chất lượng và người bán uy tín trên các trang thương mại điện tử quốc tế. Còn với các doanh nghiệp, rào cản thường gặp chính là khó khăn trong khâu logistics quốc tế và các giấy tờ thủ tục thông quan.

Theo các quy định hiện hành, hoạt động thương mại điện tử đang chịu sự quản lý của Bộ Công Thương và Bộ Tài Chính. Tuy nhiên đến nay, Việt Nam chưa có các quy định riêng đối với hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu theo các giao dịch thương mại điện tử mà thực hiện quản lý như đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thông thường. Do đó, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các giao dịch thương mại điện tử phải thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hải quan, áp dụng chính sách thuế được thực hiện như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thông thường. Khó khăn

thường gặp phải trong khâu hải quan là số lượng các lô hàng nhỏ giá trị thấp tăng nhanh do vậy cần nguồn lực phù hợp để đảm bảo thời gian xử lý nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ thông quan nhanh của hàng hóa; thiếu thông tin, khai báo không chính xác, không có hồ sơ tuân thủ của người mua do người mua là các đối tượng không thường xuyên; khó ngăn chặn các lô hàng cấm, hàng hạn chế nhập khẩu, xuất khẩu, hàng buôn lậu do số lượng hàng hóa gửi nhỏ lẻ trong khi chất lượng thông tin, dữ liệu trước về hàng hóa không có nhiều... Thêm vào đó, các sàn TMĐT gặp khó khăn khi hỗ trợ người bán trực tuyến vào Việt Nam khi thủ tục thanh toán theo Nghị định 70/2014/ND-CP, quy định nhiều loại giấy tờ về chuyển tiền nước ngoài như: (i) Lệnh chuyển tiền, (ii) Văn bản yêu cầu mua ngoại tệ, (iii) Hợp đồng ngoại thương, (iv) Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu, (v) Hóa đơn, (vi) Xác nhận nhận hàng của người tiêu dùng, (vii) Giấy ủy quyền của người tiêu dùng.

Vai trò quản lý nhà nước với việc nâng cao hiệu quả quản lý TMĐT xuyên biên giới

Trước xu thế của hoạt động kinh tế thời 4.0, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định Số 1563/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 về Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020, trong đó có chú trọng đến nội dung về Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thương mại điện tử. Mục tiêu về hạ tầng TMĐT được đặt ra là: Hoàn thiện hạ tầng pháp lý cho thương mại điện tử với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một cách toàn diện, theo kịp thực tiễn phát triển của các mô hình và hoạt động thương mại điện tử khác nhau trong xã hội; Xây dựng

và phát triển hệ thống thanh toán thương mại điện tử quốc gia, các tiện ích tích hợp thanh toán điện tử để sử dụng rộng rãi cho các mô hình thương mại điện tử, đặc biệt loại hình thương mại điện tử doanh nghiệp - người tiêu dùng (B2C), doanh nghiệp - doanh nghiệp (B2B), chính phủ - người dân (G2C), chính phủ - doanh nghiệp (G2B); Xây dựng mạng lưới dịch vụ vận chuyển, giao nhận và hoàn tất đơn hàng cho thương mại điện tử bao phủ tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước; từng bước mở rộng ra khu vực nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới; Hạ tầng an toàn, an ninh cho thương mại điện tử được phát triển với việc thiết lập các hệ thống quản lý, giám sát giao dịch thương mại điện tử; đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử và chứng thực chứng từ điện tử; các cơ chế giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong thương mại điện tử; Nguồn nhân lực thương mại điện tử được đào tạo đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và tổ chức trong xã hội.

Bên cạnh đó, tại Quyết định 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Đề án quản lý hoạt động TMĐT đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Đề án gồm 4 nội dung chính: Tổng quan về thương mại điện tử; Thực trạng quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Mô hình và giải pháp quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Tổ chức thực hiện.

Mục tiêu của Đề án nhằm đảm bảo việc quản lý toàn diện của nhà nước trong lĩnh vực TMĐT, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm đảm bảo việc kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định pháp luật tránh việc lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để trốn thuế, vi phạm các chính sách mặt hàng, sở hữu trí tuệ, xuất xứ, vận chuyển hàng cấm vào Việt Nam và ngược lại. Đồng thời Đề án được xây dựng nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại điện tử phát triển, đơn giản thủ tục hải quan, thủ tục liên quan đến việc kiểm tra chuyên ngành, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính và người tiêu dùng Việt Nam.

Có thể nói, việc tăng cường hợp tác và đẩy mạnh TMĐT xuyên biên giới đã mang lại nhiều lợi ích cho TMĐT Việt Nam trong xúc tiến xuất khẩu, phát triển thương hiệu thông qua nền tảng thương mại điện tử, mang lại sự đổi mới trong công tác xúc tiến thương mại mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm biến đổi chuỗi cung ứng toàn cầu và đưa thương mại điện tử trở thành một hình thức giao dịch thương mại có tiềm năng phát triển. Con số 49,8 triệu người Việt Nam tham gia mua hàng trực tuyến trên kênh TMĐT năm 2018 do Hãng nghiên cứu thị trường Statista (Đức) công bố dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên ở các năm về sau, Việt Nam hứa hẹn sẽ trở thành một quốc gia năng động trong hoạt động TMĐT. Vì vậy, tăng cường quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới, hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ cho cả người tiêu dùng trong nước lẫn các cá nhân, doanh nghiệp xuất khẩu khi tham gia vào các hoạt động mua bán trực tuyến xuyên biên giới là việc làm cần thiết và cấp bách hiện nay./.

Nhiều chuyển biến TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngọc Linh

Với quan điểm coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nước ta thời gian qua nhận được sự quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Trong đó giáo dục đại học (GDĐH) giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, cung cấp hàng triệu nhân lực có trình độ, giữ vai trò nòng cốt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trước sự vận động, phát triển không ngừng của khoa học - công nghệ và tri thức nhân loại, đặc biệt là trước yêu cầu của toàn cầu hóa, quốc tế hóa, GDĐH cần tiếp tục có sự đổi mới mạnh mẽ, để đáp ứng ngày càng tốt hơn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Đổi mới để cải thiện vị trí xếp hạng trong khu vực và thế giới

Theo Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 29 của Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục (2013-2018) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước có 236 trường đại học, học viện (không tính các trường thuộc khối quốc phòng - an ninh), trong đó có 171 trường đại học công lập và 65 trường đại học ngoài công lập, thực hiện đào tạo cho khoảng 1,7 triệu sinh viên. Hiện số trường đại học trên cả nước đã vượt so với chỉ tiêu đặt ra tại Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020 là đến năm 2020 cả nước có 224 trường đại học, cho thấy mạng lưới đào tạo GDĐH nước ta phát triển mạnh mẽ trong những năm vừa qua.

Bên cạnh việc phát triển mạng lưới các trường đại học rộng khắp

cả nước, chất lượng GDĐH được cải thiện đáng kể và có nhiều chuyển biến tích cực. Thực hiện chủ trương đổi mới công tác xây dựng chương trình đào tạo, trong đó có sự tham gia của các nhà quản lý, các nhà sử dụng lao động; xây dựng và công bố chuẩn đầu ra theo từng ngành đào tạo, hầu hết các cơ sở GDĐH đã điều chỉnh, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. Bên cạnh đó, các cơ sở GDĐH đã tích cực, chủ động đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, tăng cường kỹ năng ứng dụng và thực hành, chú trọng đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội; quan tâm hơn đến phát triển các kỹ năng mềm, hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên phát triển năng khiếu và tính sáng tạo, chủ động hội nhập và chấp nhận cạnh tranh.

Để đáp ứng nhu cầu giáo dục, đào tạo trong nền kinh tế tri thức mà Việt Nam đang hướng đến, với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin nói chung và internet nói riêng, nhiều cơ sở GDĐH nước ta đã đưa mô hình đào tạo trực tuyến vào giảng dạy kết hợp mô hình đào tạo truyền thống. Điều này đã mở ra cơ hội học tập tốt hơn cho thế hệ trẻ Việt Nam để họ có thể có được một tương lai vững chắc và làm chủ trong thời đại công nghệ số.

Một trong những câu chuyện luôn được nhắc tới trong thời gian qua trong GDĐH là sinh viên ra trường không tìm được việc làm, trong khi đó các doanh nghiệp lại gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng được những lao động có thể đáp ứng nhu cầu công việc do phần lớn sinh viên ra trường yếu kỹ năng thực hành hoặc thiếu những kiến thức, kỹ năng mềm. Để khắc phục tình trạng này, các cơ sở GDĐH đã đẩy mạnh công tác



đào tạo gắn kết với nhu cầu lao động của địa phương, với các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, nhằm kết nối quan hệ cung - cầu trong thị trường lao động. Theo đó, trên cơ sở khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo, các cơ sở GDĐH đã có sự điều chỉnh về cơ cấu ngành nghề; nhiều trường đã tập trung vào mở mới và nâng cao chất lượng các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sức khỏe và du lịch là những ngành đem lại nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ở trong nước cũng như việc dịch chuyển lao động trong khu vực ASEAN. Theo Bộ GD&ĐT, tổng số ngành mở mới ở trình độ đại học là 184 ngành, tập trung chủ yếu vào các nhóm ngành Kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật, Máy tính và Công nghệ thông tin, Khoa học xã hội và hành vi, Kinh doanh quản lý, Pháp luật. Mô hình gắn kết giữa trường đại học với doanh nghiệp trong đào tạo đại học đã phát huy tính hiệu quả, xóa bỏ dần khoảng cách giữa trường ĐH và việc đáp ứng nhu cầu thực tế của DN về nguồn nhân lực trình độ và chất lượng cao.

Bắt nhịp với xu hướng quốc tế hóa GDĐH, các trường ĐH Việt Nam đã và đang thực hiện khoảng 500 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài. Trong đó,

nhiều cơ sở GDĐH phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế: Mô hình đào tạo theo định hướng năng lực đầu ra trong các trường ĐH kỹ thuật (CDIO); Chương trình giáo dục định hướng nghề nghiệp - ứng dụng (POHE); Chương trình Đào tạo Kỹ sư chất lượng cao PFIEV; Chương trình tiên tiến; Chương trình chất lượng cao và các chương trình liên kết quốc tế khác; bước đầu rà soát chương trình đào tạo tiếp cận tiêu chuẩn Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á - Đảm bảo chất lượng (ASEAN University Network - Quality Assurance - AUN-QA). Qua đó từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Tự chủ trường đại học hiện được xem là điều kiện cần thiết để thực hiện các phương thức quản trị đại học tiên tiến nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Trong thời gian qua, vấn đề tự chủ trong GDĐH Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Ngoài việc tự chủ về tài chính và nhân sự, thực hiện sứ mệnh sáng tạo ra tri thức, các trường ĐH đã từng bước tự chủ về chuyên môn, hình thành mô hình đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao tiếp cận chuẩn quốc tế, bồi dưỡng nhân tài; đáp ứng

ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đất nước nhờ nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động KH-CN.

Với những nỗ lực đổi mới hình thức, phương pháp đào tạo, số lượng cơ sở GDĐH được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đã tăng lên đáng kể. Tính đến tháng 6/2018, cả nước có 117 cơ sở GDĐH được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng bởi các tổ chức kiểm định trong nước và 06 cơ sở giáo dục đại học được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá của Hội đồng Cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp (HCERES) và Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Ngoài ra, có 112 chương trình đào tạo đại học đã được đánh giá và công nhận, trong đó có 08 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước; 104 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài và công nhận bởi các tổ chức kiểm định quốc tế, 16 chương trình đánh giá theo chuẩn của Ủy ban Bằng Kỹ sư Pháp (CTI); 2 chương trình đánh giá theo chuẩn của Hội đồng Kiểm định kỹ thuật và công nghệ, Hoa Kỳ (ABET); 6 chương trình đánh giá theo chuẩn của Hội đồng Kiểm định các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh, Hoa Kỳ (ACBSP).

Các kết quả trên đã giúp cải thiện xếp hạng của các trường ĐH Việt Nam trên thế giới. Theo bảng xếp hạng thế giới năm 2018 của Quacquarelli Symonds (QS) - một tổ chức xếp hạng đại học của Anh, lần đầu tiên Việt Nam có hai trường ĐH nằm trong nhóm 1.000 trường danh tiếng nhất thế giới. Cụ thể, ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh nằm trong nhóm 701-750 và ĐH Quốc gia Hà Nội được xếp vào nhóm 801-1000 của bảng xếp hạng QS 2019. Trong khu vực

Mục tiêu cụ thể của Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025”

Về chất lượng sinh viên tốt nghiệp: 100% sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra, bao gồm cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm.

Về điều kiện bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục:

- 100% giảng viên đại học có trình độ thạc sĩ hoặc tương đương trở lên;
- 100% cơ sở giáo dục đại học (đủ điều kiện) thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục,
- Trên 35% chương trình đào tạo được kiểm định trong nước hoặc nước ngoài.

Về tự chủ đại học: 100% cơ sở GDĐH thực hiện tốt cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình.

Về hội nhập quốc tế:

- 100% cơ sở khai thác và sử dụng các chương trình đào tạo, học liệu mở được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới;
- Trên 70% cơ sở có hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường ĐH trong khu vực và trên thế giới;
- Trên 70% cơ sở có ngành đào tạo trong số 8 ngành đã được công nhận lẫn nhau trong khu vực ASEAN;
- Có ít nhất 02 cơ sở được xếp hạng trong nhóm 100; 10 cơ sở thuộc nhóm 400 trường đại học tốt nhất Châu Á;
- Có ít nhất 04 cơ sở được xếp hạng trong số 1.000 trường ĐH hàng đầu thế giới theo các bảng xếp hạng quốc tế có uy tín.

Về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng,

- Hàng năm có trên 30% cơ sở có ít nhất 03 đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác với nước ngoài;
- Trên 50% cơ sở thực hiện được ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ cho các tổ chức trong và ngoài nước;
- Trên 50% cơ sở tổ chức được ít nhất 01 hội thảo quốc tế hàng năm;
- Có ít nhất 10 tạp chí khoa học của các cơ sở trong nước được nâng cấp đạt chuẩn của các tạp chí quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới.

Về chương trình đào tạo,

- Trên 50% cơ sở sử dụng toàn bộ hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình của nước ngoài;
- 100% chương trình đào tạo có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động.

châu Á, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội thuộc nhóm 291-300, Trường ĐH Cần Thơ thuộc nhóm 301-350 và ĐH Huế thuộc nhóm 351-400 các trường tốt nhất. Mặc dù còn ở vị trí khá khiêm tốn so với nhiều trường ĐH trong khu vực và trên thế giới, song đây là một sự khích lệ lớn để các trường đại học Việt Nam tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo cho những năm tiếp theo.

Chủ trương mới để tháo gỡ những nút thắt

Bên cạnh những kết quả trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng thẳng thắn nhìn nhận những vấn đề còn tồn tại của GDĐH Việt Nam hiện nay. Đó là, hệ thống được mở rộng nhanh chóng nhưng đã có dấu hiệu chững lại trong 10 năm gần đây; chất lượng đào tạo thấp và mức độ phù hợp chưa đạt yêu cầu, đặc biệt là chưa bắt kịp với sự thay đổi nhanh chóng của cách mạng công nghiệp 4.0. Nghiên cứu khoa học ở các cơ sở GDĐH còn chưa được quan tâm đúng mức và kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Số lượng nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu quốc tế dù đã có cải thiện nhưng vẫn còn bị bỏ khá xa so với các nước láng giềng, như Singapore, Thailand và Malaysia; các hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả. Năng lực quản trị, quản lý của các cơ sở GDĐH chưa theo kịp yêu cầu của phát triển GDĐH và hội nhập quốc tế...

Ngoài ra, hiện mức chi đầu tư cho GDĐH ở nước ta khá thấp so với các bậc học khác và so với các nước trên thế giới. Theo thống kê, trong khi Chính phủ đầu tư cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông ở mức khá cao thì chỉ dành 0,33% GDP cho giáo dục đại học. Đây là một trong những mức đầu tư thấp nhất trên thế giới khi mức trung bình của các nước thành viên thuộc Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) là 1,1%. Chi tiêu cho mỗi sinh viên đại học, tính theo % GDP bình quân đầu người, chỉ bằng 2/3 so với giáo dục phổ thông và 1/3 so với các nước OECD. Đây được cho là một thách thức lớn cho mục tiêu trở thành nền kinh tế dựa trên tri thức trong tương lai.

(Xem tiếp trang 43)

Từ năm 2011 Việt Nam đã chính thức bắt đầu bước vào giai đoạn già hóa dân số và được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới. Để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi (NCT), nhiều dịch vụ chăm sóc cho nhóm đối tượng này đã phát triển song vẫn còn nhiều khoảng trống, đặt ra yêu cầu cho Việt Nam là cần đẩy mạnh hơn nữa các giải pháp để thích ứng với một xã hội già hóa.



PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI TRONG XU THẾ XÃ HỘI GIÀ HÓA

Quang Vinh

Nhiều mô hình mới trong phát triển dịch vụ chăm sóc người cao tuổi...

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH), tính đến hết năm 2017, cả nước có trên 11 triệu NCT (là người đủ 60 tuổi trở lên), chiếm 11,95% dân số, trong đó có gần 2 triệu người từ 80 tuổi trở lên. Với sự phát triển về y tế, khoa học kỹ thuật hiện nay, tuổi thọ trung bình nước ta đã tăng lên đáng kể và hiện là 74 tuổi, đứng thứ 2 trong khu vực và đứng thứ 56 trên thế giới. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa nhanh nhất thế giới khi dự báo đến năm 2038, nhóm dân số trên 60 tuổi là khoảng 21 triệu người, chiếm 20% tổng dân số cả nước. Đến năm 2050, khi thế giới cứ 5 người thì có 1 người từ 60 tuổi trở lên thì ở Việt Nam cứ 4 người thì có 1 người 60 tuổi trở lên (khoảng 27 triệu người). Tuổi thọ trung bình của Việt Nam cũng sẽ được dự báo sẽ tiếp tục tăng, lên tới 78 tuổi vào năm 2030 và 80,4 tuổi vào năm 2050.

Tuổi thọ của người dân cao lên đi kèm với sự suy giảm sức khỏe của NCT ngày một tăng. NCT hiện nay thường phải đối mặt với những bệnh như tăng huyết áp, rối loạn chuyển hóa, đái tháo đường, sa sút trí tuệ... Đây là nhóm bệnh không lây nhiễm, nhưng số lượng những bệnh nhân của nhóm này ngày càng tăng và phải điều trị suốt đời. Trong khi đó, tại Việt Nam, mô hình gia đình hiện đại (hay còn gọi là gia đình hạt nhân - chỉ có 2 thế hệ) đang dần thay thế cho mô hình gia đình truyền thống (có từ 3 thế hệ trở lên), khiến cho số người thân chăm sóc cho người già cũng ít đi. Thực trạng này đã dẫn tới sự hình thành và phát triển các dịch vụ chăm sóc NCT, giúp họ được hưởng một cuộc sống lành mạnh cả về thể chất và tinh thần.

Một trong những dịch vụ chăm sóc NCT đầu tiên được Việt Nam quan tâm và hướng đến là phát triển dịch vụ y tế, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho NCT, trong đó trọng tâm là thành lập

các bệnh viện lão khoa, khoa lão khoa. Theo đó, Bộ Y tế đã lập kế hoạch tổng thể tăng cường năng lực của hệ thống Lão khoa tại các địa phương trong cả nước, hướng tới chăm sóc toàn diện cho người bệnh là NCT tại bệnh viện. Theo số liệu thống kê, hiện cả nước có 1 Bệnh viện Lão khoa Trung ương và 100 khoa lão khoa được thành lập tại bệnh viện đa khoa của 49/63 tỉnh, thành phố và các bệnh viện tuyến Trung ương với gần 1.800 nhân viên y tế được đào tạo về lão khoa; hơn 900 khoa khám bệnh có buồng, bàn khám riêng và có trên 8.000 giường điều trị ưu tiên cho NCT. Đáng chú ý là việc xây dựng bệnh viện lão khoa tại các địa phương bắt đầu được triển khai, giúp NCT hạn chế việc phải chuyển tuyến điều trị, giảm quá tải cho Bệnh viện Lão khoa Trung ương, từ đó giảm gánh nặng cho người bệnh và gia đình. Điển hình là vào tháng 8/2019 vừa qua, Quảng Ninh là địa phương đi đầu cả nước khởi công xây dựng Bệnh viện Lão khoa với quy mô

200 giường bệnh, tổng mức đầu tư 429 tỷ đồng, thời gian triển khai trong 2 năm (2019-2020). Dự án được đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng, cây xanh theo hướng thân thiện với môi trường, đảm bảo khí hậu và điều kiện chăm sóc tốt nhất cho người bệnh.

Cùng với đẩy mạnh phát triển hệ thống lão khoa trên cả nước, Bộ Y tế đồng thời hướng dẫn các trường đại học y thành lập bộ môn lão khoa để cung cấp nhân lực cho hệ thống này. Hiện nay đã có Trường ĐHY Hà Nội, Trường ĐHY khoa Phạm Ngọc Thạch (TP. Hồ Chí Minh) thành lập được môn lão khoa, đào tạo chính nguồn nhân lực thầy thuốc lão khoa. Công tác đào tạo các điều dưỡng chuyên ngành lão khoa cũng sẽ được triển khai tại các trường cao đẳng ngành y trong thời gian tới. Mặt khác, ngành Y tế Việt Nam cũng đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tăng cường nguồn nhân lực cũng như nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của bác sĩ lão khoa. Ví dụ như chương trình hợp tác đào tạo nguồn nhân lực lão khoa giữa Bệnh viện Lão khoa trung ương với các bệnh viện, cơ sở đào tạo của Pháp và Nhật Bản.

Bên cạnh đó, Bộ Y tế đã triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản tại Trạm y tế xã theo Thông tư 39/2017/TT-BYT, danh mục thuốc điều trị các bệnh tại tuyến y tế cơ sở được mở rộng nhằm tạo thuận lợi cho NCT trong khám và điều trị các bệnh mạn tính tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Ngoài ra, Bộ Y tế cũng quy định rõ NCT được đăng ký khám chữa bệnh (KCB) ban đầu tại cơ sở KCB tuyến xã, tuyến huyện thuận tiện với nơi cư trú và khả năng đáp ứng của cơ sở KCB; đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB tuyến tỉnh, tuyến Trung ương khi có khả năng đáp ứng

được việc tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu. Đặc biệt, NCT trên 80 tuổi được đăng ký KCB ban đầu tại bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương. Việc thực hiện quy định này đã tạo thuận tiện cho NCT trong việc khám, chữa bệnh BHYT và được chăm sóc sức khỏe tốt hơn.

Nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, toàn diện, liên tục, thuận lợi cho người bệnh (đặc biệt là NCT) và góp phần giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện, từ năm 2013 Việt Nam cũng đã triển khai thực hiện mô hình bác sĩ gia đình (một mô hình có từ lâu tại các nước phát triển) theo Đề án Bác sĩ gia đình giai đoạn 2013-2020. Thực hiện dịch vụ này đối với NCT, các bác sĩ gia đình sẽ hướng dẫn người thân trong gia đình cách chăm sóc NCT, giám sát NCT khi mắc bệnh nghiêm trọng hoặc tình trạng sức khỏe không ổn định, chăm sóc NCT về vấn đề vệ sinh, ăn uống... Với những ưu điểm như tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại khám chữa bệnh, chất lượng bác sĩ tốt, dịch vụ bác sĩ gia đình được đánh giá là mô hình phù hợp và đang ngày càng phát triển tại Việt Nam.

Bên cạnh việc phát triển loại hình, chất lượng dịch vụ y tế thì phát triển bảo hiểm y tế đang được xem là một điểm tựa vững chắc cho NCT chăm lo sức khỏe của mình khi họ phải đối mặt với tình trạng bệnh tật gia tăng trong khi chi phí khám chữa bệnh là một gánh nặng. Theo thống kê, năm 2016 cơ quan BHXH cấp thẻ BHYT cho 8,8 triệu NCT; năm 2017 là 9,8 triệu người và năm 2018 là trên 11 triệu người (chưa bao gồm đối tượng NCT là thân nhân quân nhân do BHXH Bộ Quốc phòng cấp thẻ BHYT). Hiện NCT đang chiếm trên 11% trong tổng số đối tượng tham gia BHYT. Chính phủ

cũng đã có quy định người trên 80 tuổi sẽ được hỗ trợ mua BHYT. Để tạo điều kiện dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ khám, chữa bệnh BHYT cho nhóm đối tượng này, các địa phương phấn đấu đến hết năm 2019 sẽ đạt 100% NCT có thẻ BHYT, tiến tới nâng cao chất lượng khám sức khỏe định kỳ, ban đầu cho NCT.

Một mô hình khác trong chăm sóc NCT được phát triển ở Việt Nam trong những năm gần đây là nhà/viện dưỡng lão. Mô hình này khá mới mẻ và được phân thành 3 nhóm sau: Nhóm thứ nhất là các cơ sở do các cá nhân, doanh nghiệp đứng ra tổ chức, xây dựng, vận hành theo mô hình kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe, có lợi nhuận để tự duy trì hoạt động. Một số viện dưỡng lão thuộc nhóm này có thể kể đến là: Trung tâm dưỡng lão Thiên Phúc, Orihome, Nhà tuổi vàng, Trung tâm Phù Đồng, Trung tâm dưỡng lão Diên Hồng... Đây là những địa chỉ có cơ sở hạ tầng, khuôn viên thuận tiện cho người già sinh hoạt, nhân viên chăm có được tập huấn, đào tạo bài bản. Nhóm thứ hai là các cơ sở dưỡng lão từ thiện do các cá nhân hoặc tổ chức tôn giáo (nhà chùa, giáo hội) đứng ra tổ chức, hoạt động theo mô hình thiện nguyện, kinh phí hoạt động do sự đóng góp của các doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm. Nhóm thứ ba là các cơ sở chăm sóc, điều dưỡng người có công, NCT thuộc diện chính sách do nhà nước đứng ra bảo trợ.

Qua thực tế hoạt động, mô hình nhà/viện dưỡng lão, đặc biệt là các cơ sở tư nhân đang mang lại một môi trường sống khá thoải mái và thuận lợi cho NCT và đang được nhiều gia đình lựa chọn.

Bên cạnh việc phát triển các cơ sở dưỡng lão, các địa phương đang đồng thời đẩy mạnh các

hoạt động chăm sóc người già tại cộng đồng. Điển hình như tại TP. Hồ Chí Minh, từ năm 2016, Trung tâm Công tác xã hội Thanh niên của thành phố đã phối hợp cùng 3 trung tâm bảo trợ xã hội tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội như tổ chức giao lưu văn hóa, dạy tập thể dục dưỡng sinh cho NCT...

... và những khoảng trống

Mặc dù vấn đề phát triển các dịch vụ chăm sóc NCT đã được quan tâm trong thời gian qua song thực tế cũng cho thấy lĩnh vực này còn nhiều khoảng trống. Trước hết, số lượng bệnh viện chuyên về lão khoa trên cả nước so với tỷ lệ NCT đang rất thiếu. Hiện nay, cả nước chỉ có một bệnh viện đầu ngành chăm sóc cho NCT là Bệnh viện Lão khoa trung ương còn tại các địa phương, chỉ khoảng 20% các bệnh viện tỉnh có khoa lão khoa, chủ yếu tập trung ở tỉnh có dân số đông. Bên cạnh đó, tại các khoa lão khoa thuộc bệnh viện địa phương, hệ thống y tế chăm sóc riêng cho NCT hiện chưa đồng bộ ở các tuyến, trang thiết bị còn thiếu; đội ngũ cán bộ y tế được đào tạo chuyên sâu để điều trị và chăm sóc cho NCT còn mỏng, chủ yếu là hoạt động ghép với các chuyên khoa khác như: Thận, tim mạch, nội... Việc thiếu các chuyên khoa lão khoa và đội ngũ cán bộ y tế ở cơ sở đã phần nào ảnh hưởng đến công tác chăm sóc sức khỏe cho NCT nước ta.

Mặt khác, mô hình bác sĩ gia đình cũng chỉ mới phát triển mạnh tại hai thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh do người dân chưa hiểu và chưa tin, nguồn nhân lực có chuyên môn về y học gia đình còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu. Bên cạnh đó, cơ sở thực hành cho chuyên ngành Y học gia đình chưa được xây dựng nên việc chăm sóc sức khỏe ban đầu và

quản lý sức khỏe cho người dân chưa chuyên nghiệp. Trong khi đó, chưa có mẫu hồ sơ bệnh án phù hợp với mô hình và phần mềm quản lý thông tin bệnh nhân của phòng khám bác sĩ gia đình.

Thêm vào đó, nhu cầu vào viện dưỡng lão, trung tâm chăm sóc NCT hiện rất lớn trong khi mạng lưới hệ thống dưỡng lão ở Việt Nam thiếu và yếu. Theo Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), hiện cả nước có 102 cơ sở tổng hợp có phân khu chăm sóc NCT, trong đó chỉ có 32 cơ sở chuyên biệt chăm sóc người già trên cả nước và các viện dưỡng lão này phần lớn thuộc khu vực tư nhân. Tức là không đủ trung bình mỗi tỉnh thành một trung tâm. Các cơ sở chăm sóc NCT cũng chủ yếu tập trung ở 2 thành phố lớn là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh và mức phí dịch vụ còn khá cao. Còn tại các địa phương, các trung tâm bảo trợ xã hội cũng dành một phần hoạt động để nuôi dưỡng, chăm sóc người già, tuy nhiên đối tượng chỉ là các cụ neo đơn, khó khăn, không nơi nương tựa. Hơn nữa, đội ngũ chăm sóc NCT tại nhiều cơ sở nhà/viện dưỡng lão chưa chuyên nghiệp, không được đào tạo bài bản.

Ngoài ra, đối với các cơ sở nhà/viện dưỡng lão do các cá nhân, doanh nghiệp đứng ra tổ chức, xây dựng đều gặp khó khăn nhất định do các chính sách hỗ trợ của nhà nước chưa đầy đủ và triệt để, việc thuê đất cũng như hỗ trợ vay vốn còn gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, các cơ sở dưỡng lão từ thiện có cơ sở vật chất thường không được khang trang, diện tích nhỏ, chủ yếu nuôi dưỡng những NCT cô đơn, không có người thân thích, lang thang, cơ nhỡ... Còn tại các cơ sở chăm sóc, điều người người có công, NCT thuộc diện chính

sách do nhà nước đứng ra bảo trợ chủ yếu chăm sóc, điều dưỡng luân phiên mà không nhận nuôi dưỡng suốt đời và số lượng các cơ sở còn ít.

Để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của NCT, một trong những nhiệm vụ đầu tiên ngành y Việt Nam đặt ra là sẽ tập trung nâng cao năng lực của hệ thống y tế về chăm sóc NCT. Cụ thể là đưa lão khoa vào danh mục ưu tiên, triển khai quyết liệt việc thành lập khoa lão khoa tại các bệnh viện, tổ chức phòng khám cho NCT. Bên cạnh đó là tăng cường và đa dạng hóa dịch vụ chăm sóc NCT như: Phát triển hệ thống nhà dưỡng lão, đặc biệt là nhà dưỡng lão có chăm sóc y tế; Khu chung cư dành cho người già; Mở thêm trung tâm cung cấp dịch vụ xã hội cho NCT...

Bên cạnh mô hình viện dưỡng lão tập trung hiện nay, ngành y cũng sẽ quan tâm hơn cho việc nghiên cứu phát triển mô hình viện dưỡng lão bán trú (theo ngày) dành cho những NCT giống như nhiều quốc gia trên thế giới. Với mô hình này, NCT không bị tách rời khỏi gia đình, đời sống tinh thần thoải mái bởi họ sẽ được tham gia nhiều hình thức giải trí phù hợp như chơi cờ, bóng bàn, thể dục dưỡng sinh, tham gia câu lạc bộ thơ... song vẫn được sống cùng người thân.

Trong khi nguồn ngân sách nhà nước dành cho công tác chăm sóc sức khỏe, đời sống NCT còn hạn hẹp thì việc xã hội hóa, vận động tư nhân thành lập trung tâm dưỡng lão, tham gia chuỗi dịch vụ chăm sóc NCT cũng là xu hướng tất yếu và được đẩy mạnh.

Hy vọng với những nỗ lực trên, các dịch vụ chăm sóc NCT tại Việt Nam sẽ ngày càng phát triển, giúp nâng cao chất lượng dân số và giảm gánh nặng cho ngành y tế nước ta./

Lai Châu:
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ
lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành
tháng 10/2019 tăng mạnh

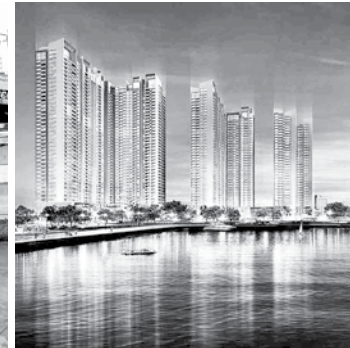
Cục Thống kê Lai Châu cho biết, mức bán lẻ hàng hóa tháng 10/2019 ước đạt 444.436,6 triệu đồng, tăng 12,02% so với tháng trước; tăng 24,73% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân là do trong tháng 10, tỉnh Lai Châu đã diễn ra nhiều hoạt động chào mừng kỷ niệm 110 năm thành lập tỉnh (1909 - 2019), 70 năm thành lập Đảng bộ tỉnh (1949 - 2019) và 15 năm chia tách, thành lập tỉnh Lai Châu, cũng tại thời điểm đó từ ngày 5-13/10 diễn ra Hội chợ thương mại Quốc tế với 292 gian hàng của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, (thu hút được khoảng 30 nghìn lượt người đến tham quan, trao đổi, mua sắm) đã tác động lớn đến hầu hết các nhóm hàng trong tháng đều tăng cụ thể: Nhóm lương thực thực phẩm tăng 13,33%; hàng may mặc tăng 10,61%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 10,26%; vật phẩm, văn hóa, giáo dục tăng 10,32%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 16,01%; phương tiện đi lại tăng 11,62%; xăng dầu tăng 10,54%; nhiên liệu khác tăng 6,65%; đá quý, kim loại quý tăng 10,13%; hàng hóa khác tăng 8,47%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành tháng 10/2019 đạt 52.378 triệu đồng, tăng 9,55% so với tháng trước và tăng 27,39% so với cùng kỳ năm 2018./.

Nguồn: Cục Thống kê Lai Châu

Ninh Bình:
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 10
tháng năm 2019 tăng 1,49%

Theo cục Thống kê Ninh Bình, CPI bình quân 10 tháng đầu năm 2019 tăng 1,49% so với bình quân cùng kỳ năm 2018. Trong đó có 08/11 nhóm có chỉ số tăng, cụ thể: Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất 8,51%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,35%; nhóm giáo dục tăng 2,01%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,97% (trong đó lương thực giảm 3,01%, thực phẩm tăng 2,63%, nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 2,92%); nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 1,19%; nhóm may mặc,



TIN ĐỊA PHƯƠNG

mũ nón, giày dép tăng 0,62%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,54%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,24%. Ba nhóm có chỉ số giảm gồm: Nhóm bưu chính viễn thông giảm 2,95%; nhóm giao thông giảm 1,03%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,78%./.

Nguồn: Cục Thống kê Ninh Bình

Bắc Ninh:
Duy trì tốt hoạt động Tài chính, ngân hàng

Tính đến cuối tháng 10/2019, tổng nguồn vốn huy động toàn tỉnh Bắc Ninh ước đạt 118,5 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước, tăng 23,5% so với cùng tháng năm 2018. Trong đó, tiền gửi của cá nhân là 69,45 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ 0,1% so với tháng trước, tăng 22,7% so với cùng tháng năm trước. Tín dụng duy trì mức tăng trưởng ổn định. Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 10/2019 ước đạt 87,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước, tăng 11,9% so với cùng tháng năm 2018. Công tác xử lý nợ xấu được thực hiện nghiêm túc nhằm thu hồi nợ xấu, xử lý ngăn chặn nợ xấu mới phát sinh.

Trong tháng 10/2019, các giao dịch thanh toán tiền mặt được đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, chính xác và an toàn tuyệt đối, đáp ứng các nhu cầu chi trả lương, thanh toán của các doanh nghiệp và cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đến nay, trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Bắc Ninh đã lắp đặt được tổng số 307 máy ATM, 1.774 máy POS; có 2.338 đơn vị thực hiện trả lương qua tài khoản với hơn 910 nghìn tài khoản cá nhân nhận lương. Lũy kế từ đầu năm, số lượng giao dịch thanh toán qua máy POS đạt 910 nghìn giao dịch với doanh số giao dịch đạt 1,9 nghìn tỷ đồng, số lượng giao dịch ATM đạt 13.920 nghìn giao dịch với giá trị đạt 23,6 nghìn tỷ đồng. Công tác huy động vốn có nhiều thuận lợi, nguồn tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán tăng do nhu cầu chuyển tiền thanh toán hàng hóa cuối năm gia tăng./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

Bình Định: **Kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng** **năm 2019 tăng khá**

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2019 của Bình Định ước đạt 1.064 triệu USD, tăng 9,3% so cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu đạt 751,2 triệu USD, tăng 13,6%; nhập khẩu đạt 312,8 triệu USD, tăng 0,2%. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm của khu vực kinh tế trong nước đạt 13,7%, cao hơn tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (tăng 13%), tỷ trọng của khu vực kinh tế trong nước chiếm 89,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, xấp xỉ cùng kỳ.

Trong đó, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2019 ước đạt 751,2 triệu USD, tăng 13,6% so cùng kỳ. Có 8 nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu chiếm 96,2% kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh, bao gồm: Hàng thủy sản, gạo, sắn và sản phẩm từ sắn, quặng và khoáng sản, sản phẩm từ chất dẻo, gỗ, sản phẩm gỗ và hàng dệt may. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 218,5 triệu USD, tăng 4,7%; gỗ đạt 162,3 triệu USD, tăng 51,3%; hàng dệt may đạt 145,1 triệu USD, tăng 10,1%; hàng thủy sản đạt 67,9 triệu USD, tăng 4,6%; sản phẩm từ chất dẻo đạt 46,7 triệu USD, tăng 58,5%; quặng và khoáng sản đạt 36,3 triệu USD, tăng 17,8%; gạo đạt 25,4 triệu USD, tăng 28,3%. Trong khi đó, sắn và sản phẩm từ sắn đạt 20,4 triệu USD, giảm 50,7%.

Các mặt hàng được xuất khẩu đến 97 quốc gia và vùng lãnh thổ trên cả 5 châu lục. Trong đó, Châu Á đạt 384,2 triệu USD, chiếm 52,3%; Châu Âu đạt 171,6 triệu USD, chiếm 23,3% kim ngạch xuất khẩu trực tiếp.

Tính chung 10 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 312,8 triệu USD, tăng 0,2% so cùng kỳ. Có 7 nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu chiếm 89,5% kim ngạch nhập khẩu của tỉnh, gồm: Hàng thủy sản, thức ăn gia súc và nguyên liệu, phân bón, gỗ và sản phẩm gỗ, vải các loại; nguyên phụ liệu dệt may, máy móc thiết bị. Trong đó, nhập khẩu máy móc thiết bị đạt 76,5 triệu USD, tăng 23,2%; vải các loại đạt 17,7 triệu USD, tăng 23,2%; phân bón đạt 17,6 triệu USD, tăng 63,9%. Bên cạnh một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao thì một số nhóm hàng lại có xu hướng giảm mạnh: hàng thủy sản đạt 34,4 triệu USD, giảm 8,1%; thức ăn gia súc và nguyên liệu đạt 44,5 triệu USD, giảm 11%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 36,8 triệu USD, giảm 20,1%; nguyên phụ liệu dệt may đạt 52,6 triệu USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ./.

Nguồn: Cục Thống kê Bình Định

Thừa Thiên - Huế: **Tình hình nuôi trồng và khai thác** **thủy sản 10 tháng đầu năm tăng khá**

10 tháng đầu năm 2019 diện tích nuôi trồng thủy sản toàn Tỉnh ước đạt 6.826 ha, tăng 2,32% so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm diện tích nuôi nước lợ 4.937 ha, tăng 3,33%; nuôi nước ngọt 1.889 ha, giảm 0,21%. Số con giống sản xuất ước đạt 168,7 triệu con, tăng 3,69% so cùng kỳ năm 2018, trong đó tôm sú giống 91,5 triệu con, tăng 4,45%; cá giống 75,2 triệu con, tăng 2,87%...

Lũy kế sản lượng thủy sản nuôi trồng 10 tháng đầu năm 2019 ước đạt 14.642 tấn, tăng 4,46% so cùng kỳ năm 2018, trong đó cá các loại 8.702 tấn, tăng 3,84%; tôm các loại 4.935 tấn, tăng 5,97%; thủy sản khác 1.005 tấn, tăng 2,55%.

Sản lượng khai thác 10 tháng đầu năm 2019 ước đạt 36,1 nghìn tấn, tăng 3,63% so cùng kỳ năm 2018, trong đó khai thác biển 32,7 nghìn tấn, tăng 4,08%; khai thác nội địa 3,4 nghìn tấn, giảm 0,56%. Tính chung sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác 10 tháng đầu năm 2019 của Tỉnh ước đạt 50,7 nghìn tấn, tăng 3,87% so cùng kỳ năm 2018./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế



BIỆN PHÁP GIẢM TAI NẠN GIAO THÔNG CỦA THỤY ĐIỂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Gia Linh

Số liệu thống kê cho thấy, những năm gần đây số trường hợp tử vong do tai nạn giao thông gây ra ở Thụy Điển có xu hướng giảm rõ rệt. Với tỷ lệ 2,6 người chết vì tai nạn giao thông trên 100.000 người dân, Thụy Điển trở thành một trong những quốc gia có tỷ lệ tai nạn giao thông thấp nhất thế giới. Có được những kết quả tích cực này là do Chính phủ Thụy Điển đã áp dụng những biện pháp, cách làm hiệu quả trong giảm tải tai nạn giao thông. Những kinh nghiệm này của Thụy Điển cũng sẽ phần nào giúp Việt Nam trong việc tăng cường an toàn giao thông trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

Biện pháp giảm tai nạn giao thông của Thụy Điển

Vào những năm 50-60 của thập kỷ trước, Thụy Điển từng là quốc gia phải đối mặt với tình trạng gia tăng nhanh chóng số lượng các phương tiện cơ giới, gây ùn tắc và tai nạn giao thông. Ở thời điểm này, cứ 5 năm thì số lượng xe ô tô con của Thụy Điển lại tăng lên gấp hai lần. Kết quả của quá trình cơ giới hóa ở quốc gia này đến năm 1990 đã đạt tỷ lệ 400 phương tiện cá nhân trên 1000 dân. Sự gia tăng nhanh chóng đó đã kéo theo tình trạng mất an toàn giao thông, số vụ tai nạn giao thông (TNGT) của Thụy Điển trong giai đoạn này ngày càng cao.

Trong những năm tiếp theo, tỉ lệ tử vong vì TNGT của Thụy Điển vẫn tiếp tục giữ ở mức cao.

Để kiểm soát và hạn chế TNGT, Chính phủ Thụy Điển đã thực hiện nhiều giải pháp truyền thống, như: Tập trung vào việc đề cao trách nhiệm của các cá nhân là những người trực tiếp lái xe tham gia giao thông thông qua những chiến dịch truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về việc chấp hành tốt các quy định của pháp luật... Tuy nhiên, kết quả đạt được dường như cũng không khả quan.

Đến năm 1997, Chính phủ Thụy Điển đã ban hành Bộ luật Vision Zero (Tầm nhìn về 0). Trong Bộ luật Vision Zero, Chính phủ Thụy Điển đã tiếp cận ở góc độ mới là tai nạn giao thông hoàn toàn có thể phòng tránh được. Thay vì sử dụng phương pháp truyền thống là nâng cao hành vi ứng xử của người tham gia giao thông, chính phủ

nước này đã chuyển sang ứng dụng các khoa học công nghệ vào kiểm soát và đảm bảo tất cả các khu vực có nguy cơ xảy ra tai nạn có thể hạn chế thấp nhất được thương tích cho người tham gia giao thông. Mục tiêu của Vision Zero không phải là tập trung vào việc giảm tỷ lệ số vụ TNGT nói chung, mà tập trung vào giảm thiểu các vụ TNGT gây chết người hoặc thương tích nặng.

Theo đó, chương trình Vision Zero của Thụy Điển đã được triển khai với những giải pháp cơ bản như:

Tổ chức các nút giao bằng vòng xuyến: Các nghiên cứu của Thụy Điển cho thấy, việc điều khiển giao thông bằng đèn tín hiệu làm tăng khả năng lưu thông của các nút giao, tuy nhiên tai nạn xảy ra ở các

nút này lại có mức độ nghiêm trọng hơn tai nạn xảy ra ở các nút giao có vòng xuyến, bởi các phương tiện đi theo vòng xuyến thường có tốc độ thấp hơn các phương tiện đi thẳng, do đó TNGT ít xảy ra hơn. Chính vì vậy, Thụy Điển đã tập trung ưu tiên phát triển giao thông với việc tổ chức các nút giao thông bằng vòng xuyến, nhằm giảm thiểu những tai nạn mang tính chất nghiêm trọng do giao thông gây ra. Cụ thể, Chính phủ đã cho xây dựng lại hệ thống vòng xuyến to hơn tại các ngã tư và các đường hàng dinh gần bệnh viện, trường học nhằm giảm tốc độ phương tiện; xây dựng hơn 1.500km tuyến đường gồm 2 làn xe chạy và 1 làn đường dành riêng để vượt và hàng chục nghìn các đoạn đường giao cắt để đảm bảo an toàn cho người đi bộ.

Bố trí, lắp đặt các dải phân cách trên đường: Các chuyên gia cho rằng, việc lắp đặt dải phân cách cũng sẽ hạn chế TNGT trong trường hợp các phương tiện giao thông đâm va vào nhau khi di chuyển cùng chiều. Do đó, Thụy Điển đã từng bước triển khai đồng bộ hệ thống dải phân cách bắt đầu từ năm 1998. Thụy Điển đã triển khai xây dựng 12.600 đoạn giao cắt an toàn bao gồm cả cầu vượt cho người đi bộ và đường sọc vằn bao quanh bởi đèn nhấp nháy cảnh báo va chạm.

Hạn chế tốc độ khi di chuyển trong khu vực dân cư dưới 30km/h: Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, tốc độ dưới 30 km/h là giới hạn mà phần lớn người đi bộ có khả năng không bị tử vong nếu xảy ra va chạm với các phương tiện giao thông. Chính quyền của các khu dân cư tại Thụy Điển đã tiến hành nghiên cứu và đề xuất lắp đặt biển báo giới hạn tốc độ tại các khu vực trên địa bàn quản lý. Theo đó, Thụy Điển đã lắp đặt hơn

1.100 camera giám sát tốc độ trên toàn quốc, đồng thời triển khai các kế hoạch thu phí tắc nghẽn giao thông nhằm hướng tới mục tiêu giảm lưu lượng giao thông. Điều này không chỉ thúc đẩy các điều kiện tốt hơn cho người đi xe đạp và đi bộ, giảm lưu lượng xe và tăng doanh thu để cải tiến cơ sở hạ tầng đường bộ.

Một số biện pháp khác nhằm hạn chế tai nạn giao thông được triển khai áp dụng tại Thụy Điển như: Sử dụng mũ bảo hiểm cho người đi xe đạp, theo đó mọi trẻ em dưới 15 tuổi đều phải sử dụng mũ bảo hiểm khi đi xe đạp; Giải tỏa hành lang giao thông, nhằm mục đích giảm thiểu TNGT do phương tiện va chạm với các chướng ngại vật nguy hiểm hoặc do bị che khuất tầm nhìn; Sử dụng hệ thống cảnh báo cài dây an toàn...

Ngoài ra, thông qua việc thực thi chiến lược Vision Zero, Chính phủ Thụy Điển đã tiến hành những hoạt động thực tiễn để nâng cao mức độ an toàn giao thông. Cụ thể là việc triển khai thiết bị Alcolock trên các phương tiện giao thông. Đây được coi là một trong những giải pháp chiến lược nhằm giảm thiểu những vụ tai nạn giao thông đáng tiếc do người lái xe gây nên trong tình trạng bị mất kiểm soát dưới tác động của các chất có cồn. Theo đó, các phương tiện giao thông tại Thụy Điển đều được lắp đặt thiết bị Alcolock.

Công dụng của thiết bị Alcolock là cản trở sự di chuyển của ô tô nếu như phát hiện nồng độ cồn trong máu của người lái xe vượt quá mức quy định. Để thực hiện nhiệm vụ này, thiết bị Alcolock được cài đặt trên xe và kết nối trực tiếp với mạch đánh lửa của ô tô. Thiết bị này sẽ tự động khóa chế độ khởi động xe nếu như người lái xe có nồng độ cồn trong máu vượt quá mức

quy định. Các phần cứng của thiết bị Alcolock bao gồm một máy đo nồng độ cồn, bộ điều khiển và cáp kết nối. Người lái xe sẽ tương tác với thiết bị Alcolock qua tin nhắn hiển thị trên màn hình và tín hiệu âm thanh.

Việc áp dụng thiết bị Alcolock tại Thụy Điển đã đem lại những tiến bộ rõ ràng trong việc kiểm soát người lái xe sau khi sử dụng rượu bia. Tuy nhiên, các chuyên gia của Thụy Điển cho rằng, trong tương lai các thiết bị này vẫn cần được cải tiến nhằm tạo ra những thiết bị đơn giản hơn, giá thành thấp hơn, thuận tiện hơn khi sử dụng. Hiện nay, tại Thụy Điển Công ty Autoliv (Nhà cung cấp lớn nhất về các sản phẩm an toàn xe hơi trên thế giới) đã tiến hành nghiên cứu tạo ra thiết bị Alcolock không cần đến ống thổi, người lái xe không nhất thiết phải thở vào ống mà chỉ cần thở ra trên bề mặt máy đo, máy sẽ vẫn ghi nhận và tiến hành kiểm tra nồng độ cồn trong máu của lái xe. Phát minh này sẽ giúp tiết kiệm đáng kể chi phí dành cho việc thay thế ống thở định kỳ.

Bên cạnh đó, Công ty Nissan - một trong những nhà sản xuất ô tô lớn nhất thế giới cũng đã phát minh ra một loại thiết bị Alcolock đời mới, theo đó các cảm biến chất có cồn sẽ được lắp đặt trong ghế lái của người điều khiển, ghế hành khách và trong thiết bị cản gạt số. Những cảm biến này có thể phát hiện các phân tử cồn trong hơi thở của lái xe. Trong trường hợp phát hiện ra nồng độ cồn trong máu vượt quá quy định cho phép, thiết bị sẽ cảnh báo bằng âm thanh tới lái xe, yêu cầu dừng chuyển hành trình. Nếu như lái xe vẫn tiếp tục di chuyển thì cảm biến trên cản gạt số thông qua việc phát hiện sự có mặt của chất có cồn trong mồ hôi ở lòng bàn tay người lái xe sẽ đưa ra cảnh báo

với người lái và tiến hành khóa hệ thống đánh lửa trên xe ô tô...

Theo dự báo, thiết bị Alcolock với nhiều cải tiến sẽ ngày càng phát huy hiệu quả trong việc kiểm soát người có nồng độ cồn vượt quy định điều khiển phương tiện giao thông. Và đây cũng sẽ là một trong những giải pháp hữu ích nhằm giảm TNGT mà nhiều quốc gia có thể triển khai áp dụng.

Bài học kinh nghiệm của Thụy Điển và những giải pháp làm giảm TNGT ở Việt Nam

Có thể thấy, việc áp dụng hàng loạt các biện pháp làm giảm tai nạn giao thông tại Thụy Điển đã mang lại những kết quả tích cực, tạo nền tảng cho các hoạt động an toàn giao thông (ATGT) đường bộ của quốc gia này. Theo thống kê, số ca tử vong vì TNGT ở Thụy Điển kể từ năm 2000 đã giảm đáng kể. Năm 2012, chỉ có 1 trẻ em dưới 7 tuổi chết vì TNGT (con số này là 58 người năm 1970). Năm 2013, trong khi lượng phương tiện và người tham gia giao thông tăng gấp đôi thì số người người chết vì TNGT lại giảm hơn 1/2 so với năm 1997. Năm 2014, tỷ lệ tử vong do TNGT ở thủ đô Stockholm của Thụy Điển là 1,1 người/100.000 dân, bằng 1/3 tỷ lệ ở New York. Tỷ lệ này là 5,5 ở Liên minh châu Âu (EU) và 11,4 ở Mỹ. Trên cả đất nước Thụy Điển, tỷ lệ này là 2,6 người/100.000 dân, đây là tỷ lệ thấp nhất thế giới...

Theo nhận định của các chuyên gia, yếu tố lớn nhất giúp Thụy Điển giảm số vụ TNGT, trở thành một trong những quốc gia an toàn nhất thế giới về giao thông là nhờ việc quy hoạch các con đường, trong đó ưu tiên yếu tố an toàn trên cả tốc độ và sự tiện lợi. Tốc độ giới hạn trong thành phố thấp hơn, khu vực đi bộ và rào cản tách biệt đường cho xe đạp với đường cho xe cơ giới...

Tại Việt Nam, qua nghiên cứu, phân tích cho thấy, nguyên nhân chủ yếu đầu tiên dẫn đến TNGT vẫn là do người điều khiển phương tiện giao thông vi phạm các quy định về ATGT. Kể đến là công tác tổ chức kiểm điểm đối với người vi phạm ATGT thiếu cương quyết; sự tham gia, phối hợp của các đoàn thể chưa chặt chẽ nên chưa tạo thành phong trào mạnh mẽ để góp phần tạo chuyển biến về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân khi tham gia giao thông... Tuy nhiên, để làm giảm tỷ lệ TNGT vẫn được coi là bài toán thực sự khó. Do đó, từ những kinh nghiệm của Thụy Điển trong kéo giảm tỷ lệ TNGT, các chuyên gia cho rằng, tại Việt Nam, bên cạnh việc nâng cao nhận thức tuân thủ đúng pháp luật cho người tham gia giao thông thì việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật để giảm TNGT cũng cần được chú trọng và đặc biệt quan tâm hơn nữa. Các chuyên gia khuyến nghị chính quyền các đô thị (đặc biệt là những thành phố lớn như: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh... nơi hiện đang đối mặt với nguy cơ bùng phát số lượng phương tiện cá nhân với tỷ lệ TNGT cao giống như Thụy Điển những thập niên 50-60) cần phải thay đổi cách nhìn, cách tiếp cận về TNGT, tìm ra những nguyên nhân cơ bản dẫn đến TNGT để từ đó có biện pháp khắc phục phù hợp.

Ủy ban ATGT Quốc gia cho biết, kinh nghiệm lớn nhất và quý nhất của Bộ luật Vision Zero của Thụy Điển là mục tiêu hướng đến không có ai gặp TNGT. Trong khi các quốc gia đang phát triển đang tiếp cận ở góc độ là thiết kế một hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, đòi hỏi tất cả người tham gia giao thông phải thực hiện đúng tuyệt đối mới đảm bảo an toàn, thì Chính phủ Thụy Điển lại hướng tới thiết kế hệ thống đường giao thông, các phương tiện vận tải an toàn cho phép chấp nhận lỗi của người lái xe ở mức độ nhất định. Theo đó, bài học kinh nghiệm cho Việt Nam là thay đổi cách tiếp cận và xây dựng những lộ trình phù hợp riêng với điều kiện Việt Nam; sẽ không thể áp dụng 100% do mức độ phát triển của các quốc gia như Tây Âu, Bắc Âu cách xa rất nhiều so với thực tế Việt Nam nên những bước đi cả về cơ sở hạ tầng, thể chế có những điểm khác xa nhau. Do vậy, cách tiếp cận có thể giống nhau nhưng bước đi cụ thể và quá trình chuẩn bị cần phải làm hết sức chi tiết và thận trọng.

Bên cạnh đó, với những kinh nghiệm của Chính phủ Thụy Điển trong việc áp dụng thiết bị Alcolock để kiểm soát tình trạng người điều khiển phương tiện lái xe khi nồng độ cồn trong máu vượt quá quy định nhằm giảm thiểu TNGT cũng là bài học quý đối với tất cả



các quốc gia khác. Đặc biệt, trong điều kiện ở Việt Nam, tỷ lệ vi phạm các quy định về sử dụng rượu bia khi điều khiển phương tiện còn đang rất phổ biến. Chính vì vậy, các chuyên gia cũng cho rằng, Việt Nam nên xem xét nghiêm túc và đánh giá những triển vọng cho việc sử dụng thiết bị tiên tiến này để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ tại nước ta hiện nay.

Theo Ủy ban ATGT Quốc gia, những kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ATGT có tính thực tiễn, khả năng ứng dụng cao ở Việt Nam sẽ là một trong những giải pháp hữu hiệu góp phần làm giảm TNGT. Do đó, chủ trương xã hội hóa mạnh mẽ công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong công tác bảo đảm ATGT; chủ động phối hợp các nhà khoa học tìm kiếm các nguồn vốn,

khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển nghiên cứu, áp dụng hình thức hợp tác công - tư trong nghiên cứu ứng dụng ATGT... là giải pháp hiệu quả đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Để làm giảm số vụ TNGT tại Việt Nam, hiện Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo đảm ATGT; đẩy nhanh tiến độ khắc phục các điểm đen về ATGT; tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm trật tự ATGT. Đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thực thi công vụ; trong đó tập trung chú trọng các khâu quản lý kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải, đào tạo, sát hạch, cấp giấy

phép lái xe, đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông, thanh tra, tuần tra, kiểm soát...

Trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự ATGT, hiện Việt Nam cũng đang tiến hành đổi mới cả nội dung, hình thức, nâng cao hiệu quả, hướng tới mọi thành phần trong hoạt động giao thông vận tải; chú trọng tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho người thực thi công vụ; phổ biến quy định pháp luật và xây dựng văn hóa giao thông đối với chủ xe, lái xe kinh doanh vận tải và người điều khiển phương tiện cá nhân...

Hy vọng rằng, với bài học kinh nghiệm từ Thụy Điển cùng những giải pháp đồng bộ từ các cấp, các ngành và ý thức chấp hành ATGT của mỗi người dân... số vụ TNGT tại Việt Nam sẽ ngày càng giảm hơn nữa./

Nhiều chuyển biến...

(Tiếp theo trang 34)

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu hiện nay, lợi thế cạnh tranh lớn nhất không phải tài nguyên, công nghệ mà là con người, thì GDĐH cần được xem là động cơ chính để chuyển đổi tiềm năng thành nguồn nhân lực lao động có tay nghề cao. Để GDĐH có được những bước đột phá, đóng góp hiệu quả vào tăng trưởng kinh tế, ngày 15/01/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 69/QĐ-TTg phê duyệt đề án "Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025", với mục tiêu tổng thể là "tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của hệ thống

giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; góp phần nâng cao chất lượng và năng suất lao động, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh của quốc gia trong khu vực và trên thế giới".

Có 7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp được đưa ra để thực hiện được mục tiêu này là: (1) Đẩy mạnh thực hiện tự chủ, đổi mới quản trị giáo dục đại học gắn với cơ chế quản lý và giám sát hiệu quả; (2) Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng và đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục đại học; (3) Đổi mới quản lý đào tạo, chương trình, phương pháp đào tạo; (4) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển

giao công nghệ và phục vụ cộng đồng; (5) Đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục đại học; (6) Xây dựng và triển khai Hệ thống thu thập thông tin, phân tích và dự báo cung - cầu nguồn nhân lực trình độ cao; (7) Xây dựng cơ chế, chính sách tạo nguồn lực, động lực và môi trường cạnh tranh lành mạnh phát triển giáo dục đại học.

Ngoài chủ trương trên, để có một chiến lược phát triển dài hạn cho GDĐH, Bộ GD&ĐT đã và đang phối hợp với Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội cùng nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế xây dựng Chiến lược tổng thể phát triển GDĐH Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2035. Đây sẽ là cơ sở để GDĐH Việt Nam ngày càng phát triển và hội nhập cùng giáo dục toàn cầu./

Sách hay:

TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ SƠ BỘ



Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 là cuộc TĐT lần thứ năm, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thành phố Hà Nội, đánh dấu 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15/2008/QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc Hội khóa 12 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội. Vì vậy, kết quả cuộc TĐT được kỳ vọng tiếp tục cung cấp thông tin toàn diện về tình hình dân số, các đặc điểm về nhân khẩu học, tình hình lao động việc làm, điều kiện sống của dân cư,...

Trên cơ sở dữ liệu Tổng điều tra thu thập được, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở thành phố Hà Nội năm 2019 đã khai thác, tổng hợp nhanh và biên soạn ấn phẩm **"Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019**

trên địa bàn thành phố Hà Nội: Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ" (xuất bản tháng 9 năm 2019). Nội dung ấn phẩm gồm 2 phần chính: (i) Tổ chức thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội; (ii) Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Phần 1 của ấn phẩm đã dành khoảng 10 trang giới thiệu về công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện Tổng điều tra của Ban chỉ đạo Tổng điều tra thành phố Hà Nội; Những thuận lợi, khó khăn và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình chuẩn bị, tổ chức và thực hiện.

Phần 2 của ấn phẩm cung cấp những thông tin, chi tiết đầy đủ về tổng quan dân số và hộ dân cư Hà Nội qua 3 kỳ Tổng điều tra, bao gồm các nội dung sau: Quy mô và mật độ dân số; Tỷ số giới tính; tình trạng hôn nhân; của dân số từ 15 tuổi trở lên; Giáo dục; quy mô hộ dân cư; kết quả sơ bộ về nhà ở;... Mỗi nội dung, khía cạnh đều được phân tích, so sánh trên kết quả sơ bộ vừa tổng hợp được từ Tổng điều tra năm 2019 cho thấy rõ xu hướng phát triển của dân số Thủ đô trong những thập kỷ vừa qua.

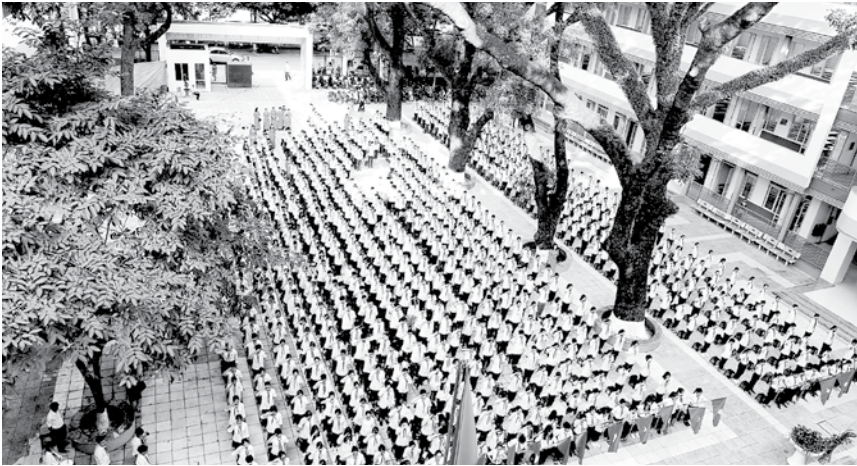
Ngoài ra, ấn phẩm còn có phần Phụ lục bao gồm các biểu số liệu chủ yếu và một số thông tin về Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tập trung đánh giá tổng quan về những điểm mới trong

Tổng điều tra dân số nhà ở năm 2019 và các phương pháp tiến hành được ứng dụng cụ thể đối với địa bàn Hà Nội; Những ưu điểm, hạn chế, những giải pháp thực hiện của Ban chỉ đạo Thành phố.

Song song với ấn phẩm trên đây, Ban chỉ đạo TĐT thành phố Hà Nội còn xuất bản thêm 1 ấn phẩm "bỏ túi" mang tên: "Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội: Một số kết quả chủ yếu". Nội dung ấn phẩm bao gồm những thông tin, số liệu chủ yếu (tổng hợp từ kết quả của Tổng điều tra) được thể hiện bằng các biểu đồ infographic sinh động và bắt mắt. Ấn phẩm bỏ túi giúp độc giả nhìn nhận bức tranh dân số Thủ đô ở một góc khái quát và cơ bản nhất với những thông tin đầy đủ, cần thiết và dễ khai thác nhất./.



QUẬN TÂY HỒ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THEO HƯỚNG TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ VÀ BỀN VỮNG



Những năm qua, nhờ sự đầu tư đúng hướng, có trọng tâm, trọng điểm, ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tây Hồ đã có sự chuyển mình mạnh mẽ theo hướng toàn diện, đồng bộ và bền vững. Quy mô mạng lưới trường lớp được mở rộng theo hướng hiện đại, hướng tới chuẩn quốc tế.

Toàn Quận có 54 trường, trong đó mầm non (MN) là 30 trường, tiểu học (TH) 13 trường, trung học cơ sở (THCS) là 11 trường, dự kiến đến cuối năm 2019 số trường công lập đạt chuẩn quốc gia của Quận là 23 trường, đạt 92% là quận đứng đầu thành phố Hà Nội về tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia. Với trường điểm như: THCS Nhật Tân, Tứ Liên, Phú Thượng, TH Phú Thượng, TH Tứ Liên, MN Chu Văn An, Bình Minh đã được tu bổ, xây dựng khang trang, trang thiết bị dạy và học hiện đại sẽ giúp cho hệ thống trường lớp trên địa bàn quận Tây Hồ phục vụ tốt nhu cầu trước mắt, đồng thời giúp giáo dục Tây Hồ

tăng khả năng hội nhập trong những năm tới.

Bên cạnh đó, nhận thức vai trò quan trọng của hoạt động quản trị nhà trường, Ban giám hiệu các nhà trường đã thường xuyên quan tâm thực hiện các quy trình tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và sử dụng các nguồn lực để phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng thương hiệu nhà trường, tiêu biểu như: THCS Nhật Tân, TH Đông Thái, An Dương, MN Đoàn Thị Điểm, Mầm Non An Dương là những trường từ vị trí thấp đã vươn lên vững chắc trong những năm học vừa qua.

Song song với đó, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của Quận cũng được nâng lên. Hiện toàn quận Tây Hồ có 103 cán bộ quản lý giáo dục, 1.439 giáo viên với tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ quản lý là 97%, ở khối các trường công lập là 100%; Tỷ lệ trên chuẩn của giáo viên là 81,7%, khối các trường công lập là 90%. Hằng năm, công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ luôn được Quận quan tâm

chỉ đạo sát sao, phòng Nội vụ thường xuyên phối hợp với trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Quận tổ chức các lớp nâng cao kỹ năng quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn Quận; Phòng Giáo dục đẩy mạnh thực hiện Đề án nâng cao chất lượng cán bộ quản lý và giáo viên giai đoạn 2017-2022; Đề án nâng cao chất dạy và học ngoại ngữ cho các trường mầm non, tiểu học, THCS giai đoạn 2016-2020 và đạt được những kết quả tích cực.

Đặc biệt, hoạt động đổi mới phương pháp giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ở các trường trên địa bàn quận Tây Hồ thời gian qua đã có sự tiến bộ vượt bậc. Điển hình như Trường THCS An Dương, THCS Quảng An đã tổ chức thí điểm thành công lớp học tiếng Anh trực tuyến, với hơn 80 tiết ứng dụng CNTT tính trung bình cho mỗi giáo viên trong năm học. Công nghệ thông tin đã hiện diện và hỗ trợ hầu hết các mặt hoạt động của giáo dục quận Tây Hồ, phát huy hiệu quả song song với phần mềm quản lý của Thành phố. Cùng với đó, chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các trường trên địa bàn Quận, đặc biệt là các trường tiểu học tiếp tục được nâng cao với nhiều mô hình dạy tiếng Anh mới được áp dụng và nhận được phản hồi tích cực từ phía cha mẹ học sinh.

Với những đổi mới đó, ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tây Hồ đang cho thấy sự phát triển toàn diện, hướng tới mục tiêu hội nhập và tiệm cận với các nền giáo dục tiến của khu vực và trên thế giới./.

Thành Nam

TRƯỜNG MẦM NON XUÂN LA: LÁ CỜ ĐẦU TRONG KHỐI GIÁO DỤC MẦM NON THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, với những nỗ lực đổi mới không ngừng, các thế hệ thầy và trò Trường Mầm non Xuân La đã từng bước đưa vị thế của Nhà trường lên tầm cao mới, trở thành một trong những trường mầm non có cơ sở vật chất và chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất của quận Tây Hồ và thành phố Hà Nội.

Trường mầm non Xuân La được thành lập từ năm 1960 thuộc huyện Từ Liêm, năm 1996 khi quận Tây Hồ được thành lập, Trường được chuyển về quận Tây Hồ. Từng được coi là đơn vị giáo dục mầm non có “thứ hạng” đầu tiên tính từ dưới lên của khối mầm non huyện Từ Liêm, nên khi về quận Tây Hồ, Nhà trường luôn được lãnh đạo phòng Giáo dục và đào tạo, chính quyền địa phương quan tâm, tạo điều kiện đầu tư phát triển.

Năm 2003, ba năm sau ngày được tiếp quản cơ ngơi mới, Trường Mầm non Xuân La được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Phần thưởng ấy không chỉ được coi là của riêng tập thể nhà trường, mà còn là thành quả từ sự quan tâm, tin tưởng của các cấp quản lý, chính quyền và nhân dân địa phương, đây cũng là dấu mốc quan trọng, làm tiền đề để Xuân La tiếp tục vững bước.

Tiếp nối những kết quả đó, tập thể cán bộ, giáo viên, người lao động Nhà trường đã không ngừng nỗ lực, sáng tạo trong hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ. Môi trường sư phạm của Nhà trường từng bước được phát triển theo hướng xanh - sạch - đẹp với những chậu hoa, cây cảnh vừa được sử dụng làm giáo cụ trực quan trong hoạt động giáo dục,



vừa là giải pháp “xanh hóa” không gian Nhà trường trong điều kiện diện tích chật hẹp. Bên cạnh đó, nhờ sáng tạo trong hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện hiệu quả các phương pháp giáo dục mới, tăng cường bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên và người lao động, chú trọng công tác an toàn, an ninh trường học, chất lượng giáo dục và chăm sóc trẻ của Nhà trường có chuyển biến mạnh mẽ. Năm 2010 Nhà trường là đơn vị giáo dục mầm non đầu tiên của quận Tây Hồ và là đơn vị thứ 3 của thành phố Hà Nội được đón nhận danh hiệu trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và trong 14 năm liên tục (giai đoạn 2003-2016), Nhà trường luôn giữ vững danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố. Các tổ chức đoàn thể, Chi bộ Nhà trường luôn đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu, các phong trào

thi đua đều được Quận, Thành phố đánh giá cao. Đặc biệt, năm 2014 Nhà trường vinh dự được Chủ tịch Nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Hiện nay, với cơ sở vật chất khang trang, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tốt, chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân viên đồng đều, có trách nhiệm và tâm huyết với nghề, Trường Mầm non Xuân La không những thực hiện tốt hoạt động chăm sóc giáo dục cho hơn 900 trẻ, cũng như đảm bảo đáp ứng sự gia tăng sĩ số trong những năm tiếp theo, mà Nhà trường còn được giao nhiệm vụ làm điểm ở nhiều chuyên đề mới, thường xuyên đón sinh viên sư phạm về thực hành, thực tập, trở thành địa chỉ được nhiều đồng nghiệp đến tham quan, học hỏi kinh nghiệm./.

Minh Hùng

Những năm qua, Trường mầm non Tứ Liên (quận Tây Hồ - thành phố Hà Nội) không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, đảm bảo mục tiêu trẻ đến trường được phát triển toàn diện.

TRƯỜNG MẦM NON TỨ LIÊN TRÊN LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Hiện trường thực hiện hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong điều kiện cơ sở vật chất đồng bộ, chuẩn quốc gia mức độ I, gồm 14 phòng học, đầy đủ các phòng hiệu bộ, phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động chung của Nhà trường. Các khu vực, lối đi được bố trí khoa học, hợp lý, thẩm mỹ và sử dụng thuận tiện. Sân chơi rộng rãi đảm bảo an toàn, có cây xanh, góc thiên nhiên cho bé, đồ chơi ngoài trời, môi trường sư phạm phù hợp với trẻ mầm non, cùng với nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước ngầm đảm bảo vệ sinh.

Trong những năm học vừa qua, 100% trẻ được nuôi dưỡng giáo dục đảm bảo an toàn cả về thể chất lẫn tinh thần, song song với công tác giáo dục, Nhà trường luôn chú trọng và đặt công tác nuôi dưỡng lên hàng đầu. Khu vực bếp được bố trí theo quy trình bếp một chiều gồm khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu nấu, khu chia thức ăn chín. Đồ dùng dụng cụ nhà bếp được trang bị hiện đại như: Tủ cơm gas, tủ sấy bát, máy thái rau củ quả, máy xay thực phẩm, máy hấp khăn. Các đồ dùng khác như xoong, bát, thìa, rổ, xô, chậu... đều được trang bị 100% bằng inox đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc ký kết hợp đồng với các đơn vị cung ứng thực phẩm sạch, an toàn. Thực đơn của trẻ được xây dựng hai tuần không trùng lặp, thay đổi thực phẩm phù hợp theo mùa, đảm bảo cân đối phù hợp các chất dinh dưỡng.



Vui hội trăng rằm - một hoạt động của cô trò trường Mầm non Tứ Liên

Nâng cao chất lượng dạy và học là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt được Nhà trường triển khai đồng bộ. Bởi vậy, Trường luôn tích cực xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với chủ điểm, đảm bảo an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, kèm theo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và sáng kiến kinh nghiệm.

Thực hiện các cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với cuộc vận động " Mỗi thầy cô giáo là tấm gương tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"... Nhà trường đã tạo cho các trẻ có kỹ năng ứng xử thân thiện, lễ phép với mọi người; tạo những chuyển biến tích cực về tinh thần tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, thái độ giao tiếp với trẻ, với đồng nghiệp và với phụ huynh, trách nhiệm trong công việc của giáo viên Nhà trường.

Song song với đó, Nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt

Thông tư 13/2015/TT-BGD&ĐT; luôn chú trọng xây dựng trường mầm non lấy trẻ là trung tâm, đồng thời đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhờ đó, hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên luôn được quan tâm: 100% số lớp có đồ dùng đồ chơi theo đúng quy định, 100% giáo viên được bồi dưỡng chương trình giáo dục mầm non, kỹ năng xây dựng kế hoạch giáo dục áp dụng đổi mới hình thức giáo dục trong các hoạt động, tạo nhiều cơ hội cho trẻ được thực hành trải nghiệm. Đáng chú ý, Nhà trường đã xây dựng 01 góc sáng tạo, 01 góc sách để cho trẻ có không gian sáng tạo...

Với kết quả đạt được, năm học 2019-2020, toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường mầm non Tứ Liên đang quyết tâm phấn đấu, nâng cao chất lượng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu giáo dục và chăm sóc trẻ, xứng đáng là trường học "An toàn - Chất lượng - Thân thiện", là địa chỉ tin cậy của nhân dân trên địa bàn phường./

Minh Đoàn

Trường Mầm non Phú Thượng được thành lập năm 2006, từ khi thành lập đến nay, Nhà Trường luôn quan tâm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ để trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và nhân cách. Chất lượng giáo dục của Nhà trường luôn đứng trong top đầu bậc học mầm non của Quận.

Cô giáo Công Thị Thanh Huyền, Hiệu trưởng Nhà trường cho biết: Để nâng cao công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, Nhà trường đã đẩy mạnh các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn của ngành Giáo dục, trong đó tích cực đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt - học tốt”; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện; đổi mới cách thức quản lý, thực hiện nề nếp, kỷ cương trong nuôi dạy và chăm sóc trẻ. Bên cạnh đó, xác định chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên là khâu then chốt để nâng cao chất lượng giáo dục, Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, chú trọng thảo luận chuyên môn để trao đổi, lĩnh hội phương pháp dạy mới, đồng thời tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giảng dạy, phát động giáo viên đứng lớp tăng cường công tác làm đồ dùng, đồ chơi gắn với nhiệm vụ từng nhóm, lớp nhằm tạo cho trẻ môi trường học tập đa dạng, sinh động, gắn gũi với cuộc sống, giúp trẻ phát triển tư duy, sáng tạo trong học tập.

Hiện nay, Trường Mầm non Phú Thượng là trường hàng đầu về chất lượng đội ngũ nhân sự, 100% giáo viên có bằng Cử nhân sư phạm Mầm non hệ chính quy; 100% giáo viên giảng dạy tiếng Anh ESL là giáo viên bản xứ (Hoa Kỳ, Úc), tốt nghiệp cao học, đại học loại giỏi, xuất sắc và có kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh tại các trường học

TRƯỜNG MẦM NON PHÚ THƯỢNG CHÚ TRỌNG CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ



Vui đón Tết Trung thu của cô, trò trường Mầm non Phú Thượng

và tổ chức giáo dục có uy tín; 100% bảo mẫu có trình độ trung cấp trở lên, trong đó 10% bảo mẫu có bằng cao đẳng sư phạm, 75% bảo mẫu đang theo học đại học, cao đẳng sư phạm; 100% giáo viên, bảo mẫu và nhân viên có chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe để tham gia chăm sóc trẻ và có chứng nhận tập huấn về an toàn vệ sinh thực phẩm và sơ cấp cứu. Với sự quan tâm của Phòng Giáo dục, cán bộ giáo viên Nhà trường thường xuyên được tập huấn về phương pháp mới, phương pháp giáo dục trẻ thông minh sớm (“Bé yêu biết đọc” và phương án 0 tuổi), trí thông minh đa dạng (Multiple Inteligences), các hoạt động Montessori, KinderArts.

Đặc biệt, Nhà trường luôn chú trọng đến nề nếp học tập, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; lồng ghép các nội dung chuyên đề giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng... vào chương trình giáo dục. Trong công tác nuôi dưỡng, ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã ký hợp đồng với nhà cung cấp rau, thực phẩm an toàn,

có chất lượng để chế biến các món ăn cho các cháu. Chủ động thay đổi thực đơn đảm bảo dinh dưỡng, phù hợp với từng độ tuổi của trẻ nhằm kích thích cho trẻ ăn ngon miệng. Khu bếp ăn nhà trường thực hiện bếp 1 chiều đạt bếp ăn vệ sinh an toàn thực phẩm. Phát động toàn thể cán bộ, giáo viên dọn vệ sinh môi trường tại trường và tại các lớp học đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp nhằm giảm nguồn lây nhiễm bệnh cho trẻ. Song song với đó, hàng năm Nhà trường phối hợp với Trạm y tế phường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm, thường xuyên theo dõi biểu đồ tăng trưởng, phát triển của trẻ, qua đó phát hiện trẻ suy dinh dưỡng và béo phì, kịp thời thông báo cho phụ huynh học sinh. Nhà trường đã huy động nguồn lực đầu tư xây dựng trường lớp, các công trình phụ trợ, khu vui chơi giải trí cho các em, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của Nhà trường, coi đây là giải pháp quan trọng để đổi mới và nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ trong hiện tại và thời gian tới./

P.V

NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN LONG BIÊN: KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Hà Nội, Quận ủy - HĐND - UBND quận Long Biên, cùng với sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, ngành trong Quận, ngành Giáo dục quận Long Biên đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục đẩy mạnh các cuộc vận động và phong trào thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Những năm qua, quy mô và mạng lưới các trường trên địa bàn Quận tiếp tục được đầu tư mở rộng. Trong năm học 2018 - 2019, Quận đã đầu tư và thành lập mới 1 trường, sửa chữa nhỏ 15 trường, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho các nhà trường với kinh phí 22 tỉ đồng. Đến nay, trên địa bàn Quận có 76 trường công lập, 41 trường tư thục và 106 nhóm lớp Mầm non tư thục với khoảng 75 nghìn học sinh theo học.

Song song với công tác đầu tư, các hoạt động giáo dục cũng đạt được nhiều kết quả tốt. Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục phát triển, việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học được đẩy mạnh ở tất cả các cấp học. Tỷ lệ đỗ vào lớp 10 năm học 2019-2020 đạt 80,7% cao hơn năm học trước 5,6 %. Học sinh quận Long Biên tiếp tục khẳng định tài năng trong các kỳ thi văn hóa và năng khiếu. Cụ thể, toàn Quận có 216 học sinh đạt giải cấp Thành phố, 68 học sinh đạt giải Quốc gia và 335 học sinh đạt giải cấp Quốc tế (01 giải vô địch, 50 Vàng, 57 Bạc, 95 Đồng và 132 học sinh đạt thành tích tốt trong các lĩnh vực dự thi cấp Quốc tế).

Để duy trì kết quả ấn tượng đó, Phòng đặc biệt coi công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và kỹ năng cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Tỷ lệ giáo viên đứng lớp ở các bậc học, cấp học đạt chuẩn 100%. Năm học 2018-2019, Quận đã tạo điều kiện cho 4.263 lượt cán bộ, giáo viên tham gia 19 lớp bồi dưỡng kỹ năng điều hành quản lý.

Thực hiện chủ trương xây dựng trường học sáng tạo gắn với

thực tiễn, Ngành đã chỉ đạo các trường triển khai hiệu quả mô hình giáo dục STEM, vận dụng hiệu quả kiến thức toán, công nghệ, khoa học kỹ thuật để triển khai các dự án khoa học. Các trường trong quận đã tích cực tham gia cuộc thi mô hình trường học tiêu biểu bảo vệ thiên nhiên (do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ TNMT tổ chức) và đạt giải cao.

Kết thúc năm học 2018-2019, ngành GD&ĐT quận Long Biên đã

hoàn thành 13/13 chỉ tiêu thi đua giáo dục, trong đó 12 chỉ tiêu xếp loại xuất sắc, 01 chỉ tiêu xếp loại Tốt. Với những kết quả đạt được trong năm học 2018-2019, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Long Biên được UBND Thành phố tặng Cờ thi đua Xuất sắc, 7 tập thể và 12 cá nhân được nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố; 02 tập thể được nhận Cờ thi đua, 03 tập thể được nhận Bằng khen của Bộ GD&ĐT./.

Trung Long



Trường Tiểu học Thượng Thanh Xây dựng trường học thân thiện, hiện đại

Những năm qua, Trường Tiểu học Thượng Thanh là điểm sáng trong phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, đồng thời luôn nằm trong tốp đầu của ngành GD&ĐT quận Long Biên. Năm học 2018 - 2019, Trường TH Thượng Thanh không chỉ duy trì ổn định chất lượng giáo dục đại trà mà còn cũng đạt nhiều kết quả trong giáo dục mũi nhọn. Học sinh của Trường đã đạt nhiều giải cao trong các kỳ thi: 18 giải cấp Quận, 12 giải cấp Thành phố, 02 giải cấp Quốc gia.

Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, Trường được Quận quan tâm đầu tư các khu phòng học chức năng gồm các phòng tin học, tiếng Anh, thư viện... với đầy đủ máy móc, thiết bị, các lớp học được sơn sửa, lắp rèm, điều hòa và máy chiếu hiện đại, phục vụ tốt nhất cho các bài giảng điện tử. Nhà thể chất, sân bóng mini được nâng cấp hiện đại, khu nhà ăn sạch sẽ đảm bảo sức khỏe toàn diện cho học sinh. Đặc biệt, Trường đã xây dựng và triển khai mô hình nhà vệ sinh thân thiện, nhằm giáo dục cho trẻ ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường một cách dễ hiểu, gần gũi nhất. Các nhà vệ sinh được thay thế hoàn toàn thiết bị mới, thân thiện và phù hợp với độ tuổi. Những bức tranh sinh động về bảo vệ môi trường cùng với âm nhạc du dương, những lời nhắc nhở nhẹ nhàng từ thiết bị tự động khiến mỗi em học sinh cảm giác như được sinh hoạt ở chính gia đình mình. Công trình "Nhà vệ sinh thân thiện - Thông điệp xanh cho hành tinh khỏe" của Trường đã tham gia Chương trình bình chọn Mô hình tiêu biểu bảo vệ Thiên nhiên & Môi trường trong học đường do Trung ương Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam tổ chức và đã giành được giải A./.

TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG THÁI

TỰ TIN TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trường Tiểu học Đông Thái được thành lập năm 1978, trên cơ sở chia tách từ Trường cấp 1, 2 Đông Thái. Những ngày đầu mới thành lập, Trường gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và phải hoạt động trên không gian chung với Trường cấp 2 Đông Thái. Được sự quan tâm của thành phố Hà Nội, các cấp, các ngành quận Tây Hồ, năm 2000 Trường được tách ra hoạt động trên cơ sở mới có diện tích rộng 3 nghìn m² tại số 29, Vọng Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ. Năm học 2012-2013, sau hơn 12 năm hoạt động tại cơ sở mới, bằng sự nỗ lực, cố gắng của thầy và trò Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, cùng sự quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất và chỉ đạo chuyên môn của Phòng Giáo dục và quận Tây Hồ, Trường Tiểu học Đông Thái vinh dự đón nhận danh hiệu Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I. Hiện nay, Nhà trường có cơ sở vật chất khá khang trang thoáng mát, sạch đẹp với đầy đủ các phòng học và phòng chức năng được trang bị thiết bị dạy và học hiện đại.

Chất lượng giáo dục toàn diện là mục tiêu chính của Nhà trường, do đó ngoài giáo dục văn hóa, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để giáo dục học sinh về truyền thống dân tộc, về các kiến thức xã hội. Các cuộc thi: Trạng nguyên tuổi nhỏ, Festival tiếng Anh; Ngày hội đọc, Hội chợ xuân... với các nội dung giáo dục từ bài học chính khóa và ngoại khóa diễn ra sôi nổi trong suốt năm học. Bên cạnh đó, các hoạt động thiện nguyện với các bạn



Mâm quả Trung thu do các cô giáo của trường trang trí để dành cho các bé

cùng trường, với người dân vùng thiên tai, học sinh vùng sâu vùng xa các tỉnh miền núi... cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên, qua đó giáo dục lòng nhân ái cho mỗi học sinh của Trường.

Phần thưởng cho những nỗ lực cố gắng của tập thể thầy và trò Trường Tiểu học Đông Thái trong suốt những năm qua là sự ghi nhận và tin tưởng của các cấp chính quyền, cha mẹ học sinh và xã hội về truyền thống dạy tốt - học tốt, cũng như phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi của Nhà trường. Nhiều học sinh từ mái Trường Tiểu học Đông Thái đã đạt các giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố và quốc gia với 10 giải quốc tế, 36 giải quốc gia, 31 giải thành phố và 471 giải quận. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm của Nhà trường đều đạt 100%, chất lượng đào tạo của Nhà trường luôn đứng top đầu trong khối tiểu học của Quận. Đặc biệt, chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên của Nhà trường không ngừng được nâng lên. Tính đến nay, Trường Tiểu học Đông Thái đã đóng góp vào vườn hoa giáo dục Hà Nội 21 giáo viên giỏi cấp thành phố, 32 giáo viên giỏi cấp quận và hàng trăm giáo viên giỏi

cấp trường. Nhiều năm liền Nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc, được bằng khen của Hội đồng nhân dân Thành phố, công tác Đội và phong trào thiếu nhi của Nhà trường được Trung ương Đoàn tặng bằng khen.

Những năm học gần đây, thực hiện chủ chương đổi mới của ngành, Trường Tiểu học Đông Thái luôn thực hiện hiệu quả phương pháp dạy lấy học sinh làm trung tâm, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của Nhà trường. Song song với đó, công tác kiểm tra đánh giá năng lực học sinh, năng lực giáo viên được triển khai bài bản, thường xuyên, trên tinh thần dân chủ, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Ban Giám hiệu của Nhà trường cũng luôn tích cực đổi mới, mạnh dạn áp dụng những giải pháp mới, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Trong suốt quá trình hơn 40 năm xây dựng và phát triển, trường Tiểu học Đông Thái không ngừng phát triển cả về chất và lượng, để đến hôm nay Trường Tiểu học Đông Thái đang tiếp tục bước đi vững chắc trên con đường đổi mới giáo dục và đào tạo./.

Thành Nam

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN - TÂY HỒ: PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG HIẾU HỌC, VỮNG VÀNG ĐI LÊN



Được thành lập từ năm 1974, Trường Tiểu học Chu Văn An vinh dự và tự hào được mang tên người thầy giáo mẫu mực trong lịch sử. Hơn 40 năm qua thầy và trò Nhà trường không ngừng phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, cố gắng vươn lên để giành thành tích cao nhất, góp phần vào những thành công của nền giáo dục Thủ đô.

Hiện nay, nhà trường có với 44 lớp và hơn 2.400 học sinh, 72 cán bộ, giáo viên, nhân viên đang công tác, làm việc với tinh thần trách nhiệm nhiệt tình hết lòng yêu nghề, mến trẻ. Khuôn viên trường tuy chưa được rộng rãi nhưng mới xây dựng nên rất khang trang, được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại phù hợp cho việc dạy và học. Các phòng chức năng, các câu lạc bộ giáo dục nghệ thuật, thể chất là điều kiện để học sinh trong trường được phát triển đầy đủ về năng lực và hoàn thiện về nhân cách.

Trong nhiều năm qua chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn được khẳng định: 100% học sinh có năng lực phẩm chất Tốt và Đạt; 100% học sinh được đánh giá đạt mức Hoàn thành Tốt và Hoàn thành.

Với tinh thần hội nhập quốc tế về văn hóa, học sinh trường đã tích cực chủ động rèn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở hai môn ngoại ngữ là Tiếng Anh và Tiếng Nhật. Năm học 2018-2019 các em học sinh của trường đã đạt nhiều thành tích đáng tự hào: Thi Olympic Tiếng Anh đạt 3 giải Nhất, 4 giải Nhì, 12 giải Ba (cấp Quận); 1 giải Nhì, 2 giải Ba (cấp Thành phố); giao lưu học sinh giỏi Tiếng Anh, Ngày hội em yêu khoa học đạt 2 giải Nhất cấp Quận; Tin học trẻ không chuyên đạt 1 giải Nhất, 1 giải Ba (cấp Quận); Toán học Singapore và Châu Á đạt giải 3 cấp Quốc tế; Toán Titan đạt 3 Huy chương Vàng cấp Quốc Tế;

trong kỳ thi tìm kiếm tài năng toán học trẻ đạt 1 Huy chương Bạc cấp Quốc tế; Tofel Primary đạt 1 giải Nhì cấp Thành phố, toán Bebras đạt 1 giải Nhất cấp Thành phố;... Đặc biệt, trong kỳ thi giáo viên giỏi, Nhà trường đã đạt 1 giải Nhất cấp Quận, 1 giải Nhất cấp Thành phố, 2 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc cấp Quốc gia.

Từ những nỗ lực đó của Thầy và trò, năm học 2018-2019 Nhà trường tiếp tục vinh dự được Ủy ban Nhân dân Thành phố tặng danh hiệu thi đua "Tập thể Lao động xuất sắc cấp Thành phố".

Mỗi ngày học sinh đến với trường Tiểu học Chu Văn An là đến với niềm vui, lòng yêu thương và sự sáng tạo. Trong những năm học tới, Trường sẽ tiếp tục phát huy truyền thống, vững vàng đi lên, xứng đáng là ngôi trường mang tên người Thầy giáo lỗi lạc của mọi thời đại - Thầy giáo Chu Văn An./

P.V

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 0866 - 7322. Số kỳ I - 11/2019 (561) Ra hàng tháng. Năm thứ 58

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại **Công ty TNHH In Tiến Sơn**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Cộng đồng Thống kê ASEAN ACSS9: Tăng cường hợp tác thống kê khu vực

4. Hội nghị Tập huấn sử dụng chữ ký số, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho Cục Thống kê các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên

6. Hội nghị Phổ biến Phương án điều tra giá tiêu dùng và Hội thảo quyền số tính chỉ số giá tiêu dùng thời kỳ 2020-2025

6. Thành phố Hà Nội Tổng kết công tác Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Nguyễn Tiến Nam

8. Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa: Xây dựng Phần mềm thống kê trực tuyến

Trịnh Xuân Phú

KINH TẾ - XÃ HỘI

10. Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười và 10 tháng đầu năm 2019

12. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 10 năm 2019

13. Nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu

Minh Hà

16. Vai trò của khoa học công nghệ trong phát triển bền vững

Linh An

19. Giải ngân vốn đầu tư công năm 2019: Thực trạng và giải pháp

TS. Trần Thị Thanh Hương

22. Cảng biển Việt Nam - Triển vọng phát triển

Thu Hòa

26. Thị trường ô tô Việt Nam: Sôi động những tháng cuối năm

ThS. Trần Thanh Tùng

29. Quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới

Duy Hưng

32. Nhiều chuyển biến trong giáo dục đại học

Ngọc Linh

35. Phát triển dịch vụ chăm sóc người cao tuổi trong xu thế xã hội già hóa

Quang Vinh

38. Tin địa phương

QUỐC TẾ

40. Biện pháp giảm tai nạn giao thông của Thụy Điển và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Gia Linh

SÁCH HAY THỐNG KÊ

44. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội: Tổ chức thực hiện và kết quả sơ bộ

GIÁO DỤC THỦ ĐÔ - ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

45. Quận Tây Hồ phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng toàn diện, đồng bộ và bền vững

Thành Nam

46. Trường Mầm non Xuân La: Lá cờ đầu trong khối giáo dục mầm non thành phố Hà Nội

Minh Hùng

48. Trường Mầm non Phú Thượng: Chú trọng chăm sóc và giáo dục trẻ

49. Ngành Giáo dục và Đào tạo quận Long Biên: Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Trung Long

51. Trường tiểu học Chu Văn An - Tây Hồ: Phát huy truyền thống hiếu học, vững vàng đi lên

Giá: 22.000 đ



Những năm qua, cán bộ, giáo viên, công nhân viên Trường Tiểu học Xuân La, quận Tây Hồ luôn đoàn kết, cùng nhau vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường qua từng năm học.

Với mục tiêu phát triển giáo dục toàn diện, bên cạnh việc đầu tư nâng cao chất lượng đại trà và giáo dục mũi nhọn, Nhà trường cũng luôn trú trọng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... để học sinh có được môi trường thuận lợi phát huy hết khả năng và năng khiếu của mình. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên của Nhà trường cũng không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới trong công tác giảng dạy, hiện 100% giáo viên của Nhà trường đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn là 96,7%. Nhà trường cũng luôn sáng tạo, đoàn kết, thực hiện có hiệu quả phong trào đổi mới phương pháp và ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản lý và dạy học, chú trọng xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực, phát huy giá trị lịch sử văn hóa vào hoạt động dạy và học, đồng thời đẩy mạnh

việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nếp sống văn minh thanh lịch cho cán bộ, công nhân viên và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Đặc biệt, Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, tin tưởng của các cấp Đảng ủy, Chính quyền địa phương trong việc đầu tư phát triển cơ sở vật chất để tạo nên một ngôi trường Xanh - sạch - đẹp, chuẩn Quốc gia mức độ I. Cùng với đó là sự quan tâm chỉ đạo sát sao, động viên kịp thời của phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tây Hồ, sự ủng hộ nhiệt tình của các bậc phụ huynh học sinh, sự cố gắng của cán bộ giáo viên nhân viên và học sinh. Nhờ đó, chất lượng giáo dục của Nhà trường ngày càng nâng cao. Trong các năm học, số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 99%, nhiều học sinh của Nhà trường đã đạt các giải cao trong các kỳ thi giải Toán, Tiếng Anh qua Internet cấp quận, cấp thành phố và quốc gia, nhiều năm liền Nhà trường đạt

danh hiệu Tiên tiến Xuất sắc về Thể dục thể thao cấp thành phố.

Với những thành tích đã đạt được, Trường Tiểu học Xuân La nhiều năm liền được thành phố Hà Nội công nhận là Tập thể Lao động Xuất sắc, Công đoàn vững mạnh xuất sắc, chỉ bộ Nhà trường đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Đặc biệt, năm học 2014 – 2015, Nhà trường vinh dự được đón nhận Huân chương lao động Hạng Ba, đây là phần thưởng cao quý của Nhà nước ghi nhận công lao đóng góp của các thế hệ thầy và trò Nhà trường đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo.

Tiếp nối những thành tích đã đạt được, thầy và trò Trường Tiểu học Xuân La tiếp tục quyết tâm thi đua "Thầy dạy tốt - Trò học tốt" để xứng đáng với danh hiệu trường chuẩn quốc gia mức độ 1, đồng thời phấn đấu mục tiêu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục Nhà trường nói riêng và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của quận Tây Hồ nói chung./.

Minh Châu



Một số hoạt động của cô và trò trường Tiểu học Xuân La

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỒNG QUAN NỖ LỰC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Phát huy truyền thống hiếu học của quê hương, Trường THPT Đồng Quan, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội đã không ngừng đổi mới, sáng tạo để nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua do ngành Giáo dục phát động như: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; “Thi đua dạy tốt - học tốt”; “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”...



Tuyên dương khen thưởng học sinh thi đại học điểm cao năm học 2018-2019

Đến nay, Trường THPT Đồng Quan đã trở thành một trong những ngôi trường ở khu vực ngoại thành có chất lượng giáo dục hàng đầu, là điểm sáng trong công tác “trồng người” của ngành Giáo dục Thủ đô.

Thầy giáo Lê Văn Dũng, Hiệu trưởng nhà trường cho biết: Những năm qua, trong điều kiện một ngôi Trường nằm ở vùng nông thôn với cơ sở vật chất còn thiếu tính đồng bộ, điểm đầu vào của học sinh chưa cao, đời sống của các thầy cô còn nhiều khó khăn... Song Nhà trường đã luôn chú trọng chăm lo xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao, yêu nghề, gắn bó với trường... nhờ đó chất lượng giáo dục của nhà trường có nhiều chuyển biến và gặt hái được nhiều thành tích đáng tự hào. Trong 8 năm trở lại đây, tỷ lệ học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp hàng năm bình quân đều đạt từ 99% đến 100%; tỷ lệ học sinh thi đỗ đại học của trường không ngừng tăng lên tỷ lệ học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp hàng năm bình quân đều đạt từ 99% đến 100%, nếu như

năm 2012 tỷ lệ này là 50,3% thì đến năm 2019 đã hơn 85%. Đặc biệt, từ năm 2012 - 2019 tại các kỳ thi đại học, nhà trường đều có học sinh thi đỗ thủ khoa (tổng số 13 em) vào các trường đại học danh tiếng thuộc top đầu của cả nước và đã có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp Quốc gia về bộ môn văn hóa năm 2017 và 2018. Về chất lượng đội ngũ, 100% giáo viên nhà trường đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng được yêu cầu về đổi mới của ngành giáo dục hiện nay.

Để đạt được những thành tích trên, trước hết phải kể đến đội ngũ ban Lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo đúng hướng, thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của cấp ủy Đảng “Đổi mới phương pháp dạy học, quyết tâm xây dựng trường Đồng Quan trở thành trường có uy tín, chất lượng cao trong khu vực”; Mạnh dạn áp dụng nhiều biện pháp mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo với phương châm “làm thật để có chất lượng thật”.

Bên cạnh đó, Ban Giám hiệu Nhà trường cũng đề ra mục tiêu phấn đấu trong từng giai đoạn và cụ thể cho

mỗi năm học, sát sao trong công tác chuyên môn và quản lý học sinh. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng công minh, chế độ đãi ngộ thỏa đáng cũng như công tác khuyến học, khuyến tài kịp thời với cả các thầy, cô giáo và học sinh để làm động lực phấn đấu cho mỗi cá nhân.

Song song với việc dạy văn hóa, Trường THPT Đồng Quan cũng luôn quan tâm giáo dục “kỹ năng mềm” cho học sinh thông qua các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT... Cụ thể, Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia nhiều cuộc thi như: Tìm hiểu Luật ATGT, Hội thi Nét đẹp Tràng an, Hội thi ẩm thực, Thi chạy phổ thông, Thi đấu bóng đá, bóng chuyền,...; Tổ chức các hoạt động ngoại khóa như thấp nển tri ân, đi thăm quan các khu di tích lịch sử, văn hóa để các em có thêm sân chơi, có cơ hội được trải nghiệm cũng như có thêm nhiều kiến thức bổ ích về các lĩnh vực xã hội.

Thầy Dũng cho biết thêm: Trong những năm học tới, Trường THPT Đồng Quan sẽ tiếp tục đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất để các em học tập đạt kết quả cao. Với tinh thần tích cực, năng động, sáng tạo trong đổi mới, thầy và trò Trường THPT Đồng Quan quyết tâm giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia. Vững bước đi lên, đạt nhiều thành tích hơn nữa, xứng đáng với những phần thưởng cao quý như: Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ và của UBND thành phố, cùng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp chính quyền trao tặng.../.

Trọng Nghĩa